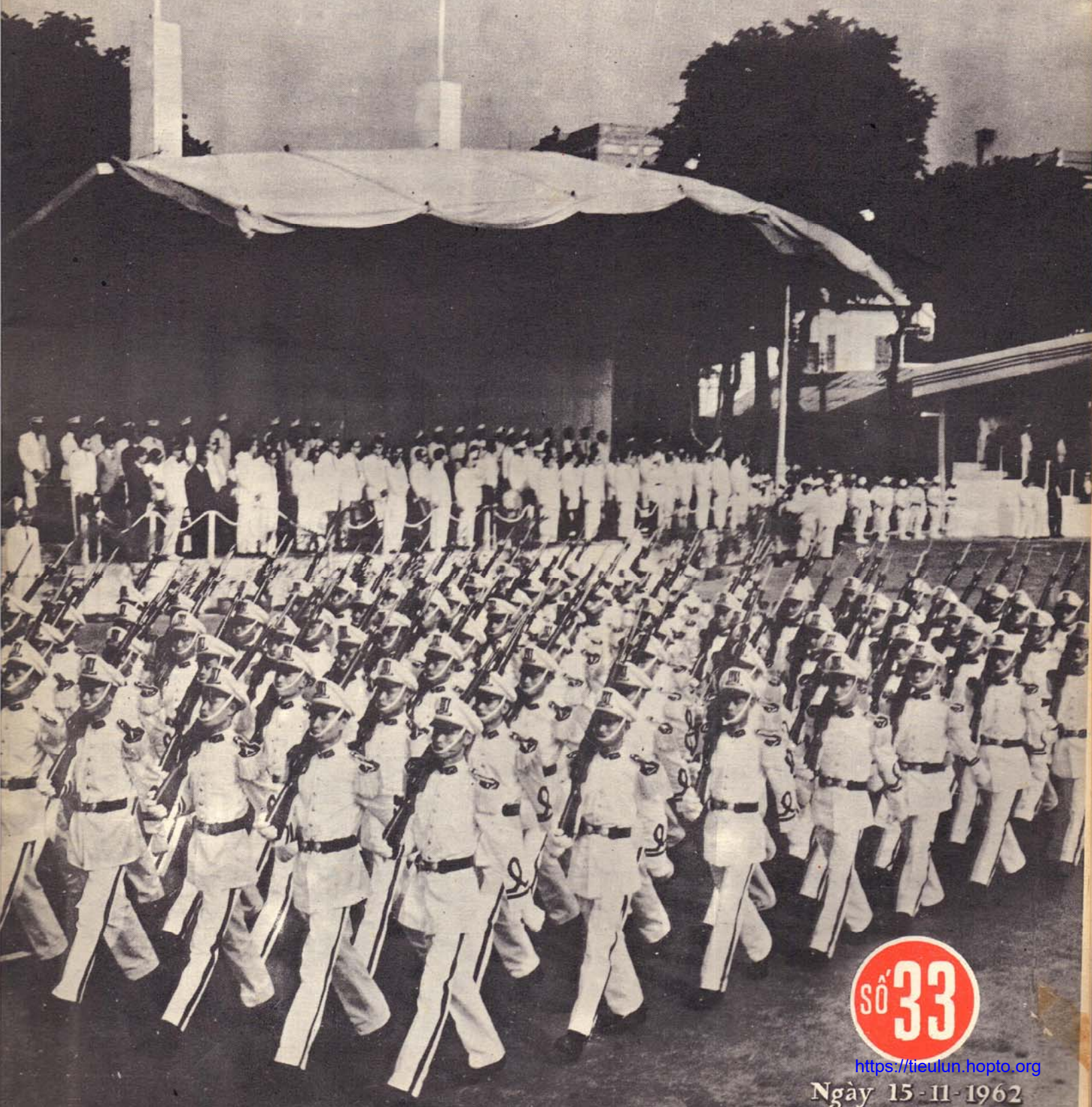


Wason
HV 7879
V5 Bzt

Ban Dân

TIẾNG NÓI CÔNG AN CẢNH SÁT VIỆT NAM CỘNG HÒA



SỐ 33

<https://tieulun.hopto.org>

Ngày 15-11-1962



Tòa soạn :

241, Đại lộ Cộng Hòa — Saigon

Điện thoại : 24.822/95

Giám-đốc, Chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY

Quản-lý : Đặng-văn-Đức



Bìa trước :



DIỄN - BINH ngày Lễ Quốc-Khánh

26 - 10 - 1962, (Trường Sĩ - quan

Thủ - Đức diễn - hành)

(Ảnh : Văn - Thông)

GIÁ BÁO

Một Sđ 10đ — Sáu tháng 60đ

Một năm 100đ.

Mọi việc giao dịch, thư từ và bài vở,
liên lạc với TÒA - SOẠN BẠN - DÂN
Bưu phiếu, chi phiếu, ngân phiếu, đề
tên ông Quản lý : Đặng - văn - Đức
241, Đại - lộ Cộng - Hòa — Saigon



Cấm trích dịch, phỏng đăng vào sách báo
ngoại quốc mà không xin phép

Giấy phép : Số 26 - BTT/NĐ ngày 17-2-60
In tại Chấn-Hưng 742, Phan Thanh Giản - Saigon

Trong số này :

* Một bài học về « chính sách trung
lập » và « chung sống hòa bình với
Cộng sản ».

BẠN DÂN

— Văn đề Cuba. — Chánh tình nước
Pháp. — Chiến tranh Ấn - Độ -
Trung Cộng.

Trung-Đạo

* Đông-Đức, Tây-Đức, Bá-Linh ;
ngôi lửa chiến tranh thứ III ?

Nguyễn-Việt

— Vội thành niên

Đàm-trung-Mộc

* Nhân sinh và hạnh phúc

T. T. Liệu

— Bói cách cư xử

Trần - đình - Khải

* Tam túc tam giác

Bồ-Giang

— Điều-tra về các vụ phạm thuần.
phong, mỹ-tục.

N. C. Chánh

* Cảnh - Sát Anh Quốc ngày nay

Đỗ-Hiếu

— Lê-Ninh, gián-điệp hàng hai lãnh
tiền của Đức

M. V. 21

* Chó trong công - tác Cảnh - sát

Nguyễn - Đại

— Gián - điệp và phản bội trong thế -
chiến II (tiếp theo).

N. T. H.

* Phòng 99... tờ cáo (tiếp theo)

Anh Đăng

— Xác chết ướp khô

Ngư-Lang

* Việt, Chiêm, Thượng đoàn kết (thơ)

H. S. T.

Bìa sau :



THÚ GIANG HỒ

(Ảnh : Văn - Thông)

HIỆU - TRIỆU

CỦA

TỔNG - THỐNG VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

NHÂN DỊP LỄ QUỐC - KHÁNH 26 - 10 - 1962

Quốc dân Đồng bào,

Hôm nay, long trọng kỷ niệm đệ thất chu-niên Cộng - Hòa, nhân danh Chánh-Phủ và nhân danh riêng tôi, tôi gọi đến toàn thể đồng bào, từ Nam chí Bắc cũng như ở hải ngoại, lời chào thân ái.

Đồng bào hãy cùng tôi tưởng nhớ công ơn các Chiến-sĩ tiền tuyến và tất cả các cấp Dân Quân Chính, Thanh Nam, Thanh Nữ Cộng - Hòa, Bảo vệ Hương thôn, Phụ nữ bán quân sự, đang ngày đêm chiến đấu để Chính nghĩa được toàn thắng và cuộc Cách mạng của dân tộc thành công mỹ mãn.

Đồng bào hãy cùng tôi nghiêng mình trước anh linh các nghĩa sĩ đã anh dũng xả thân để phụng sự Tổ quốc, bảo vệ Tự do.

Trước hiện tình đất nước, ta phải đoàn kết chặt chẽ để sớm đạt được thắng lợi cuối cùng.

Đương đầu với lực lượng phá hoại của Cộng sản vô thần, nhiệm vụ của chúng ta là phải giải phóng mỗi người cũng như toàn dân thoát khỏi mọi hình thức hủy diệt thể chất và tinh thần, bằng cách xây dựng một nền dân chủ luôn luôn cảnh giác và tích cực phấn đấu, để vừa cải tiến kinh tế, xã-hội, vừa phát triển văn hóa, đạo đức. Chính ý chí đó là động lực thúc đẩy cao trào cách mạng của nhân dân xây dựng Ấp Chiến-lược, một ý chí cương quyết, anh dũng và sáng tạo trong kỷ luật và khắc khổ. Chính tinh thần ấy lôi cuốn chúng ta tiến bước đến công bằng xã-hội và tự do dân chủ, bắt chắp mọi trở ngại của tình trạng kém mở mang.

Tinh thần ấy đòi hỏi ta phải luôn luôn giữ vững Thành, Tín, sáng suốt nhận định thời cuộc và cả dám đảm đương trách-nhiệm.

Đạo lý của dân Việt không dung thứ các thói xu mị, ươn hèn, tặc trách. Đạo lý ấy được tiêu biểu ở những tâm hồn cương quyết chiến đấu đến cùng, để chuyển hướng lịch sử và đưa các tầng lớp cán bộ ưu tú của quốc dân tiến đến toàn chân toàn thiện.

Đồng bào thân mến,

Tin tưởng mãnh liệt vào tiến đồ Tổ quốc, vào ngày chiến thắng không xa diệt trừ cộng phỉ, chúng ta hãy gia tăng nỗ lực và đề cao cảnh giác, để biến các giai đoạn thử thách hiện tại thành những trang anh hùng ca oanh liệt nhất trong lịch sử dân tộc Việt-Nam.

Xin Ôn Trên phủ hộ chúng ta.

MỘT BÀI HỌC

SAU thể chiến thứ hai, một số quốc gia nhỏ bé, chậm tiến hay vừa mới thu hồi độc lập, chủ trương chính sách trung-lập, với tin tưởng sẽ đứng ngoài vòng cuộc tranh chấp Nga — Mỹ, một cuộc tranh chấp có thể khơi bùng lại ngọn lửa chiến tranh vừa mới bị dập tắt. Xu hướng trung lập được cơ bản-trưởng mạnh mẽ từ năm 1955, sau Hội-nghị Bandoeng, nơi đây Chu-Ẩn-Lai, trưởng đoàn Trung Cộng đã nêu ra 5 nguyên tắc «Sống chung hòa bình» rất hấp dẫn.

Các nước trung-lập hy vọng sẽ thành lập được một lực lượng thứ 3 trên thế giới để giữ vai trò hoãn-xung giữa hai khối khổng lồ Tự do và Cộng sản, đồng thời tiền đến một thể chân vạc chia ba thiên hạ.

Các nước trung lập cũng đã tin tưởng ở sự thành thật của Cộng sản để cùng nhau «chung sống» trong hòa bình lâu dài.

Thời gian trôi qua

Các nước trung lập, trên thực tế, không thành một lực lượng để đóng vai trò lịch sử cho nhân loại, mà cũng không « hoãn » được cuộc xung đột giữa hai ý thức hệ Tự do và Cộng sản. Trái lại, thế giới càng ngày càng thêm rối loạn vì nạn Cộng sản và nhân loại luôn luôn phấp phồng lo sợ một cuộc chiến tranh nguyên tử giữa hai khối vì tham vọng đế quốc của Nga-Sô.

Trong lúc đó, những quốc gia tự cho mình là « không cam kết », « không theo khối nào » lại có những hành động bênh vực « lập trường Cộng sản » trong những cuộc tranh chấp quốc tế.

Cộng sản lợi thế, lại càng nuôi dưỡng thuyết «sống chung hòa bình» của họ và «chính sách trung lập» của các nước. Các lãnh tụ trung lập cũng được Cộng sản vuốt ve hơn. Và rồi mai thay, vài cường quốc Tây phương, vì lý do này hay lý do khác, đã thiếu cương quyết trong trách nhiệm, có lúc lại đồng ý với Cộng sản « khai sinh » thêm những nước trung lập, bắt chấp sự phản đối của người Quốc gia bản xứ và dư luận trong khối Tự do.

Cho nên, các lãnh tụ trung lập bỗng nhiên lại thấy «được giá» và trở nên kiêu hãnh. Những lãnh tụ đó tự hào là đã khôn ngoan «nằm giữa không mất phần mền», chẳng những xứ sở họ không bị «đế quốc» dòm ngó mà còn hưởng được «viện trợ» của cả các cường quốc Tự do lẫn Cộng sản.

Nhưng việc gì phải đến đã đến.

Ấn-Đô vốn là nước được coi như tiên phong cho thuyết «chung sống hòa bình» của khối Cộng sản, lại vừa bị chính kẻ đã đề ra thuyết này xua cả mây chực sự đoàn với đầy đủ vũ khí tối tân sang tấn công ở qt. Và Thủ Tướng Nehru, vị lãnh tụ tinh thần của các « quốc gia trung lập », «không theo khối nào», đã phải khẩn cấp kêu gọi «khởi tự do» giúp đỡ chống cuộc xâm lăng của Trung cộng trong «khối Cộng sản». Thủ Tướng Nehru đã tuyên bố đại ý : cuộc xâm lăng của Trung cộng vào lãnh thổ Ấn đã thức tỉnh dân tộc Ấn và có thể thay đổi giòng lịch sử Ấn-Độ.

Chúng ta không dám quyết đoán «đòn» xâm lăng của Trung cộng có «thảm» đến độ làm cho nước Ấn-Độ thay đổi chính sách hay không, nhưng chắc chắn nó đã «đủ» để thức tỉnh nhân dân Ấn.

Phải có kinh nghiệm bản thân về Cộng sản như thế mới hiểu được thực chất và sách lược xâm lăng của Cộng sản !

Ấu, đây cũng là một bài học về «chính sách trung lập» và «sống chung hòa bình» với Cộng sản !

BẠN - DÂN



Thế giới có gì lạ ?

VẤN ĐỀ CUBA

C ŨNG như Bá-Linh, một ung nhọt của khối Cộng-Sản, Cuba sắp trở thành một vết thương đối với Tây bán-cầu nói riêng và Thế Giới Tự-Do nói chung. Từ trước đến nay Cuba với chế độ Castro vẫn được sự giúp đỡ của Nga và các chư hầu Cộng sản, nhưng sự giúp đỡ này chỉ nhằm chống đỡ cho chế độ khỏi phải sụp đổ vì tình hình kinh tế càng ngày nguy kịch. Nhưng trong tháng vừa qua sự viện trợ của Nga lại tăng cường một cách đại quy mô, không những chỉ nhằm mục tiêu kinh tế mà lại còn nhằm thiết lập tại Cuba một căn cứ quân sự tối tân có thể tấn công các nước Châu Mỹ. Thật vậy, Nga đã đổ lên Cuba 400 000 tấn vũ khí đủ loại, từ các loại súng cổ điển đã được tối tân hóa đến hỏa tiễn tầm trung, từ phi cơ phản lực đến tàu chiến có trang bị hỏa tiễn. Các vũ khí này phần lớn của Nga và Tiệp-Khắc chế tạo. Nhiều căn cứ phóng hỏa tiễn được chuyển viên Nga, Tiệp-Khắc, Đông-Đức và Trung-Cộng cấp tốc thiết lập; quân đội Castro ước lượng từ 300.000 đến 500.000 người cũng được huấn luyện viên các nước Cộng-Sản dạy sử dụng các vũ khí tối tân. Người ta ước lượng trên 4 000 chuyên viên Nga đã hoạt động tại Cuba. Nga và Cuba đã cho rằng đây là các loại vũ khí phòng thủ, nhưng với chiến tranh ngày nay, không ai có thể phân biệt được loại vũ khí nào là phòng thủ và loại nào để tấn công. Ngoài ra, người ta vẫn còn nhớ rằng trước đây Hitler vẫn luôn luôn cho rằng nước Đức xây dựng bộ máy chiến tranh chỉ để tự vệ...

Trước đây, khi nhận thấy chế độ Castro càng ngày càng thiên Cộng rõ rệt, Tổng Thống Kennedy đã cho thi hành nhiều biện pháp, tiêu cực có, tích cực có, như triệu tập Hội-ngị 21 nước Châu Mỹ

trong tổ chức OEA (Organisation des Etats Américains) tại Punta del Este (Uruguay) để khai trừ Cuba, như tuyệt giao với chính quyền Castro và ngừng trao đổi thương mại. Từ ngày cuộc đổ bộ của phe chống Castro tại «Vịnh Heo» (Bay of Pigs) thất bại, chính sách của Hoa-Kỳ là chờ đợi sự sụp đổ của chế độ Castro nhưng nay thì thay vì sụp đổ, chế độ Castro lại trở nên một mối đe dọa hòa bình ở Tây bán-cầu và nhất là đe dọa nền an ninh của chính Hoa-Kỳ. Lần đầu tiên trong cuộc chiến tranh lạnh non hai mươi năm nay, Hoa-Kỳ đã có một thái độ tích cực, đã nhận trách nhiệm bảo vệ tự do trước mọi nguy cơ của một thế chiến thứ ba. Với bài diễn văn đọc ngày 22 10 62 vừa qua trước dân chúng Mỹ và Thế giới, Tổng Thống Kennedy đã đề ra biện pháp gồm 7 điểm để chống sự đe dọa của Cuba nói riêng và của Thế giới Cộng-Sản nói chung. Tổng Thống Kennedy đã không ngần ngại quy trách nhiệm cho Nga trong mọi cuộc tấn công bằng phi đạn nguyên tử phát xuất từ Cuba, và tuyên bố Haa-Kỳ sẽ trả đũa tức khắc và toàn diện vào Nga-sô, và liền sau đấy ra lệnh phong tỏa Cuba.

Thái độ của các quốc gia quan trọng đồng minh của Hoa-Kỳ như Anh và Pháp đã tỏ ra tán thành thái độ cương quyết của Tổng Thống Kennedy.

Trước thái độ này, Nga ban đầu còn mặc cả với Hoa-Kỳ nhưng dần dần tỏ ra đầu dúi, ôn hòa và cuối cùng ra lệnh ngưng việc chuyển chở vũ khí đến Cuba, và đòi thương thuyết. Trong lúc ấy Hoa-Kỳ vận động đưa vấn đề Cuba ra Hội-đồng Bảo-An Liên hiệp Quốc và trong các phiên họp của Hội đồng này, Hoa Kỳ đã đưa ra nhiều bằng chứng rõ rệt, như hình ảnh chụp được trên đất Cuba về việc xây dựng căn cứ chiến lược tại đây của Nga. Nga đã áp dụng chính sách «mềm nắn rắn buông» và nhận điều kiện đề Liên Hiệp Quốc kiểm soát các căn cứ hỏa tiễn và tháo gỡ các loại vũ khí này chở về Nga. Trong lúc ấy Castro phản đối lấy lệ và trong cuộc tiếp xúc sơ bộ với ông U Thant, quyền Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Castro đã chống mọi sự kiểm soát của phái bộ Liên Hiệp Quốc. Castro còn đưa ra 5 điều kiện trong ấy có điều kiện buộc Hoa Kỳ phải rời bỏ căn cứ Guantanamo.

Trước thái độ này của Castro, Nga đã gửi ông Mikoyan, đệ nhất phó Thủ Tướng Nga để sang thuyết phục Castro. Dầu sao Cuba vẫn là một con bài của Nga để mặc cả; việc Nga đòi Hoa Kỳ rút hết căn cứ hỏa tiễn ở Thổ Nhĩ Kỳ chứng tỏ điều này Castro không thể nào cưỡng lại chính sách chung của khối Cộng.

CHÁNH TÌNH NƯỚC PHÁP

Vấn đề Algérie của Pháp đã được chính Phủ De Gaulle giải quyết xong, như vậy kể Tổng Thống De Gaulle đã thành công như ông đã hứa với dân chúng Pháp. Mặc dù trải qua nhiều khó khăn nguy hiểm có thể đưa đến nội chiến, chính Phủ De Gaulle vẫn đứng vững và hiện nay tổ chức quân đội bí mật

(OAS) hầu như tan rã. Nhưng Tổng Thống De Gaulle lại bắt đầu gặp lại các khó khăn chính trị trong nước.

Trên một khía cạnh nào, người ta có thể cho rằng chính De Gaulle đã gây ra các vụ rối loạn trong chính tình của Pháp, với việc sửa đổi Hiến Pháp của Đế Ngũ Cộng Hòa Pháp mà theo đấy thì Tổng Thống Pháp sau này sẽ được toàn dân bầu chứ không phải do một số 80.000 vừa dân biểu, vừa các chính khách thành thị và các quận huyện của Pháp. Với sự sửa đổi này, De Gaulle nhằm biện pháp vượt quá hệ thống của Nghị viện, quyền lập pháp, và dựa vào dân chúng mà ông cho rằng vẫn còn ủng hộ ông trong việc tiếp tục nắm giữ chính quyền. Do đó mà cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức trong khắp nước Pháp ngày 28 tháng 10 vừa qua.

Trong một cuộc nói chuyện vô tuyến truyền hình trước dân chúng Pháp, De Gaulle đã hăm dọa dân Pháp nếu ông không được đa số ủng hộ, ông sẽ rút lui để nước Pháp lâm vào tình trạng khủng hoảng chính trị, kinh tế như hồi 1958 trước đây mà chính ông là người đứng ra cứu vãn tình thế. De Gaulle tuyên bố: «Nước Pháp mới đây được kể như «một kẻ bệnh hoạn của Âu Châu», nay được xem như một quốc gia có thể lực và ảnh hưởng trên Thế giới. Nền kinh tế, với cán cân thương mại được quân bình và giá trị tiền tệ được giữ vững, sắp bước vào giai đoạn thịnh vượng. Vậy đối với tôi, mỗi thăm thuận của đồng bào là bằng chứng của sự tin cậy và khuyến khích tôi, và tùy theo sự trả lời của đồng bào mà có tôi hay không, để tiếp tục nhiệm vụ phụng sự nước Pháp».

Sau lời tuyên bố của Tổng Thống De Gaulle, Nghị Viện Pháp nhóm họp trong một bầu không khí căng thẳng. Nhiều diễn văn của các nghị sĩ nhắc đến nguy cơ của chế độ độc tài, nguy cơ như hồi 1848 sau khi Louis Napoléon đã cướp chính quyền, rồi mặc dù đã thề thốt tôn trọng Hiến pháp, ba năm sau đã ra tay đàn áp các đảng phái đối lập và giải tán Quốc Hội. Một kiến nghị được đưa ra tố cáo De Gaulle đã vi phạm Hiến pháp mà ông ta là người có bổn phận bảo vệ với tư cách là Tổng Thống và De Gaulle đã mở màn cho một cuộc phiêu lưu chính trị mà mỗi ngày sắp đến là một ngày có thể làm sụp đổ nền Cộng Hòa và chấm dứt mọi tự do.

Các đảng phái trước đây vẫn chống nhau như Xã hội, Cấp tiến, Cộng Hòa Bình Dân và cánh hữu của các đảng Độc Lập đều đoàn kết chống De Gaulle trong chính sách Âu Châu và Quốc Phòng và cho rằng De Gaulle đã «gặm nhấm lần lần các quyền lập pháp».

Nhiều nhân vật chống De Gaulle hiện nay, trước kia trong Đế Tứ Cộng Hòa đã ủng hộ De Gaulle như Antoine Pinay, Pierre Mendès France và Pierre Pflimlin. Luôn cả Paul Reynaud trước kia là người từng sát cánh với De Gaulle trong những ngày đau khổ của năm 1940, nay cũng tuyên bố một cách chua chát:

«Tại sau hiện nay chúng ta đang lâm vào một tình trạng hỗn loạn trí thức? Đấy là tại De Gaulle muốn gồm hết cả danh dự của một Quốc Trưởng và quyền lực của một Thủ Tướng, ông muốn vừa là Churchill vừa là Hoàng Đế George VI, vừa là Adenauer vừa là Lübke»,

Rồi Nghị viện Pháp trong một phiên họp đêm đã thông qua một nghị quyết khiển trách chính phủ Georges Pompidou, một Chính Phủ tay chân của De Gaulle. Trước sự từ chức của Chính Phủ do ông chỉ định, De Gaulle chấp thuận nhưng tỏ ra đứng dưng, xem như không có việc gì xảy ra, và sau khi dự một cuộc thao diễn của Quân đội về, ông đã ra lệnh giải tán Quốc Hội họp với Hiến Pháp mới của Đế Ngũ Cộng Hòa. Như vậy có nghĩa là tháng tới sẽ có cuộc bầu lại Quốc Hội mới.

— Cuộc trưng cầu dân ý sửa đổi Hiến Pháp đã diễn ra ngày 28 tháng 10 ở khắp nước Pháp và Tổng Thống De Gaulle đã thắng với kết quả sau đây:

— Cử tri ghi tên	: 28.185.478
— Cử tri bỏ phiếu	: 21.694.563
— Cử tri phát biểu ý kiến	: 21.125.954
— Thăm thuận	: 13.150.516
— Thăm chống	: 7.974.538

Mặc dù không được đa số quan trọng như dự định, De Gaulle vẫn quyết định tiếp tục giữ chức vụ Tổng Thống sau khi dân tộc Pháp biểu quyết tán thành dự án sửa đổi luật bầu cử Tổng Thống theo phổ thông đầu phiếu. Kết quả cuộc trưng cầu dân ý cho ta nhận thấy dân chúng Pháp mặc dù sợ chế độ độc tài vẫn còn muốn có một Chính Phủ mạnh và một tình thế chính trị ổn định để đối phó với mọi biến chuyển trên thế giới. Hay là vấn đề Cuba đã làm cho dân chúng Pháp có xu hướng đoàn kết với một lãnh tụ có thể lực? Dù sao chúng ta cũng phải nhìn nhận một sự kiện là tình hình thế giới càng căng thẳng thì nhiều quốc gia càng mong có một chế độ chính trị vững mạnh, nếu không, họ cũng đồng ý ban cho Chính phủ nhiều quyền hành rộng rãi để đối phó khi khẩn cấp. Âu cũng là bản năng tự vệ và sinh tồn.

De Gaulle đã thắng keo đầu nhưng sẽ còn nhiều khó khăn trong cuộc bầu cử Quốc Hội tháng sắp tới đây mà các đảng phái sẽ không ngừng tranh đấu chống ông.

CHIẾN TRANH ẤN-ĐỘ TRUNG-CỘNG

Đồng thời với tin khủng hoảng Cuba mà Hoa Kỳ và Nga đang đối đầu, cuộc chiến tranh giữa hai quốc gia khổng lồ về dân số trên thế giới là Ấn-Độ và Trung Cộng bùng nổ. Cuộc chiến tranh xảy ra trên vùng núi non cao ngất và lạnh lẽo của dãy Hy-mã Lạp-sơn trên hai mặt trận dài gần 4.000 cây số nơi biên thùỵ Ấn—Trung, biên thùỵ mà người ta thường gọi là ranh giới Mac-Mahon. Cuộc chiến tranh này chấm dứt các cuộc đụng độ lặt vặt cũ và về

ranh giới đã xảy ra giữa Ấn-Độ và Trung Cộng trong vòng ba năm nay. Nó có thể đánh dấu sự chấm dứt của một chính sách lầm lạc, tin tưởng sự thật tâm của Cộng Sản mà Thủ-Tướng Jawaharlal Nehru hằng theo đuổi từ trước đến nay. Đã 72 tuổi rồi, một chính khách lỗi lạc, một Thủ-Tướng từng trải như ông Nehru có lẽ phải lãnh hội một bài học về chiến lược, chiến thuật chính trị của Cộng Sản.

Trước sự thất bại của Quân đội Ấn ở biên thủy ông Nehru vẫn còn quan niệm rằng cần giữ chính sách trung lập hơn lúc nào hết vì các khó khăn hiện nay. Cái khó khăn ấy là sự thiệt hại trên 2.000 binh sĩ Ấn và sự rút lui của quân Ấn, trước hơn 100.000 quân Trung Cộng tràn bị đầy đủ đang tràn qua lãnh thổ Ấn như nước vỡ bờ. Nhiều đồn quan trọng đóng dọc biên thủy đã phải bỏ lọt vào tay quân Trung Cộng và quân đội Ấn đang tổ chức lại chiến tuyến phòng thủ khác. Cái thiệt hại quan trọng ở vùng Ladakh Kashunir chứng tỏ quân đội Ấn không thể cầm cự, chống đỡ trước quân Trung Cộng đã tiến chiếm làng Towang gần biên thủy xứ Bhutan, nằm trên độ 4.000 thước, một địa thế kiểm soát miền đồng bằng sông Brahmapoutra. Một đơn vị hơn 3.000 quân Ấn phải rút bỏ làng này trước làn sóng quân Trung Cộng, nhiều binh sĩ lạc vào núi rừng phải chết vì đói, rét. Hai lữ đoàn Ấn được gửi đến tiếp viện với pháo binh miền núi, nhưng khi đến thị trấn Tezpur họ nhận thấy quá trễ: làng Towang đã lọt vào tay quân Trung Cộng sau nhiều cuộc chiến đấu gay go và binh sĩ phòng thủ Ấn phải rút bỏ «theo kế hoạch».

Tại New-Delhi, Thủ-Tướng Nehru phải tuyên bố tình trạng khẩn cấp, cắt chức bộ Trưởng Quốc Phòng Krisna Menon, người bị xem như đã có chính sách mềm yếu đối với Trung Cộng. Trên đài phát thanh, Thủ-Tướng Nehru đã tố cáo Trung Cộng gây hấn và kêu gọi dân chúng «thắt lưng buộc bụng» để đối phó với hiểm họa xâm lăng to lớn nhất kể từ khi Ấn được độc lập đến giờ. Ông còn cho biết Ấn cần tìm thêm khí giới ở các nước ngoài và ông tỏ ra dè dặt trong sự kêu gọi các nước Tây Phương viện trợ vũ khí. Ông tố cáo Trung Cộng đã tỏ ra «vô ơn» đối với việc nước ông nhìn nhận Trung Cộng và thú nhận rằng dân Ấn đã nhận thấy họ không thực tế trên cái thế giới tân tiến ngày nay và họ đã sống trong một bầu không khí giả tạo từ trước đến nay.

Trong cuộc tiếp xúc với Đại-sứ Nga là Ivan A. Benediktov, ông Nehru đã tỏ ra hy vọng vào sự can thiệp của Nga để kèm giữ Trung Cộng, nhưng Đại sứ Benediktov đặt điều kiện rõ ràng:

1 — Ấn không được kêu gọi sự giúp đỡ vũ khí của các nước Tây Phương vì như thế Ấn sẽ bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh lạnh hiện nay.

2 — Ấn không được đưa vấn đề tranh chấp biên giới này ra Liên Hiệp Quốc và nếu hai điều kiện này không được chấp thuận, Nga nhận thấy bị bắt buộc phải đứng vào phe Trung Cộng.

Đại sứ Benediktov khuyên Ấn nên thương thuyết trên căn bản đã do Bắc Kinh đề nghị, nghĩa là nhượng cho Trung Cộng 40 dặm đất Ấn, và lực lượng hai bên phải rút khỏi ranh giới mới 12 dặm.

Ông Nehru từ trước đến nay nhiều lần đã yêu cầu phe Tây Phương nhượng bộ phe Cộng Sản, nhưng nay đến lượt biên giới nước ông bị Cộng Sản xâm phạm, ông lại không nhượng bộ nữa. Ông đã cho lệnh Đại diện Ấn tại Liên Hiệp Quốc tố cáo sự xâm lăng của Trung Cộng, đồng thời vận động cho Trung Cộng được vào Liên Hiệp Quốc vì theo ông «chỉ có cách ấy mới bắt buộc Trung Cộng xét lại sự phiêu lưu quân sự của họ và họ phải nhận cái trách nhiệm xâm lăng với tư cách là hội viên của «Cộng đồng thế giới».

Nhưng sự thật thì Trung Cộng không phải chỉ nhằm vào việc đòi hỏi một dãy đất 52.000 dặm vuông dọc theo biên thủy khô khan, lạnh lẽo kia, mà Trung Cộng nhằm vào mục đích lật đổ chế độ tự do của Ấn, một chế độ hoàn toàn trái ngược với chế độ vô nhân đạo của Trung Cộng. Đài phát thanh Bắc Kinh đã nhắc đi nhắc lại luận điệu: «chế độ kinh tế lạc hậu của Ấn Độ» và «viện trợ Hoa Kỳ».

Thủ-Tướng Nehru đã bị đặt vào tình trạng «dưới chân tường», ông đã phản ứng và cả dân chúng Ấn Độ cùng phản ứng bằng cách đập phá các trụ sở của đảng Cộng Sản Ấn và kêu gọi các nước Tây Phương viện trợ. Anh và Hoa Kỳ đang cho tải vũ khí từ Tây Đức và Thổ Nhĩ Kỳ sang Ấn. Nga thì chấm dứt việc bán vũ khí cho Ấn và tỏ ra ủng hộ Trung Cộng.

Khối Cộng đang thi hành một kế hoạch gây rối toàn diện đây chăng? Hay đây là chính sách riêng của Trung Cộng? Tình hình chung của thế giới cho phép chúng ta nhận định là khối Cộng đang thi hành kế hoạch gây rối chung để đo phản ứng của Thế Giới Tự Do hay để đòi hỏi thêm thắng lợi. Chúng ta chờ xem trong Hội nghị tối cao sắp đến Nga đòi hỏi những gì?

T. Đ.

Đạo lý của dân Việt không dung thứ các thói xu mị, ươn hèn tặc trách. Đạo lý ấy được tiêu biểu ở những tâm hồn cương quyết chiến đấu đến cùng, để chuyển hướng lịch sử và đưa các tầng lớp cán bộ ưu tú của quốc dân tiến đến toàn chân toàn thiện.

NGÔ-TỔNG-THÔNG

VỞ các cuộc tiếp xúc trong năm vừa qua cũng như trong năm nay giữa hai khối Đông Tây về vấn đề Đức quốc trên cấp bậc Ngoại trưởng cho đến cấp bậc tối cao, người ta hy vọng giải quyết được vấn đề thống nhất nước Đức và ổn định tình hình của thành phố Bá-Linh. Nhưng rốt cuộc vấn đề vẫn dằng dặc. Tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai khối không có mồi bột căng thẳng nếu không muốn nói là nó đe dọa bước sang giai đoạn nóng. Thế giới có cảm tưởng là các cuộc xung đột giữa hai khối Tự do và Cộng sản hiện nay trên thế giới như các vụ Lào, Việt Nam và Cuba đều là những con cờ để hai khối mặc cả nhau về vấn đề Đức quốc và Bá-Linh, và đến ngày nay người ta vẫn đồng công nhận là chính vấn đề này có thể là đầu mối của cuộc tranh chấp quyết liệt hơn nữa ở tương lai, giữa hai ý thức hệ.

Đông - Đức Tây - Đức Bá - Linh :

NGÒI LỬA CHIẾN TRANH THỨ 3 ?

★ của NGUYỄN - VIỆT

ĐÔNG - ĐỨC — TÂY - ĐỨC

Đức quốc-xã sau khi bại trận đã bị chia cắt thành nhiều mảnh. Tất cả vùng phía Đông con sông Oder-Neisse được đặt dưới quyền cai trị của Ba-Lan và cả một miền Nam Phổ, theo hiệp ước Potsdam. Riêng miền Bắc Phổ thì thuộc Nga. Thành phố Tự do Dantzig sản phẩm của hòa ước Versailles năm 1919, gồm hầu hết là dân Đức cũng bị đặt dưới quyền cai trị của Ba-Lan. Nước Đức sau thế chiến II bị thu hẹp về phía Đông lấy con sông Oder-Neisse làm ranh giới, phần còn lại được chia làm bốn khu vực do các lực lượng Đồng minh : Hoa-Kỳ, Anh, Nga và Pháp chia nhau chiếm đóng : Đông Đức do quân Nga, Tây Đức chia làm 3 khu vực cho Hoa-Kỳ, Anh và Pháp. Riêng thành phố Bá Linh nằm trong khu vực Đông Đức cũng chia làm bốn khu do

lực lượng của bốn nước Đồng minh chia nhau chiếm đóng. Từ mười bảy năm nay, quy chế nước Đức và số phận của thành phố Bá Linh đều dựa trên hai câu ngắn ngủi của thông cáo chung Tứ cường ngày 5 tháng 6 năm 1945 : « Vùng Đông Đức sẽ do quân đội Nga chiếm đóng ngoại trừ thành phố Bá Linh. Thành phố này sẽ do các lực lượng của Hoa Kỳ, Anh, Nga và Pháp cùng chiếm giữ mà đại diện chính thức là các tư lệnh liên hệ ».

Thông cáo này thật là rõ ràng. Nếu chưa có một thỏa hiệp nào khác, nó phải được cả bốn nước ký kết triệt để áp dụng. Nếu vậy thì đã không xảy ra vấn đề Bá Linh. Nhưng dù không có cuộc khủng hoảng Bá Linh, vẫn còn vấn đề nước Đức. Trên thực tế hai vấn đề Bá Linh và Đức quốc liên quan chặt chẽ với nhau và người ta nghĩ rằng nếu giải quyết được một trong hai vấn đề này có nghĩa là giải quyết được hết.

Đã mười bảy năm qua, nước Đức bị chia cắt và do đó mà trường hợp của nó là trường hợp bất thường theo quan điểm của các nước Tự do, riêng đối với Nga thì cho rằng nước Đức bị chia cắt là việc không có gì lạ vì đó là một nước bại trận, nó phải chịu số phận ấy. Đối với Nga trường hợp bất thường là vấn đề Bá Linh : giữa khu vực Đông Đức mà ai cũng biết phải chịu dưới sự kềm tỏa, thao túng của Mạc Tư Khoa lại có một vùng tự do là Tây Bá Linh, một vùng kinh tế phần

thịnh làm trở ngại cho sự bành trướng của Cộng sản. Cách đặt vấn đề như vậy là đầu mối của sự bất đồng quan điểm hiện nay giữa hai khối Cộng sản và Tự do.

Năm 1949, đồng thời với việc thành lập các nghị viện và chính phủ Tây Đức, quân đội chiếm đóng Nga trong khu vực Đông Đức cũng thành lập một chính thể gọi là chính thể Cộng hòa Dân chủ Đức. Chính thể này cũng có hiến pháp, cũng có nêu các quyền tự do căn bản của con người. Về phương diện tổ chức các cơ chế, nó lại không giống với phần đông các chính quyền trên thế giới : chính phủ và nghị viện hợp thành « ủy ban nhân dân » (Volkskammer). Các đảng phái dần dần dưới áp lực của Nga đều bị loại chỉ còn một đảng duy nhất là : « Đảng Xã hội thống nhất Đức », hình thức của Đảng Cộng sản Đông Đức. Các tiểu bang của vùng Đông Đức đã có từ xưa hiện nay đều bị giải tán để lập

thành 15 quận — kể cả Đông Bá Linh cũng là một quận — nhằm mục đích loại các chính quyền địa phương có thể gây nội loạn. Ủy ban nhân dân không bị bắt buộc phải chú ý đến các ý kiến của các quận và chính phủ do đây mà có nhiều quyền hành tập trung.

Dân chúng Đông Đức lại không nhận chân giá trị của một chính phủ như thế, do đó mà sau ba năm thành lập, Walter Ulbricht chủ tịch chính phủ Cộng hòa Dân chủ Đức, phải nhìn nhận rằng họ « siết quá chặt » và cần phải nói rộng trở lại. Nhưng sự nói rộng này lại không được dân chúng thông cảm, ngược lại nó mở màn ngay những cuộc nổi loạn ngày 17 tháng 6 năm 1953, những cuộc nổi loạn mà các thợ thuyền tay không, cả gan xung phong tấn công các trụ sở chính phủ và sau đây phải cần đến sự can thiệp của chiến xa Nga mới dẹp yên được.

Kể từ đây, Walter Ulbricht, cựu đại tá của Hồng quân Nga được Nga đưa về Đức theo các đoàn quân chiến thắng từ giữa năm 1945, bị dân chúng Đông Đức khinh ghét. Tuân lệnh Nga, Walter Ulbricht là người chỉ huy tháo gỡ và cướp bóc các xí nghiệp Đức để gửi sang Nga với tính cách bồi thường chiến tranh. Hắn có đủ thì giờ tổ chức quyền hành và củng cố chế độ, đặt các đảng viên Cộng sản vào cơ cấu quan trọng và loại các đảng viên cũ của « Đảng Dân Xã Đức ». Dân chúng Đông Đức chán ghét chế độ Pankow và hàng triệu người đã rời bỏ quê hương để sang Tây Đức hay các nước khác. Không có nơi nào trên thế giới mà dân số lại giảm xuống một cách đáng lo ngại như tại Đông Đức.

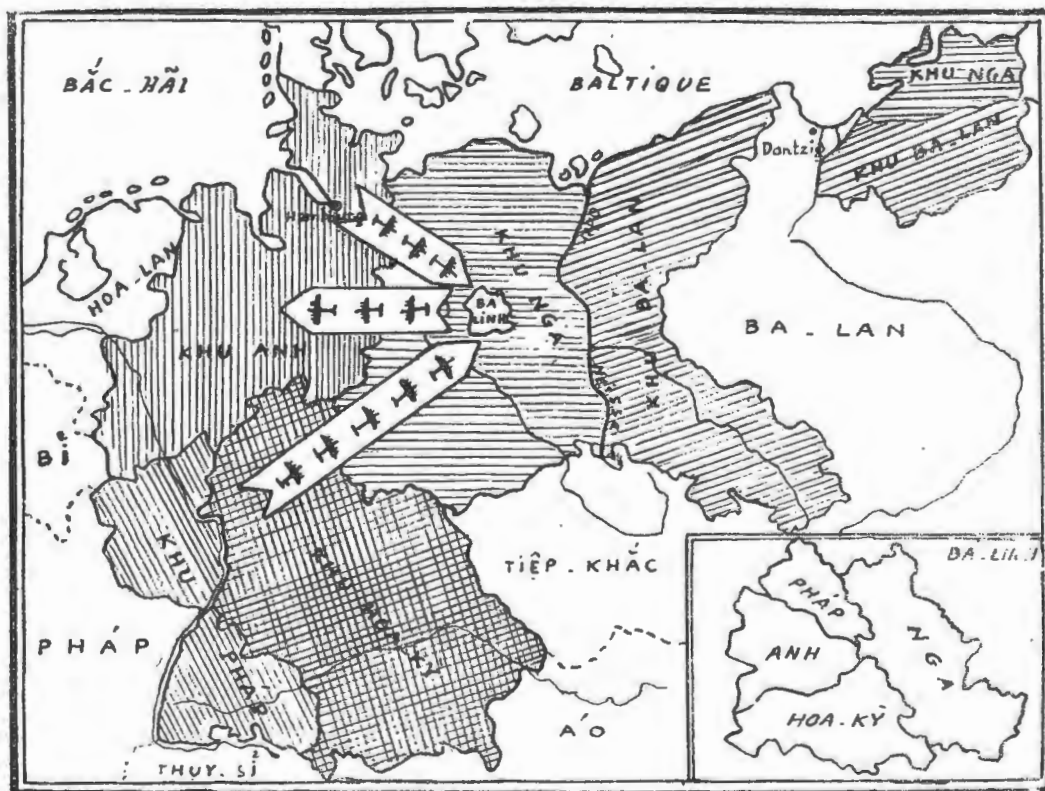
Còn Tây Đức ? — Lãnh vực phía Tây của nước Đức chia làm ba khu do ba lực lượng Anh, Pháp và Hoa Kỳ chiếm đóng. Năm 1948, Tây Đức thành lập Quốc Hội lập hiến và thảo biện pháp tạm thời bắt đầu có hiệu lực vào ngày 23 tháng 5 1949. Sau một cuộc

phổ thông đầu phiếu để thành lập Thượng nghị viện (Bundestag), Chính phủ Cộng hòa Liên Bang Đức được thành lập hồi tháng 9 năm 1949 và chọn thành phố Bonn làm trụ sở. Quyền hành của Chính phủ này được toàn thể dân chúng Tây Đức nhìn nhận và các lực lượng chiếm đóng của Anh, Pháp và Hoa Kỳ dần dần trở thành lực lượng các nước bạn, đồng thời mọi giới hạn của quy chế chiếm đóng của các lực lượng này cũng bị thủ tiêu nhanh chóng. Cộng Hòa Liên Bang Đức gồm có 11 tiểu bang tính cả Tây Bá Linh. Các tiểu bang đều có một số đại diện tùy theo dân số bầu vào Hạ nghị viện (Bundesrat). Riêng bốn nghị viên của Tây Bá Linh chỉ giữ vai tuồng tư vấn vì quy chế chiếm đóng đặc biệt còn được áp dụng tại thành phố này.

Cơ quan hành pháp có Tổng Thống, Thủ Tướng và nhiều Bộ Trưởng. Tổng Thống đại diện cho nền Cộng Hòa với nhiệm kỳ là 5 năm. Thủ Tướng được Thượng nghị viện bầu ra với đề nghị của Tổng Thống. Các Bộ Trưởng được chỉ định hay bãi miễn bởi Tổng Thống với đề nghị của Thủ Tướng.

Trong lúc chế độ Cộng Hòa Dân chủ Đức của Walter Ulbricht chỉ dựa trên một đảng duy nhất, chế độ Cộng Hòa Liên Bang của Tây Đức là chế độ đa đảng. Không kể một vài đảng nhỏ, các đảng phái của

Bản đồ nước Đức bị chia cắt



Tây Đức đại diện cho mọi xu hướng chính trị trong nước : Đảng Dân chủ Thiên Chúa Giáo, Xã hội Thiên Chúa Giáo, Dân chủ Tự do, Dân xã, Đức quốc và hội các người tỵ nạn. Đảng Dân chủ và Xã hội Thiên Chúa Giáo liên hiệp trong các cuộc tranh cử được gọi là Liên hiệp Thiên Chúa Giáo là đảng mạnh nhất và vẫn cầm quyền hiện nay.

Sự phác qua về hai khu vực Đông và Tây Đức cho người ta nhận thấy sự khác biệt giữa hai chế độ, đó là chưa kể đến các phương diện kinh tế, xã hội v.v...

Nhưng không phải vì chế độ độc tài của Đông Đức mà các nước Tây Phương không chịu nhìn nhận chính phủ Pankow, vì sự thật thì việc nhìn nhận một quốc gia không phải chỉ căn cứ trên tính cách ít nhiều dân chủ của chế độ quốc gia ấy : Liên Hiệp Quốc nếu căn cứ vào tính cách này thì chắc có lẽ số hội viên của nó không có là bao. Lý do chính là các nước Tây Phương không muốn có hai nước Đức vì tình trạng này sẽ tạo ra hai dân tộc Đức. Cộng Hòa Dân chủ Đức không phải là một thực thể quốc gia, mà chính là một chính phủ do lực lượng chiếm đóng của Nga chế tạo. Nhưng theo Nga, thì đó là nước dân chủ và độc lập, một nước Cộng hòa bình dân có xu hướng xã hội. Theo các nước Tây Phương thì đó là một trại tập trung khổng lồ có rào kẽm gai do một nhóm nhân vật của Nga chỉ định cầm đầu, nhóm này đặt ra luật lệ làm cho dân chúng tuyệt vọng chỉ chờ tìm tự do nơi khác. Mặc Tư Khoa vẫn muốn giữ nước Đức trong tình trạng chia rẽ để cứu vãn cái bù nhìn của họ đối với chính phủ Liên Bang Tây Đức và cổ thúc đẩy hay gây áp lực để các nước Tây Phương chính thức nhìn nhận nó.

Chính sách của Nga nhằm việc hợp thức hóa trên bình diện quốc tế chính quyền Pankow được bộc lộ trong việc Nga hăm dọa ký kết riêng hòa ước với chính quyền này. Nga cũng viện dẫn lý cổ điển là người ta không thể không biết đến một chính phủ đại diện cho 16 triệu dân Đức, và chế độ Pankow là một thực thể phải được nhìn nhận. Trong lúc ấy Chính phủ Liên-bang Tây-Đức đã từng tuyên bố là mình không phải một quốc gia Đức riêng biệt, mà chỉ là một « Liên bang nửa chừng », nghĩa là một Liên-bang cần được hoàn thành, nó vẫn nhìn nhận tính cách tạm thời, có thể bị giải tán nếu dân chúng toàn thể nước Đức (kể cả Đông Đức) tự do phát biểu ý muốn và quyết định như thế,

Nhưng người ta tự hỏi tại sao trải qua hơn mười ba năm rồi — chính quyền Đông-Đức được thành lập hồi tháng 10 năm 1949 — các chính phủ Tây phương

nói chung và Hoa-Kỳ nói riêng không chịu nhìn nhận Cộng-Hòa Dân Chủ Đức ? Tại sao họ không nhìn nhận nó để mưu nhiều thắng lợi ở Bá-Linh, hay ít nhất cũng giữ được hiện trạng, và các nơi khác ? Tại sao họ chống lại việc ký kết hòa ước riêng với một trong hai nước Đức hay với cả hai ? và tại sao họ lại quan-trọng-hóa việc nhìn nhận một nước đã có trên thực tế ?

Ý chí thống nhất của dân tộc Đức không ai có thể chối cãi được, nhưng không phải vì ý chí này mà họ phải nhận một chế độ Cộng-sản cho toàn thể nước Đức, điều kiện không có không được của Nga. Nếu các nước Tây phương nhìn nhận chế độ Pankow, việc chia xẻ nước Đức nghiêm nhiên trở thành vĩnh viễn. Nga thường rêu rao rằng nếu các nước Tây phương nhích nhận Đông Đức, tình hình thế giới có thể bớt căng thẳng ; đó là một mưu mô mà ai chịu khó suy nghĩ cũng nhận thấy tính cách bịp bợm của nó. Thật vậy, việc chia xẻ hẳn nước Đức là một việc nguy hiểm : nó là yếu tố làm cho thế giới thêm rối loạn hơn là hòa bình. Một người Pháp đã khôi hài mà cho rằng : « Trước chiến tranh chúng ta chỉ có một nước Đức gây rối, bây giờ chúng ta sẽ có tới hai nước Đức... » Nhiều người cho rằng một nước Đức thống nhất sẽ là mối nguy cho Âu-châu, đó là lập luận cũ rích, lập luận thời hậu chiến thứ 1. Một nước Đức thống nhất phải đối đầu với một khối Tự do hay Cộng-sản, chính Hitler sống lại cũng không thể quan niệm thế được, đó là chưa kể đến một nước Đức thống nhất đã mất hẳn gần một phần ba đất đai và dân số.

Ngoài ra, việc chia xẻ hẳn nước Đức là một việc trái với lời cam kết giữa các nước Đồng minh khi chiến tranh gần kết liễu. Thông cáo chung của hội nghị Postdam có cả chữ ký của Staline và Molotow nói rõ : « Hội đồng các ngoại trưởng Anh, Nga, Trung-Hoa, Pháp và Hoa-Kỳ được phép soạn thảo các hòa ước với Ý, Bảo, Hung và Phần-Lan để trình cho Đại-hội-đồng Liên-hiệp-quốc... Hội đồng này còn phải chuẩn bị soạn thảo hòa ước Đức, nếu sau này Đức có một chính phủ hợp pháp ». Nếu tình trạng qua phân của Đức bị duy trì thì chính phủ nào của nước Đức là chính phủ hợp pháp ?

Nga còn cho rằng tình trạng chia cắt nước Đức có thể chấm dứt nếu có sự thỏa thuận giữa hai chế độ do chiến tranh tạo ra, Nếu không kể đến dân số khác biệt một trời một vực — Tây Đức 50 triệu trong lúc Đông Đức chỉ có 16 triệu — thì việc thỏa thuận chỉ có thể thi hành giữa hai chính phủ Bonn và Pankow, như vậy có nghĩa là các nước Tây Phương đã bị loại ra khỏi việc giải quyết vấn đề nước Đức.

Mà chính phủ Pankow là ai nếu không phải là Nga ? Từ nội trị đến ngoại giao, chính phủ này vẫn tuân theo chỉ thị của Mạc Tư Khoa. Hơn hai mươi sư đoàn Nga đang giữ gìn trật tự tại Đông Đức nhưng chỉ nhận lệnh của điện Kremlin. Sự độc lập của Đông Đức đối với Mạc Tư Khoa cũng chưa bằng sự độc lập của Tiểu bang Californie đối với Hoa Thịnh Đốn.

Như vậy mọi sự ký kết giữa chính phủ Bonn và Pankow chỉ là một sự ký kết giữa Tây Đức với chính phủ Nga, và xa hơn nữa, mọi sự ký kết giữa Đông Đức với Nga chỉ là một sự ký kết giữa Nga với... Nga. Một điểm nữa cần phải nhắc đến là trong khoảng 10 năm nay hơn 3 triệu người Đông Đức đã phải rời bỏ xứ sở. Đó là một cuộc di cư vĩ đại của thời này và nếu chế độ Đông Đức không dùng đủ mọi phương tiện gọi chung là bức màn sắt, để ngăn cản thì cuộc di cư này sẽ tiếp diễn đều đều, có thể làm cho Đông Đức trở thành đất hoang. Nhìn nhận một chế độ như vậy có nghĩa là nhục mạ mấy triệu người Đức di cư, cho phép chế độ ấy có những quyền lợi trong cộng đồng quốc tế có nghĩa là bảo đảm và khuyến khích nó.

Hồi tháng 6 năm 1961, Krustchev tuyên bố sẽ tự ý giải quyết vấn đề nước Đức không cần để ý đến các phản ứng của các cường quốc Tây Phương. Một lần nữa Nga đề nghị ký hòa ước với cả hai nước Đức hoặc với một trong hai nước. Trong trường hợp các nước Tây Phương từ chối thì Nga với các chư hầu của mình sẽ ký một hòa ước riêng với Đông Đức. Hòa ước này lẽ dĩ nhiên sẽ chấm dứt chế độ chiếm đóng, do đấy mà các lực lượng Hoa Kỳ, Anh và Pháp không có lý do có mặt ở Bá Linh. Nhà cầm quyền Cộng-Hòa Dân Chủ Đức lúc ấy sẽ có đủ thẩm quyền để kiểm soát các đường liên lạc vào Tây Bá Linh. Và nếu các nước Đồng minh Tây phương phản đối, Đông Đức sẽ đủ quyền hạn để chống cự với sự ủng hộ của Nga trong tư cách hỗ tương.

Đến đây chúng ta nhận thấy ngay sự quan hệ của vấn đề Bá Linh.

ĐÔNG BÁ LINH — TÂY BÁ LINH

Ta có thể cho vấn đề Bá Linh là chìa khóa để giải quyết vấn đề Đức quốc. Cả Nga lẫn Mỹ vẫn luôn luôn đồng ý phải giải quyết vấn đề chia cắt nước Đức và chấm dứt cuộc khủng - hoảng Bá Linh. Trong cuộc trao đổi quan điểm về vấn đề Bá Linh giữa Hoa Kỳ và Nga trong tháng 6 và tháng 7 năm rồi, người ta nhận thấy sự đồng ý giữa các Đồng minh Tây phương và Nga trên 2 điểm mấu chốt dù Hoa Kỳ vẫn có lý do ngờ vực thiện chí và sự thành thật của Nga : có thể giải quyết vấn đề nước

Đức một cách hòa bình từ lâu và cần chấm dứt mối đe dọa hòa bình thế giới để Đông Tây có thể hợp tác một cách thân thiện và xây dựng.

Riêng Hoa-Kỳ từ lâu cho rằng việc ký kết một hòa ước với Đức cần phải được thực hiện. Năm 1946, một năm sau khi chiến tranh kết liễu, Hoa-kỳ đã đề nghị thành lập một ủy ban đặc trách dự thảo hòa-ước và từ đó luôn luôn họ vẫn cố gắng nhằm mục tiêu thực hiện nó. Nhưng cũng luôn luôn họ bị những mưu mô của Nga ngăn cản, những mưu mô của Nga chỉ nhằm đoạt thêm thắng lợi mới về chính trị cho riêng Nga hay cho Đông Đức, mà không nhằm giải quyết hòa bình thế giới.

Krustchev đã cho rằng nước Đức không thể chịu một quy chế chiếm đóng mãi mà trước đây 10 năm, người ta vẫn có thể chấm dứt chế độ này. Lời nói rất đúng và hoàn toàn hợp lý. Nhưng trong lúc ấy Nga lại tìm cách gây rối ở Bá-Linh, và làm cho thành phố này trở thành nơi tập trung « chiến tranh lạnh » tới độ có thể gây nên thế chiến thứ ba.

Trước năm 1945, Bá-Linh vẫn là thủ-đô nước Đức. Khi chiến tranh chấm dứt thành phố này bị quân đội Nga chiếm đóng hoàn toàn và sau đấy mới được đặt dưới quyền cai trị chung của tứ cường : Hoa-Kỳ, Nga, Anh và Pháp. Các lực lượng Đồng minh Tây phương chia nhau chiếm đóng một diện tích là 481 cây số vuông, dân số 2.226.000 được gọi là Tây Bá-Linh trong lúc lực lượng Nga chiếm đóng khu Đông Bá-Linh với một diện tích 408 cây số vuông, dân số 1 110 000. Đó là về phương diện quân sự. Nhưng về phương diện chính trị, bốn lực lượng đều có quyền ngang nhau chứ không có sự phân biệt Đông hay Tây Bá-Linh, đúng với quy chế chiếm đóng thành phố này. Hai cơ quan cai trị này là Bộ chỉ huy và Hội đồng kiểm soát Đồng-minh.

Năm 1948, không đếm xỉa gì đến sự cam kết của mình, Nga đơn phương rời bỏ Hội đồng kiểm soát Đồng-minh và tự ý chấm dứt chế độ chiếm đóng. Đồng thời Nga lại dùng nhiều biện pháp bắt buộc cơ quan cai trị thành phố Bá-Linh phải giới hạn quyền hành của họ trong phạm vi các khu vực do các lực lượng Tây phương chiếm đóng, do đấy mà Bá-Linh bị chia thành hai khu vực. Về phần khu vực Nga chiếm đóng được cai trị bởi một cơ quan của chính phủ Cộng-Hòa Dân chủ Đức và thành một quận của Đông Đức. Tây Bá-Linh trở thành một tiểu bang của chính phủ Cộng Hòa Liên bang Tây Đức

Theo hiến-pháp Cộng-Hòa Liên Bang Đức, Tây Bá-Linh là một phần đất của chính phủ này, nhưng vì các hiệp ước ký kết giữa tứ cường năm 1945, Tây Bá-Linh không thể đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của

chính phủ Cộng-hòa Liên bang Đức. Ngày 6 tháng 2 năm 1957, Thượng nghị viện Cộng Hòa Liên bang Đức nhóm họp và xác nhận tư cách thủ đô toàn thể nước Đức của thành phố Bá-Linh, nhưng chính phủ Liên-bang vẫn tiếp tục đặt trụ sở của mình tại Bonn. Cơ quan cai trị thành phố Bá-Linh gồm có một Thị-Trưởng (Burgomaster), một Phó Thị-Trưởng (Second Burgomaster) và mười một nghị-viên. Một viện dân biểu gồm 133 người bầu 22 Thượng nghị sĩ vào cơ quan lập pháp Cộng-Hòa Liên Bang Đức. Tất cả luật lệ của Liên bang đều phải được viện dân biểu này biểu quyết trước khi mang ra áp dụng. Việc thu hồi thành phố Bá-Linh dưới luật lệ chung của chính phủ Liên Bang Tây Đức là do chính phủ này nhìn nhận có bốn phần đối với dân chúng Bá Linh cũng như đối với dân chúng các tiểu bang khác.

Tình trạng dị thường của thành phố Bá Linh là do Nga tự ý gây ra với việc đơn phương rút khỏi bộ chỉ huy và Hội đồng kiểm soát Đồng minh. Đối với Nga khu vực Tây Bá Linh không những là một chương ngại án ngữ sự bành trướng ảnh hưởng của Cộng sản mà còn là « ung thư » có thể làm tan rã chế độ Cộng Hòa Dân chủ Đông Đức. Ngược lại đối với Tây phương, Bá Linh là tiền đồn chống Cộng hiệu quả nhất. Lẽ dĩ nhiên không phải với một vị trí nằm giữa khu vực Đông Đức mà Tây Bá Linh có một lợi thế quân sự mà ngược lại nếu chiến tranh bùng nổ, các lực lượng của Tây phương nằm tại Tây Bá Linh sẽ kể như bị bao vây ; nó cũng không là một bàn đạp để tấn công vào Đông-Âu về phương diện quân sự nếu các đường tiếp tế hiện nay bị Nga và Đông Đức đóng chặt.

Nhưng Tây Bá Linh quan trọng đối với các Đồng minh Tây phương là vì nó tượng trưng cho ý thức hệ của khối tự do, nó là ngọn đèn « pha » soi vào cái thế giới tối tăm, u ám của Cộng sản, nó là nguồn hy vọng độc nhất của hơn 16 triệu dân Đông Đức nói chung và hơn một triệu dân Đông Bá Linh nói riêng. Nhân dân Bá Linh, Đông Đức và cả Đông Âu có dịp so sánh chế độ của Cộng sản với chế độ Tự do của Tây phương qua sự sinh hoạt của dân chúng Tây Bá Linh. Lẽ dĩ nhiên sự so sánh này ảnh hưởng tai hại cho Nga xô vì nó sẽ gây bất mãn trong dân chúng của thế giới Cộng-sản và nuôi dưỡng tinh thần cách mạng chống ý thức hệ Cộng sản. Bằng có hiển nhiên là phong trào di cư tỵ nạn của dân chúng Đông Bá Linh và Đông Đức qua lối Bá Linh càng ngày càng bành trướng mặc dù Nga xô và các nhà cầm quyền Đông Đức đã dùng đủ mọi phương cách để ngăn cản như bức màn sắt và bức tường ô nhục hiện nay. Gần đây nhiều người Đông Bá Linh đã không

ngại nguy hiểm cố vượt bức tường bằng cách đào hầm dưới đất để trốn và có người đã bị binh sĩ Đông Bá Linh hạ sát tại chân tường. Trong số những người tỵ nạn lệ dĩ nhiên đa số là thanh niên trí thức, bác sĩ, kỹ sư, luật và giáo sư... tức là thành phần chuyên viên cần thiết cho mọi quốc gia tân tiến mà sự đào tạo đòi hỏi cả thể hệ.

Tình trạng này thật là vô cùng tai hại cho Nga xô nói chung và cho chế độ Pankow nói riêng, do đấy mà mọi cố gắng của chế độ Cộng sản để giải quyết vấn đề Bá Linh rất dễ hiểu. Tây Bá Linh là một vết thương đối với Nga xô và Đông Đức mà mọi cố gắng của họ đều nhằm chặn đứng sự mất máu.

Một bằng chứng khác là cuộc nổi loạn của dân chúng Đông Bá Linh ngày 17 tháng 6 năm 1953, một cuộc nổi loạn lan tràn, lôi cuốn cả dân chúng Đông Đức và chính quyền Pankow phải kêu gọi đến sự can thiệp của chiến xa Nga mới dần áp và dẹp yên được. Mặc dù tình trạng Đông Bá Linh được tạm thời ổn định nhưng ngày nào còn Tây Bá-Linh là ngày ấy mầm nổi loạn vẫn ngấm ngấm không biết lúc nào bùng nổ. Cuối cùng ta cũng phải kể đến sự lợi hại của Tây Bá-Linh, căn cứ của các hệ thống gián điệp Tây phương đang hoạt động tại Đông Bá-Linh, Đông Âu và cả Nga, hệ thống gián điệp này của Tây Bá-Linh có thể gây nhiều tai hại nặng nề

Thanh niên Đông Đức bị bắn chết dưới chân tường lúc trốn sang Tây Bá Linh





Đây ! Bức tường ô nhục.

không thể ngờ trước được cho thể giới Cộng sản. Và lại chiến tranh lạnh là gì nếu không phải là chiến tranh gián điệp ?

Về phương diện kinh-tế, Tây Bá-Linh là một thành phố kỹ nghệ lớn nhất của nước Đức hơn cả thành phố Hambourg. Nhiều nước Tây phương đã đầu tư tại đây, riêng Hoa-Kỳ và Tây Đức trong khoảng 10 năm đã góp vào Tây Bá-Linh một số vốn trên 2 tỷ đô la. Tây Bá-Linh phát triển kỹ nghệ

nhanh chóng và mãnh liệt đến nỗi hiện nay số nhân công cũng chưa đủ để các xí nghiệp hoạt động hết sức mình. Trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến giữa năm 1959, hơn 350.000 việc làm mới dành cho nhân công trong các ngành kỹ nghệ. Tây Bá-Linh là bạn hàng thứ nhất của Tây Đức về các chế hóa phẩm và phần lớn hàng hóa sản xuất ở Tây Bá-Linh đều được bán cho Tây Đức. Sự thịnh vượng của nền kinh tế Tây Bá-Linh làm cho mức sống dân chúng được cải thiện nhất là giới thợ thuyền, nó thu hút dân chúng Đông Bá-Linh như khối nam châm với mạt sắt.

Tóm lại Tây Bá-Linh là vị trí quan trọng đối với cả Nga lẫn Hoa Kỳ trong cuộc chiến tranh lạnh hiện đang tiếp diễn. Đối với Nga sô, chấm dứt chế độ chiếm đóng của Tây phương tại Bá-Linh đồng thời loại họ ra khỏi thủ đô nước Đức là một mục tiêu chính yếu. Phương tiện hành động để đạt mục tiêu này là tiếp tục gây khủng - hoảng ở Bá-Linh. Trong cuộc tranh đấu đằng co kéo dài từ mười bảy năm rồi, chúng ta phải nhìn nhận rằng các nước Tây phương ở trong thế bị động vì vị trí đặc biệt bất lợi của Bá-Linh nằm giữa khu vực Đông Đức. Liệu Tây phương có thể duy trì được Tây Bá-Linh trước mọi áp lực của Cộng-sản không ? Hay là khu vực này sẽ dần dần bị bóp nghẹt vì những cuộc phong tỏa sắp tới ? Đến nay chúng ta phải công nhận là các nước Tây phương rất cố gắng đoàn kết để đối phó, mặc dù có vài bất đồng quan điểm nhỏ nhặt,

nhưng liệu trong tương lai trước nhiều khó khăn nguy hiểm hơn họ còn giữ nổi sự nhất trí hay không ? Đây là những điểm mà chúng ta cần suy luận sau khi nhắc lại những giai đoạn của cuộc tranh chấp về Bá-Linh.

KHÔNG ai có thể biết được ý định của Tổng Thống Roosevelt và lãnh tụ Nga-Sô-Viết Staline ra sao mà đã thỏa thuận việc chia cắt nước Đức một cách lạ lùng như thế, và tại sao Hoa-Kỳ đã nhiều lần chiều chuộng sự đòi hỏi của Nga trong các Hội nghị Postdam đến Yalta. Theo lời của con trai cố Tổng Thống Roosevelt thì ông này đã nhượng bộ Staline trong việc chia cắt nước Đức để đổi lại việc bằng lòng gia nhập của Nga vào Liên-Hiệp Quốc. Chúng ta cũng nên nhắc lại là nếu không có sự nhượng bộ của Hoa-Kỳ, quân đội Anh, Mỹ sẽ tiến vào Bá-Linh trước Hồng quân hồi tháng 4 năm 1945. Chúng ta cũng còn nhớ Đại-Tướng Eisenhower đã nói: « việc chiếm Bá-Linh chỉ có giá-trị tượng trưng thôi... » Người ta còn cho rằng trong các cuộc hội đàm bí mật giữa Roosevelt và Staline, hai ông này đã thỏa thuận về việc để Hồng Quân chiếm Bá-Linh trước. Một người Mỹ tên Lewis Brown có nhiệm vụ nghiên cứu kế hoạch kiến thiết thủ - đô Bá - Linh đã phát biểu ý - kiến sau đây : « Quyết định của Tổng Thống Roosevelt bắt quân đội Đồng minh phải dừng lại để cho quân đội Nga có thì giờ chiếm Đông Đức và Bá-Linh đưa đến sự chia cắt thành phố này làm 4 khu vực là một lỗi lầm vô cùng tai hại, mà hậu quả của việc ấy sẽ không thể tránh khỏi trong lịch sử tương lai. » Từ Staline rồi đến Krustchev lĩnh sử đã chứng minh lời nói này đến ngày nay và chắc chắn còn chứng minh nhiều nữa.

Tất cả các cuộc khủng - hoảng về Bá-Linh khởi đầu vào cuối năm 1947 khi mà Nga nêu lên đề nghị thống nhất nước Đức với khu vực phía Đông trong lúc Hội nghị Tam cường Anh Pháp và Hoa-Kỳ tại Luân-Đôn lại dự định sát nhập Tây Đức vào kế hoạch Marshall. Mỗi bất đồng quan điểm xảy ra từ đây. Thống Chế Sokolowski, chủ tịch Hội-đồng Kiểm-soát Đồng minh lúc ấy tuyên bố rút lui và quân đội Nga sô ra lệnh giới hạn sự liên lạc của Tây Bá-Linh với bên ngoài bằng ba con đường duy nhất : một đường xe lửa, một đường bộ và một đường hàng không rộng 30 cây số. Hai mươi lăm ngàn binh sĩ của ba nước Đồng minh Tây phương Anh, Pháp, Hoa Kỳ bị cô lập. Đến ngày 24 tháng 6 năm 1948, tất cả mọi sự giao thông bằng đường bộ

(xem tiếp trang 59)

VI

THÀNH - NIÊN



★ của ĐÀM - TRUNG - MỘC

Vị thành niên là chưa đủ tuổi. Nôm na gọi là trẻ con, hay con nít. Trong xã hội xưa những kẻ ấu tiếu này hầu như không có tư cách, địa vị gì. Có việc, người ta đàm thoại với cha mẹ chúng, ít ai thêm nói chuyện với « trẻ con »! Truyện Kiều, văn có, võ có, dân có, quan có, lầu xanh có, gác tía có, thiện có, ác có, quý có, tiện có, đầy đủ thế, mà không dành vai nào cho vị thành niên. Chỉ trừ có một dịp thoáng thấy bóng chúng, một cách quá ư khiêm tốn, phụ thuộc :

« Để huê lưng tài gió trắng

« sau chân, theo một vài thằng con con ».

Hồi đó, chúng có phạm điều gì, người ta cũng thường phó mặc phụ huynh chúng dạy dỗ. Dạy bằng roi : Yêu cho vọt, ghét cho ăn ! Cũng y như ở bên Ang-lê hơi một tí là đánh đòn, đánh cho dữ rồi mới biết chịu đựng, mới có can đảm, mới nên người... phong nhã. Hoặc vọt bằng gậy (caning), hoặc quật bằng roi (trashing), hoặc bạt tay (punching), hoặc trượng (birching), hoặc xuy (flagging) : Spare the rod, Spoil the child.

Ngày nay tình hình đã thay đổi nhiều. Đường phố, bến sông, tiệm trà, rạp hát, vị thành niên choáng cả phố của « người lớn » và lẩn át xe hơi 1 cách ngang tàng.

Hơn thế nữa : có nơi thiếu-niên nhi đồng, được tổ chức thành đoàn thể, đề mà đả phá gia đình, tổ cáo cha mẹ, giám sát thầy học và đi dân công.

Giữa hai thái cực, Luật pháp từng can thiệp, hoặc đề bệnh-vực, hoặc đề nhân nhượng cho vị thành niên. Dù muốn, dù không, chúng ta phải công nhận hai điểm : Vị thành niên cũng là người như ai, và tuy là người, nhưng vị thành niên còn thơ ngây, khờ dại, chưa được già giặn như « người lớn » (old boys). Tất cả vấn đề vị thành niên đều quy vào hai ý chính, bảo vệ và khoan dung, đó.



I. — Luật pháp bảo vệ Vị Thành Niên.

Vị Thành-Niên cũng là người, cũng có nhân vị, thì cũng phải được hưởng thụ mọi quyền lợi y như người lớn, nhất là các quyền lợi về tài sản. Vị thành niên cũng được sở đắc sở hữu, ruộng sâu, trâu nái, nhà lầu, xe hơi, tiền trăm bạc nghìn, y như ai vậy. Cha mẹ, hay chú bác chết đi, anh em đứng ra hưởng gia tài (tiếng Luật gọi là thừa kế), thì trong số, dù có kẻ mới chấp chững chạy đi, hay

là hãy còn ở trong bụng mẹ đi nữa, đứa ấu nhi hoặc hài nhi này cũng vẫn được hưởng 1 phần, không khác gì các anh em khác đã trưởng thành. Trước đoạt cái phần của đứa nhỏ há chẳng bắt công sao?

Nhưng hưởng thụ quyền lợi là một chuyện, và hành sử các quyền ấy lại là 1 chuyện khác.

Cho đứa nhỏ được quyền có của này, của khác, được hưởng 1 phần di sản, như vừa thí-dụ trên đây, là một điều chí lý, hợp lẽ công bằng. Nhưng nếu lại đề cho đứa nhỏ tự do cai quản và xử dụng của ấy, thì lại không nên, và còn nguy hiểm nữa là khác. Nó còn khờ dại, chưa biết suy hơn tính thiệt, chưa biết cân nhắc lợi hại, chưa học đến những bài : « Thót có tanh tao ruồi đậu đến, sanh không mật mỡ kiến bò đi ». Hay là : « Bây giờ tiền hết gạo không, thì anh ở lại mà trông lấy hòm »... Vả chẳng nó chưa đủ khả năng để quán xuyến giữ gìn. Trong tình-trạng ấy, thì dù có bao nhiêu, cũng chỉ một sớm một chiều nó sẽ tay trắng lại hoàn trắng tay. Nó thích cái quạt mo, nó dám maug ba bò chín trâu đi đánh đổi, đề về sau lớn lên, nó bị túng đói khổn cùng.

Cho nên, đã bệnh vực, thì phải bệnh vực cho chót : Luật pháp

cho đưa vị thành niên hưởng quyền, nhưng ngăn cản không cho nó tự ý hành sử các quyền ấy. Có của đây, nhưng không được tự mình đứng ra mua, bán, đổi chác, vay mượn, kiện tụng,... Tất cả những hành vi quản trị, hay xử dụng tài sản ấy, luật pháp sẽ cử một người *Giám hộ*, để đứng ra làm thay cho đứa trẻ và hành vi càng hệ trọng, thì càng gia tăng thể thức và điều kiện, để thêm bảo đảm chắc chắn.

Thí dụ : Giám hộ được làm một mình những hành vi quản trị thông thường : canh tác, tu sửa... Còn như kiện tụng (vì đi kiện có khi được có khi thua, thay vì lợi, lại hóa hại), mua bán bất động sản, thì Giám hộ phải có phép của Hội đồng gia tộc

Tôi chừng đứa trẻ đã thành niên, thì Giám hộ phải tính toán và giao hoàn tất cả gia tài mà mình đã quản trị. Nếu gây tổn hại, do mình dụng ý hoặc do mình trể biếng, thì Giám hộ phải trách nhiệm.

Tóm lại, sở dĩ luật pháp coi một người như vị thành niên, và quy định cấm đoán người ấy hành sử quyền này quyền khác, là chủ trương bảo vệ đương nhân cho đến nơi đến chốn, khỏi bị cái xã hội thiên ma bách chiết chung quanh, phỉnh nịnh lừa gạt hoặc bòn rút. Đã bảo vệ như vậy, thì tuổi vị thành niên, tương đối nên gia tăng, càng lợi cho người sở quan.

Xưa kia, luật cũ không ấn định rõ, và đại để, thì cứ đến năm 18 tuổi người ta bắt đầu có quyền và có bổn phận trong thôn xóm, làng xã : đóng sưu thuế, gánh vác đám phự, sưu dịch h. . và được tham dự việc công. Nhưng ngày nay, thì Luật đều định đích xác : Vị thành niên là những người dưới 21 tuổi. Vì liên quan đến quyền lợi, đến đời sống dân sự, cho nên tuổi này có thể gọi là tuổi vị thành niên về Dân sự hay Hộ sự.

Trên đây là nói về tài sản. Phải 21 tuổi, mới được đứng tên, được mua bán, được tặng, nhận, kiện tụng, và cai quản lấy. Đặc biệt nếu nói về việc lấy vợ lấy chồng, thì rất có thể trước tuổi ấy, con

người cũng đã đầy đủ khả năng. Gần đây báo đăng con gái 11 tuổi đã mang bầu và đẻ con. Và xưa nay, người ta vẫn hát : « Lấy em từ thuở 13, đến năm 18 thật là 5 con... » Vì vậy chúng ta đừng tưởng cứ phải thành niên mới được cùng nhau tác một chữ đồng. Không ! cưới xin lại là chuyện khác. Luật gia đình, điều 6, chỉ ngăn cản con trai dưới 18 tuổi, và con gái dưới 15, chứ trai đủ 18 tuổi và gái đủ 15 tuổi, là có thể kết hôn hợp lệ rồi.

Và một khi đã có chồng, thì những trai 18 tuổi, gái 15 này, sẽ tự nhiên được hưởng hầu hết quyền hạn về mặt tài sản nói trên : họ làm một mình mọi hành vi quản trị, còn những hành vi vay mượn, sử dụng bất động sản, thì chỉ cần được sự phù trợ của 1 viên quản-tài (*curateur*), ấy là chế độ ở Nam ; hoặc cũng được tự tiện (chế độ Bắc và Trung).

Những người Vị thành niên (dưới 21 tuổi) nhưng đã thành gia thất như thế, gọi là vị thành niên thoát quyền (*mineur émancipé*), và sự kết hôn có ảnh hưởng, là đương nhiên thoát ly đứa trẻ khỏi quyền điều khiển của cha mẹ, hay của một người giám hộ. Nếu cho phép nói một cách sống sượng, kiểu Freud, thì có thể bảo : khả năng sinh lý tạo ra khả năng pháp lý vậy.

Trước khi bước xuống đoạn sau, tưởng nên nhắc lại : về mặt Hộ sự, vị thành niên, theo luật hiện hành, là người dưới 21 tuổi, trừ phi đã có vợ có chồng, thì sẽ được thoát quyền.

II.— Luân pháp nhân nhượng cho Vị Thành Niên

Bây giờ thì không còn là lúc nói về quyền lợi, được hưởng thụ và hành sử gì nữa. Trái lại, đây là trường hợp, đưa vị thành niên phạm lỗi này, tội khác. Và vấn đề là cân nhắc trách nhiệm của nó, xem nên trừng phạt nó nặng nhẹ ra sao. Nói một cách khác, ta đã qua khỏi phạm vi Hộ sự, và bước vào lãnh vực Hình sự.

Một nữ thập tam, hay một nam thập lục, mà đi ăn trộm, đi giết người, thì Luật pháp xử đối ra

sao? phạt như người lớn, hay phạt nhẹ hơn, hay là không phạt ?

Vấn phải khởi điểm từ 1 nhận xét, là: kẻ ác tiểu còn trẻ người non dạ, bông bột, thơ ngây, chưa đủ trí phán đoán, và thường khi không biết tính đến hậu quả của việc mình làm. La Fontaine ngày xưa đã liệt chúng vào hạng « trẻ không tha, già không thương » (*Cet âge sans pitié*), chuyên phá hại, và nghịch tính, nghịch ác. Hơn nữa, một phần lầm lỗi của chúng, có khi còn do ở nơi gia đình, nơi trường học hay xã hội, thiếu chăm nom, dạy dỗ hay lại nêu gương xấu cho chúng, nói ra vô cùng... Cho nên chúng có làm điều gì ngang trái, phi pháp, cái trách nhiệm của chúng cũng không thể coi như toàn vẹn, y như của một người lớn được. Phương chi chúng còn có cơ dạy dỗ, cải hóa lại được.

Suy luận như vậy, cho nên Luật Hình chủ - trương nhân nhượng rất nhiều cho trẻ vị thành niên.

Luật cũ phân biệt : nếu đứa trẻ xét ra chỉ là hành động 1 cách xuẩn ngốc, không có « phản biện », hay không có « tri thức » (*avoir agi sans discernement*) thì y sẽ khỏi bị phạt. Ngược lại, giả dụ nó hành động một cách có hiểu biết, thì nó có trách nhiệm, nhưng cũng chỉ bị phạt bằng phân nửa người lớn.

Vấn đề có tri thức hay không, là một vấn đề hồ đồ, cơ rần, không có lấy mực thước nào mà cân, đo cho cụ thể và đích xác được ; e sẽ có sự độc đoán, bất công. Luật mới bây giờ (Luật số 11/58 ngày 3-7-1958) không theo kiểu đó nữa, và phân biệt tùy theo tuổi.

— Nếu đứa trẻ đúng 13 tuổi hay dưới 13 tuổi, thì sẽ khỏi bị phạt tù, mặc dầu tội nặng hay nhẹ. Có thể nói, những đứa trẻ này được miễn trách nhiệm về mặt Hình.

— Trường hợp từ tuổi 13 cho đến tuổi 18, đứa trẻ có thể bị xử phạt chiếu Hình Luật, nghĩa là xử phạt như những người lớn. Tuy

(xem tiếp trang 49)

NHÂN - SINH

NH Ậ N-sinh-quan là quan niệm của mình về đời sống. Không cần phải triết gia, chúng ta ai cũng có một nhân sinh quan, vì sống tức là ứng dụng một nhân sinh quan vào thực tế. Mục đích của đời sống con người là đi tìm hạnh phúc kể cả những nhà tu khổ hạnh hay những kẻ theo chủ nghĩa khắc kỷ. Có thể nói hạnh phúc là lý-tưởng của nhân-sinh. Tùy theo nhân - sinh - quan mà mỗi người có một đường lối đi tìm hạnh phúc.

Có kẻ cho nhân sinh là chốc lát, đối với người ngẩn ngủi khác nào bóng chim bay qua cửa sổ. Ba vạn sáu ngàn ngày chỉ là một cái chấm còn con nều sánh với thời gian vô cùng vô tận. Cho nên ngày trước thi sĩ Cao-bá-Quát đã biểu lộ tâm sự mình qua giọng thơ than thở cái kiếp người ngẩn ngủi rồi bật lên những tiếng cười chua chát cho cái cảnh phù du :

« Ba vạn sáu ngàn ngày là mây,
Cảnh phù du trông thấy cũng cực cưỡi »

Quan niệm cuộc đời như thế cho nên người chủ trương sống là phải tận hưởng mọi lạc thú trên đời, tìm hạnh phúc trong thế giới cảm giác. Đó là mục đích của người theo khoái lạc chủ nghĩa.

Có người cho đời sống chỉ là mộng ảo, bào ảnh, đời người chỉ là kiếp đọa đầy đắm chìm trong bể khổ, bèn mê nên chủ trương thoát tục đi tìm hạnh phúc ở thế giới cực lạc.

Hoặc cho nhân loại là tiền bộ vô cùng, đời sống con người phải tiến dần trạng thái toàn thiện, toàn mỹ nên con người phải ra sức phấn đấu, có tinh thần tiên-thủ. Theo họ sống là hoạt động, là tranh đấu để cuộc đời ngày càng tiến dần một hình thức cao đẹp lý-tưởng.

Lại có người quan niệm cuộc đời cũng như thế giới khách-quan đều là vật chất, Con người muốn sung sướng hoàn toàn chỉ việc hướng mọi hoạt động vào việc thỏa mãn những nhu cầu vật-chất.

Mặc dầu có nhiều tiểu dị nhưng trong đại thể ta có thể phân biệt hai hạng người : Hạng vui vẻ, yêu đời, ham hoạt động, ra phần đầu để tiên thủ, có một nhân sinh quan tích cực.

Hạng bi quan, yếm thế, bất mãn với cuộc sống hiện tại hoặc chán đời và chính đời cũng chán họ, hạng người này ôm ấp một nhân sinh quan tiêu cực.

Cho nhân sinh quan là chốc lát để ngụp lặn trong đám bùn dơ vật chất, quanh năm chỉ miệt mài trong những cuộc truy hoan, đã làm cho cuộc đời đã ngẩn lại càng thêm ngẩn ngủi. Mà chung cuộc nào có tìm thấy bóng hạnh phúc đâu. Vì mỗi khoái-lạc vật chất được thỏa mãn đều mang lại một dư-vị chán chường, nếu không phải là nỗi niềm chua xót và cõi lòng ước mong đi tìm một khoái-lạc mới, những nguồn rung cảm mới. Cuộc đời có thật ngẩn ngủi không ?

Có lẽ vì ta không tìm thấy ý nghĩa Cuộc đời, sống cho qua ngày đoạn tháng, từ lúc chào đời cho đến phút tận sinh, không lập được thành tích nào đáng kể để làm mốc đánh dấu lấy tháng năm.

Cho trần ai là bể - khổ, nên tìm cách xa lánh thế nhân, trách vụ của con người đối với xã - hội, đối với quốc - gia, nhân quần. Nhưng dù trốn đi đâu

giữa con người và xã hội vẫn có những mối tương quan mật thiết, con người không thể sống lơ lửng giữa những tầng không, nên không thể sống cô lập, ly khai xã hội. Đời con người gắn liền với đời sống xã hội. Đã sinh làm người tức có bốn phận và trách-vụ. Bốn phận thừa tiếp di vãng để xây dựng tương lai, phát huy nhân vị ở mình và ở người.

Sống không phải chỉ là để hưởng thụ, cũng không thể trốn tránh trách-vụ mà xã-hội, Quốc-Gia đang mong đợi ở mình. Vì vậy Nguyễn-công-Trứ cho rằng : mọi sự trong hoàn vũ này là phận-sự của ta cả.

« Vũ-trụ giai ngộ phận-sự

Thượng vi đức hạ vi dân »

Mà phải vui vẻ từ bỏ một phần cá nhân của mình để-phụng-phủ-hóa gia-tat nhân-loại và Quốc-Gia đã tạo nên qua bao thế hệ.

Một Đông triết xưa đã từng nói : « Thiên-hạ đau khổ ấy là ta đau khổ, thiên hạ an vui ấy là ta an vui ». Không thể ích-kỹ đi tìm hạnh phúc cho bản thân ta bằng cách vui dập lên hạnh phúc cá nhân khác. Không thể tìm hạnh phúc cho gia đình ta, cho dân tộc ta bằng cách dày xéo lên hạnh phúc gia đình khác, dân tộc khác. Hạnh phúc cũng không tìm thấy trong sự giết chóc, thù hận, oán ghét. Hạnh phúc chỉ tìm thấy trong một tình thương yêu bao la rộng rãi, chân thành và hợp với đạo-lý.

Cho cuộc sống chỉ là vật-chất, thu gọn cuộc đời trong phạm vi vật chất, quan-niệm hạnh-phúc chỉ trong việc thỏa mãn nhu cầu vật chất, đó là chủ trương của kẻ theo duy-vật chủ-nghĩa. Nên họ đã không ngăn ngại trong mọi hành động dẫu cho hành động đó có phản lại đạo lý, phản lại sự thật và quyền-lợi tối thượng của Quốc-Gia, của con Người, để thực-hiện tham vọng ích kỷ cá nhân hoặc cho một nhóm người của họ.

Người ta đã lầm lẫn vì đời sống con người không phải chỉ thuần vật chất, con người còn có một đời sống tình cảm và những nhu cầu thuộc đời sống tâm linh, và đó là giá trị siêu việt của con người trong nấc thang vạn vật. Lầm lẫn này đã dẫn dắt nhân loại qua những chặn đường tăm tối nhất đưa loài người vào một tình trạng khủng hoảng trầm trọng về vật-chất lẫn tinh-thần. Lại còn coi rẻ sinh-mạng con người, lợi-dụng hàng vạn dân lành vô tội trong cuộc chiến-tranh xâm-lược để khuếch trương Đê-Quốc, hoặc biến người thành bộ máy sản-xuất để bóc lột lao công.

Đền nay, khoa học và kỹ thuật Tây-Phương đã tiến triển đến cực độ, thế mà con người vẫn chưa được chân hạnh-phúc, còn băn khoăn đau khổ cho cảnh đời nhiều ngang trái. Vì đâu ? Vì con người chưa tìm được một đường lối giải quyết thích hợp.

Đứng trước tình trạng ấy nhiều giải pháp đã được nêu ra hoặc bằng một đường lối chính trị với một chính phủ lành mạnh, tiền bộ, hoặc bằng những cải-cách xã-hội. Nhưng người ta mắc phải khuyết-điểm tai hại là đời cách-mạng xã-hội chỉ bằng với khoa-học thôi. Chúng ta không phủ nhận giá trị và lợi ích của khoa-học. Nhưng không nên quên rằng khoa-học chỉ là một phương-tiện để cải thiện dân sinh và không phải là đường lối duy nhất để đạt được hạnh-phúc

Điều căn bản là phải rèn luyện một căn-bản tinh thần đạo-đức như lời của một Tây triết : « Khoa-học mà không lương tâm chỉ là sự tiêu diệt linh-hồn ». Chỉ có tinh thần đạo-đức mới có thể đưa nhân-loại đến hạnh-phúc, bất khả năng phải phục tùng đạo-lý, bất trí thức, khoa học phải phục-vụ con người không điều kiện.

Thiếu một nền đạo-đức làm kim chỉ nam hướng dẫn mọi hoạt-động thì những tiền bộ vật chất đưa con người đến chỗ điêu linh, máu lửa, đưa xã-hội đến chỗ lâm than.

Con người chỉ tìm thấy hạnh-phúc-thật sự trong xã hội đầy tình tương ái, khi mọi người đều hướng về Thiện, Mỹ và hành-động vì những mục-đích cao cả vị-tha, hợp với đạo-lý nhân-ái.

và

HẠNH PHÚC

T. T. LIỆU

BỐI CÁCH CƯ XỬ

KHUẤT Nguyên là người trong hoàng tộc nước Sở làm chức tả đồ cho Sở Hoài Vương, học rộng, nhớ dai, giỏi về chính trị lại có tài văn-chương.

Ông là tác giả thiên Ly Tao, một bài trường thiên 370 câu mà các văn nhân vẫn thường ca ngợi, đồng thời cũng là tác giả bài Bối-Lư tức « Bối cách cư xử » được đề cập tới sau đây.

Bài Ly-Tao viết theo điệu Sở-từ còn bài Bối-Lư viết theo lối tản văn.

Đọc bài « Bối Cách Cư Xử » của Khuất Nguyên ta thấy tâm hồn của họ Khuất thật là bối rối, thật là bán khoán, không biết nên ứng dụng phương thức nào để xử thế cho thích đáng.

Thật đúng như lời phê bình về ông của nhà danh sĩ cuối đời Thanh là Lương Khải-Siêu :

« Đầu óc Khuất Nguyên chứa hai nguyên tố mâu thuẫn nhau : một là lý tưởng thì cực kỳ cao thượng hai là cảm tính thì cực kỳ nhiệt liệt. »

Sở dĩ Khuất Nguyên có hai nguyên tố mâu thuẫn đó chính là do nếp sống của Khuất Nguyên đã chú trọng về phần tâm mà xao lãng phần trí.

Với một người mà mọi hành động, mọi quyết định đều cần phải suy luận để giải quyết cho ra lẽ thiệt hơn, hẳn yếu tố tình cảm sẽ ảnh hưởng tới rất ít và lẽ đương nhiên lý tưởng cực kỳ cao thượng kia cũng sẽ được hạ thấp xuống để cho phù hợp với lẽ phải hơn là lẽ đẹp.

Đọc bài Bối Lư của ông ta sẽ thấy sự mâu thuẫn ấy được thể hiện bằng hai lối sống cực đoan, một vượt ra khỏi thói tục và một là vùi mình theo thói tục.

Sở dĩ ông ôm mỗi bán khoán như thế chỉ vì ông là người trung trực, trên đời sống thực tế, bị

người ghen ghét dèm pha đến nỗi bị đi đày, thành ra thất chí, suốt ngày ca hát như người điên đến nỗi sau phải ôm một phiến đá, gieo mình xuống sông Mịch La để tự tận.

Bài Bối Lư được mở đầu bằng lời lẽ khách quan một người đứng ngoài cuộc để tỏ lại hành trạng của chính tác giả :

« Khuất Nguyên ký phóng, tam niên bất đắc phục kiên, kiệt trí tận trung, nhi tế chương vi sàm, tâm phiến, ý loạn, bất sở tông, nãi vãng kiến Thái Bộc.

Khuất Nguyên bị đày, ba năm không được gặp lại vua, tận trí tận trung mà bị lời gièm pha che lấp, lòng phiến ý loạn, không biết nên ra sao, mới lại thăm quan Thái-Bộc Trịnh Thiêm Doãn. »

Thái Bộc là một chức quan lo việc bốc dịch để định cát hung cùng những điều nên làm hay nên giữ. Mở đầu đoạn văn, tác giả đã đề cập ngay đến tâm trạng phân vân khó bề giải quyết của người trong cuộc.

Sự định đoạt để quyết theo một đường hẳn không thể tự mình tìm lấy được nên phải nhờ đến đường lối thần quyền, nhờ đến một năng lực sáng suốt siêu phàm để giải quyết hộ.

Đoạn văn mở đầu tuy trình bày cho ta hai sức mâu thuẫn tương đương song trong thâm tâm tác giả đã có phần nghiêng về một sức nào rồi, vì vậy ngọn bút của tác giả đã chuyển hơi văn trong đoạn tiếp nhất là đoạn kết thúc về một chiều hướng để người thưởng thức tác phẩm nhận thấy được.

Tác giả viết tiếp :

« Gặp Trịnh Thiêm Doãn, Khuất Nguyên nói :

— Tôi có điều nghi, xin tiên sinh quyết cho.

Thiền Doãn sửa ngay lại cây thẻ, phủ bụi mai rùa hỏi :

— Ông muốn dạy tôi việc gì ?

Khuất Nguyên đáp :

— Tôi nên khần khần khoản khoản, thành thực để hết lòng trung chẳng hay nên đưa đón theo đời để khỏi khốn cùng ? Nên bữa rầy cõ lau để hết sức làm ruộng chẳng ? hay nên giao du với kẻ sang để cầu danh ? hay nên theo thói tục cầu giàu sang để sống cầu thả ? Nên nhảy cao vượt ra ngoài để giữ thiện chân chẳng ? hay nên nịnh hót giả vờ theo người, gượng nói gượng cười để hầu hạ đàn bà ? (ám chỉ các ái phi của vua Sở). Nên liêm khiết, chính trực để được trong sạch chẳng ? Hay nên tròn trĩnh, trơn tru như mỡ, như da để được như cái cột bóng ? Nên ngang nhiên như con ngựa thiên lý chẳng ? hay nên lênh đênh như con vịt ở trên mặt nước cùng nhấp nhô với sóng để bảo toàn lấy thân ? Nên chạy đua với loài ngựa kỳ ngựa ký chẳng ? Hay nên theo cái vết của loài ngựa hèn ?

Nên cùng bay với loài chim hoàng học chẳng ? Hay nên cùng tranh ăn với gà với vịt ? Đường nào cát, đường nào hung ? Bỏ đường nào, theo đường nào ?

Trong đoạn văn tác giả đã nêu lên tất cả những băn khoăn thắc mắc của mình trước hai ngã đường, hai lối sống.

Nêu thắc mắc nhưng chính tác giả đương theo hẳn một đường rồi, và lối sống ấy tác giả cho là phù hợp nhất, thích đáng nhất với tư tưởng, với nguyện vọng, với hoài bão và nhất là với tâm tính của mình.

Phải đâu như người còn đang đứng ở giữa ngã ba chưa quyết định hẳn đường đi, còn cân nhắc, còn xét đoán, rồi mới đặt chân bước.

Vì vậy thắc mắc nêu ra không phải để tìm sự quyết định mới mà chính là để xét xem quyết định cũ đang theo có đúng hay không mà thôi. Vì thế hơi văn đã được tác giả cho ngã về chiều hướng ca ngợi những lẽ lối sống mà bản thân tác giả đã chấp nhận, đồng thời tỏ ý chê bai rẽ rúng lối sống theo hùa của thế tục.

Qua những câu hỏi ta nhận định thấy ngay lối sống lý tưởng của tác giả, một lối sống cao nhã, chân thành và tha thiết, đem tình cảm ra để ứng dụng với mọi trường hợp chỉ đem lại những sự cay đắng cho tâm hồn và vật chất, ngược lại với lối sống cầu thả, nịnh bợ, và xu thời có thể đưa lại vinh quang, danh vọng và tiền của.

Sống trong cảnh khổ của thực tại, tác giả đã bị những cảnh đắng cay, những nỗi chua chát ray rứt nên không thể không băn khoăn về lối sống lý tưởng, nhưng rút lại tất cả những hình thái cao đẹp của lối sống đó đối với tác giả vẫn đáng trọng đáng mến hơn.

Cho nên những câu hỏi đặt ra tuy đối lập mà ngòi bút của nhà văn đã nói lên sự quyết định theo đường lối nào rồi.

Lại một lần nữa Tâm thẳng Trí.

Lại một lần nữa tác giả ứng dụng Tình mà không xử dụng Lý.

Ta miễn bàn đến sự đúng hay sai về quan niệm sống của tác giả, đọc văn của tác giả ta chỉ cảm thấy tâm hồn bản khoản ấy muốn nói lên; muốn phát tiết ra một sự ẩn ức cho vợi bớt niềm cay đắng còn thay lòng đổi dạ thì quyết chẳng bao giờ...

Nếu ở một tâm trạng không quá sôi nổi, lạnh lùng để cân nhắc để xét việc, hẳn luận điệu không mô tả nên hai nếp sống cực đoan.

Sao người ta lại chẳng có thể vẫn sống trung trực vẫn giữ một đời sống cao nhã thanh khiết mà vẫn chẳng cần phải quá cực đoan để trái với thế tục.

Lẽ đâu cứ phải trái với thế tục mới là thanh khiết ?

Thế tục có khía cạnh cực thấp để khinh rẻ thì cũng có những khía cạnh bình thường để tuy không đáng khen nhưng cũng không đáng chê.

Đứng ở khía cạnh ấy liệu có hại gì cho nếp sống lý tưởng, và duy trì nếp sống lý tưởng đâu có nghĩa là phải khước từ với những khía cạnh ấy,

Nhưng tác giả không muốn thế, tác giả chỉ trông thấy hai điểm «cực» mà thôi. Cực thanh và cực trọc !

Muốn được cực thanh nên nhìn ra chỉ thấy cực trọc.

Nếu như người đạt-sĩ thì đã :

Sông Thương nước chảy trong veo

Thì ta đem giặt cái lều mũ ta

Sông Thương nước đục chảy ra

Thì ta lội xuống để mà rửa chân :

Theo thế tục thì nhất định không theo, nhưng thở than thì có. Và cũng vì điểm ấy tác giả gần người hơn, hợp với nhân tình hơn.

Sau khi nêu những câu hỏi băn khoăn, tác giả đã than thở :

« Đời hỗn trọc mà không thanh thì cánh con ve là nặng mà nghìn cân là nhẹ, cái chuông vàng thì bỏ nát còn cái nồi đất thì kêu vang ; kẻ gièm pha thì lên cao, người hiền sỹ thì vô danh. Than ôi ! Biết nói gì đây ? Ai biết ta là trong sạch ? »

Để kết thúc cho bài văn của mình, tác giả đã mượn lời ông Thái-Bốc nói lên sự vô năng của phép bói dịch trước những vấn đề quá quắc do nhân sự tạo tác ngược với lẽ thiên nhiên mà chỉ có thể giải quyết bằng tình không thể bằng lý.

« Thiền-Doãn đặt cây thẻ xuống mà tạ rằng :

— Thước có khi ngắn, mà tắc lại có khi dài, vật có chỗ không đủ mà trí có chỗ không sáng; số có chỗ đoán không tới mà thần có chỗ không thông. Ông cứ theo lòng ông mà làm đúng ý ông. Thẻ tre và mai rùa thật không biết được việc ấy ! »

T. Đ. K.

QUỐC sách Ấp Chiến-lược là một chính sách Cách mạng. Cuộc cách mạng trong Quốc sách Ấp Chiến-lược và Cách mạng Nhân Vị là MỘT, nhằm đạt mục tiêu :

*Dân chủ pháp trị
Cộng đồng đồng tiền
Công bình xã hội.*

Nói như vậy, thì ai cũng hiểu rằng Ấp Chiến-lược không chỉ là một làng chiến đấu với hàng rào lũy hai ba lớp, với sự canh phòng cẩn mật ngày như đêm, mà còn là nơi người dân được thực sự tự do quyết định lấy đời sống của mình, của tộc họ mình và như thế của tổ chức cộng đồng Quốc gia nữa. Vấn đề tự túc tự lập đã đặt họ vào một thế sống còn mà họ phải gánh vác, nhưng cũng là một nguyện vọng đầy cảm hứng mà họ say mê, dốc tâm tạo lập lấy làng mạc của mình. Cái khí tiết TỰ CƯỜNG của Dân tộc vẫn rào rạt, hun đúc cho họ tận diệt tính ỷ lại, bởi vì mỗi khi sai lệch khí tiết ấy là một lần lịch sử của Dân tộc bị hoen ố. Lịch sử đã chứng minh điều đó qua bao phen vua tôi ly tán, đất nước phân chia. Cho nên Tự cường là phải diệt ỷ lại. Tinh thần tự cường quật khởi ở Ấp Chiến lược cầu tạo cho mỗi người dân một ý thức tự túc và cảnh giác. Người cán bộ công tác tại xã ấp không có nhiệm vụ tạo ra ý thức ấy mà chỉ có nhiệm vụ vun sỏi cho ý thức sẵn có ấy được nảy nở. Chỉ một thái độ khinh xuất, chỉ một tác phong vụng về, cũng đủ khiến cho dân xa lánh người cán bộ. Nếu có kẻ nào không xa lánh, thì lại là kẻ nịnh bợ, con đẻ của ỷ lại. Người dân trong ấp có cần người cán bộ là cần trên kinh nghiệm, và nhờ ở kinh nghiệm, mà Ấp này có thể sánh với Ấp kia, để tương đối đồng tiền, ngõ hầu liên hoàn tương trợ cho có kết quả. Chính họ phải là người cán bộ cách mạng, thấu triệt nhiệm vụ cách mạng để tự dẫn dắt nhau. Có được như vậy, Ấp Chiến-lược mới hoàn toàn tự lập tự túc. Không riêng gì anh là cán bộ, không phải chỉ tôi mới là cán bộ. Cán bộ không phải

là giai cấp, không là một tổ chức đóng kín. Trong việc xây dựng Quốc gia, mỗi người dân là một cán bộ, thì chỉ còn người anh dẫn dắt người em, người biết mách bảo người chưa biết. Điều cần là ở địa vị nào mặc dầu, mỗi người đều phải ý thức đúng đắn vai trò của mình trong nhiệm vụ cách mạng. Vai trò ấy đòi hỏi một sự tu rèn liên tục, sự kiểm điểm thường xuyên :

« Nhất nhật tam tỉnh ngô thân »

Nhưng thường khi xét lại việc đã làm, có người không kiên tâm trì chí, có người yếu đuối thể xác hay tinh thần, đã mặc cho cảm dỗ xô đẩy, tham vọng lôi cuốn. Những người này không có nghị lực tự chủ, không bao giờ thoát ra khỏi tình trạng BỊ ĐỘNG.

Có những trường hợp bị động :

Bị động vì thiếu nghị lực tự chủ

Bị động vì yếu hèn thể xác

Bị động vì ngu dốt

Bị động vì lạc lõng, chơi vơi không hướng.

Bị động trong giai đoạn khẩn trương, trong cuộc đấu tranh một còn một mất này là TỰ SÁT !

Bị động để địch đoạt vai chủ động là nấp trước mạng sống cho địch và làm thương tổn đến đại cuộc cách mạng Dân tộc.

Bị động là mắc vào thế du kích của giặc Cộng-sản.

TAM TÚC

— Tự túc tư tưởng

Thực thi Quốc-sách Ấp Chiến-lược là phải chấm dứt tình trạng bị động, là cách mạng từ con người, để luôn luôn nắm chủ động trên mọi địa hạt. Phát xuất từ cách mạng bản thân, thì con người muốn tự chủ phải có sự tu rèn, phải có một nguyên động lực nào thúc đẩy tức phải có một lý tưởng tôn thờ. Chính cái nguyên động lực ấy là nguồn cảm hứng cho mỗi người khi thắng, mà còn là nguồn sinh khí khơi quật, động viên, khi bại. Có lý tưởng làm cứu cánh, thì việc tu rèn mới có hướng đi, mới mang đủ hai

TAM TÚC

TAM GIÁC

★ Bài của BỐ . GIANG

tính chất : Tự giác và thường xuyên. Có lý tưởng mới đặt đúng được nhiệm vụ, và vị trí hóa được nhiệm vụ đó trong việc thực hiện lý tưởng. Chơi với không lý tưởng, thì người công chức sinh lười biếng tắc trách, người cán bộ sinh lạnh nhạt cầu an. Thường thường ai cũng nói có lý tưởng, nhưng chỉ là lý tưởng hẹp hèn nông cạn, hạn chế vị kỷ ; chỉ là nguồn thích thú, cảm hứng của một nhà thơ, không là gốc sinh khí ở một mục đích tối thượng là cuộc cách mạng Dân tộc. « Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách ». Lý tưởng phải đặt trên tám mức Quốc gia Dân tộc. Nếu ai cũng quan niệm được như vậy, thì bác nông phu dầm mưa dãi nắng cũng vì muốn cho dân mạnh nước giàu mà chăm lo đồng ruộng, người học trò sớm tối sách đèn cũng vì muốn cứu nước giúp đời mà găng dùi mài kinh sử... người lính chiến vượt suối băng ngàn cũng vì muốn bảo toàn lãnh thổ mà xả thân diệt giặc... Nhưng ai tạo cho họ lý tưởng ấy ? Họ chờ ai ban phát lý tưởng ấy ? nếu không là chính họ tự tạo, tự tức. Phải tự tức lý tưởng, đặt quyền lợi Dân tộc thành lẽ sống, mọi tư tưởng mọi hành động đều hướng về lý tưởng, mới có được sự dứt khoát tư tưởng : không chơi với giặc, không bị giặc cám dỗ, phỉnh gạt. Dứt khoát tư tưởng mới chỉ để ra hành động tiêu cực, bất hợp tác với giặc, còn phải đặt thành hệ thống tư tưởng dứt khoát, nghĩa là phải có hành động tích cực diệt giặc. Không chơi với giặc, lại còn tìm diệt giặc đâu phải ai xúi, ai giục, ai gò bó, ai thuê mướn ? Trái lại, chính ở lòng ta mà ra, ở khí tiết ông cha ta sẵn có trong máu huyết ta, tự ta nung chí kẻ nghiệp mà có. Không ai ban phát cho ta độc lập tự do. Phải là ta đòi lấy, giành giật lấy ở tay bọn Phong Thổ Cộng. Lý tưởng Dân tộc tự cường hồi thúc chúng ta bảo vệ lấy độc lập tự do đã giành giật được. Nợ nước là lý tưởng, thù nhà là lý tưởng, nên lịch sử Dân tộc Việt Nam mới sáng chói gương Lê Lợi, Quang Trung, Trưng, Triệu. Dân cường nước mạnh là lý tưởng, nên sử xanh mới đậm nét vàng son của chiến thắng Bạch - đằng - Giang... Người dân Việt Nam còn phải vay mượn lý tưởng ở đâu mới tự tức được khí tiết quật cường diệt giặc kiên quốc ?

— Tự tức tổ chức

Trong giai đoạn cách mạng Nhân Vị hiện tại ta nóng sôi với lý tưởng diệt giặc, nhưng ta không

thể phí phạm lòng hăng say mà phải biết hướng nó vào đại cuộc cách mạng Dân tộc đang tiền sâu về nông thôn, nghĩa là phải hành động có tổ chức. Trong Quốc sách Ấp chiến lược, vai trò của Chính phủ, của cán bộ trung ương, đầu quan trọng đến thế nào chẳng nữa, cũng không thể là nơi cho dân Ấp ý lại. Việc tổ chức trong Ấp, được chính phủ giúp đỡ hướng dẫn, nhưng vai trò chính vẫn là do dân đảm nhiệm, cùng cò và nuôi dưỡng. Vấn đề tự tức Tổ chức của Ấp vẫn là chính. Đoàn xây dựng Ấp Chiến lược chỉ được coi là hoàn tất nhiệm vụ khi đã giáo dục cho dân Ấp ý thức được trách nhiệm tự tức tổ chức. Trường hợp đoàn này ra đi, mà dân Ấp chưa ý thức được trách nhiệm tự tức tổ chức, thì trước sau, Ấp vẫn chỉ là khoác một hình thức mới, mà không gọi được là một cuộc cách mạng tận đáy tầng xã hội. Có tự tức tổ chức thì từ hàng rào, bờ lũy sẽ được chăm sóc, không bị nắng gió mục nát, đoàn ngũ nhân dân sẽ có một đời sống linh hoạt, tình thương yêu trong thôn xóm sẽ được thấm thiết chân thiết ... Trên mọi địa hạt : an ninh, kinh tế, xã hội, giáo dục, Ấp không thể ngồi đợi được trung ương nữa. Về an ninh, nếu trước kia thuộc cơ quan chính phủ để người dân ý lại, thì nay với tinh thần tự tức, dân ấp đảm nhiệm lấy. Tình báo nhân dân sẽ là một mạng lưới hữu hiệu nhất bao vây địch. Về xã hội, tục lệ cao đẹp trong rừng tre xanh của làng mạc Việt Nam đã chứng minh nhiều : còn gì cảm động cho bằng khi trong xóm có việc cha già mẹ héo, mỗi gia đình cử một con cháu tới giúp, ghé vai vào khiêng linh cữu đến nơi an nghỉ cuối cùng. Còn gì cảm động cho bằng khi có hỏa tai, thì mỗi người, nào câu liêm, nào manh chiếu chiếu gấu, chạy đến tận tâm tận lực cứu chữa.

Hiện tại trong Ấp Chiến lược, vấn đề tự tức tổ chức đòi hỏi ở dân ấp gây lại tục lệ cao quý ấy, nó bắt nguồn từ một tình thương yêu tha thiết, để dân Ấp cạy trồng vào nhau trong nhiệm vụ diệt giặc. Càng tân tiến, vấn đề xã hội càng do dân tự tức đảm nhiệm : một người ở ngoại quốc về có kẻ lại, hàng năm vào dịp hè dân thành phố đi nghỉ mát hoặc bãi bể, hoặc miền núi. Nếu cứ bỏ tiền riêng mà đi, thì một gia đình, chồng, vợ 4 con phải tốn chừng 20.000đ, nhưng cơ quan xã hội tư nhân đã gửi trước tiền cho họ một chương trình, để mời ông bà đi

ngồi nơi này, cậu lớn ngồi nơi kia, cô bé lại ngồi chỗ khác. Một gia đình nhận được chừng 15 chương trình của 15 cơ quan tư nhân mời. Có người đòi đưa con nhỏ cùng đi với bố mẹ, thì được trả lời một cách rất lý thú là : « Ông bà đừng ngại, em bé sẽ được trông nom như ông bà vậy. Ông bà cứ đi riêng hưởng lại tuần trăng mật cho thật nên thơ ». Nghĩ về tính tiền chi phí cả nhà hết có 8.000đ. Vấn đề nghỉ hè ở nước ta trong tình thế hiện tại chưa thể thực hiện, vì còn lo diệt giặc, ai này quên ăn, quên ngủ, quên nghỉ, nhưng sau này vấn đề xã-hội cũng sẽ do dân tự túc, cơ quan tư nhân đảm nhiệm, đâu còn chuyện ý lại vào Chính phủ. Tại Ấp Chiền-lược, những vấn đề xã-hội cấp thiết, để người nọ đùm bọc người kia, cũng rất nhiều : đôi công canh tác, giúp đỡ gia đình đông con, cứu trợ chiến sĩ thương binh.. bình dân giáo dục, trạm y tế. Không có tự túc, tổ chức, đoàn ngũ nhân dân uể oải dần, đi đến chỗ tan rã, phong trào nào cũng rầm rộ lúc đầu rồi chìm dần hay chết yểu.

— Tự túc kỹ thuật

Trên đây đã đề cập đến tự túc lý tưởng và tự túc tổ chức, còn phải có một ý thức tự túc nữa, để hỗ trợ hoàn tất cách mạng Nhân Vị, là tự túc kỹ thuật. Muốn rào làng ngăn địch, không là ngồi chờ giấy thép gai của viện trợ khi tà sẵn có tre, có cây, không là ngồi chờ súng đạn tối tân, khi ta chưa sử dụng chông mìn, chưa biết đào hào sâu, đắp lũy cao. Một Hội nghị Diên Hồng xưa không bàn đến khí giới tối tân, mà chỉ làm sôi lý tưởng diệt thù để già trẻ, trai gái, tổ chức ai vào việc này, giáo mác tằm vòng đuôi giặc dẫm lên nhau mà chết. Hiện tại, thể du kích áp dụng ở Ấp Chiền-lược đặt vấn đề hòa lực là phụ, lòng dân là chính còn mạnh gấp trăm ngàn lần vũ khí. Khi lòng dân đã quyết, thì một mũi tên độc, một miếng võ hiểm, một thước súng hỏa mai, một hãm chông tre được... liệu địch nào dám xông xáo. Nói thể không phải là Ấp Chiền-lược của ta không được võ trang hỏa khí vững, nhưng có đã vậy, có ít thì dân Ấp phải tự túc bằng mọi cách, cướp súng giặc giết giặc : đó là du kích. Tự túc kỹ thuật không thu hẹp trong việc tạo lập ra phương tiện mới, tinh xảo hơn, mà còn có nghĩa là tận dụng được phương tiện sẵn có. Một bác nông phu vác cây ra đồng, tới nơi gãy cán, không thể quăng đi để sấm cây

máy, mà phải sửa chữa để có thức dùng. Khi dùng xong phải lo lau chùi giữ gìn cẩn thận, ấy là có tự túc kỹ thuật.

TAM GIÁC

Ý thức được TAM TỨC, chỉ có thể có được ở người dân có nghị lực cảnh giác trên 3 mặt :

Cảnh giác sức khỏe

Cảnh giác đạo đức

Cảnh giác sáng tạo.

3 thứ cảnh giác (TAM GIÁC) hỗ trợ ảnh hưởng với 3 thứ tự túc trên, tạo cho mỗi người dân một sức mạnh để tổng hợp lại, đưa cuộc cách mạng Nhân Vị đến thành công.

— Cảnh giác sức khỏe

Thực thi Quốc sách Ấp Chiền Lược, đòi đầu với cuộc chiến tranh không chiến tuyến, mỗi người phải xây dựng cho mình một tâm lý du kích không ý lại, không tiêu cực, không bị động. Tâm lý du kích tạo cho người cán bộ, người chiến sĩ, nghị lực tự vệ, không riêng gì quyền lợi vị kỷ cá nhân mà còn là quyền lợi lớn lao của công cuộc cách mạng Dân tộc. Nguyên tắc du kích là luôn luôn giữ chủ động ; muốn nắm chủ động cần tinh táo thể xác lẫn tinh thần : thể xác mệt mỏi thì cuốn ảnh hưởng đến sự suy kém tinh thần. Tinh thần mạnh mẽ liên hệ đến thể xác cường tráng. Vấn đề cảnh giác sức khỏe là giữ cho thân thể tráng kiện, cho tinh thần sáng suốt, để chống chọi với nắng gió bệnh tật, với mưu sâu mọ hiểm của giặc. Cảnh giác sức khỏe để sống cho cá nhân, cho gia đình và cho công cuộc cách mạng thành công. Sa sây, phạm phạm sức khỏe thì thiệt thân là nhỏ, thiệt cho cách mạng là lớn. Cảnh giác sức khỏe không đòi hỏi phải vai u thịt bắp, nhưng cũng không chấp nhận những thứ da trắng bệch ghê gió sợ mưa. Người du kích của Ấp Chiền-lược ở nơi phồn hoa đô hội cũng được, ở chốn rừng sâu nước độc chần êm nệm ấm hay chiếu đất màn sương cũng chẳng quản, không sờn lòng. Chỉ tiếc cho những người du kích còn thân mê với canh bài lá bạc, còn trụy lạc nơi trà đình tửu điếm ; họ đã không sử dụng sức lực, thời giờ đúng chỗ vì thiếu cảnh giác, vô trách nhiệm. Chính họ đã không bảo đảm được mạng sống của họ còn nói gì đến bảo đảm cách mạng. Chính họ đã không cảnh giác sức khỏe, còn nói gì đến tự túc lý tưởng.

Nói cảnh giác sức khỏe là nói thể dục thể thao, điều độ tinh dưỡng, đề tu trên ĐỨC, TRÍ. Khỏe để học, học để giữ thân thể khỏe mạnh, học cho rộng tầm kiến thức, học để tu dưỡng đạo đức. Một người Cảnh Sát Quốc gia có văn bằng tiểu học khi tuyển dụng, nếu biết trau dồi văn hóa, siêng năng đèn sách, nay ắt trở thành một công chức có trình độ cao học, hay ít ra cũng có cấp bằng Trung học. Không được như thế, mà nại rằng không có thời giờ học thêm, chỉ là đúng một phần nhưng điều không thể chời cãi được là họ đã thiếu hẳn ý thức TAM TỨC, TAM GIÁC. Có một phòng nọ đã tổ chức một lớp luyện thi tiểu học, do anh em phụ trách lây, đã giúp cho 23 đồng sự đậu với tỷ lệ 100%. Có một sở nọ mà nhân viên, người thi Cử nhân luật, người đậu Trung học, ở cấp bậc nào cũng có nhân viên của Sở đó dự thi và đậu. Thực là những minh chứng hùng hồn nói lên ý thức TAM TỨC TAM GIÁC của ngành. Phải có tiền bộ về văn hóa, đồng tiền về chuyên môn mới mong đáp ứng kịp với đà tiến của nhân dân đang trỗi vượt với Quốc sách Ấp Chiến lược.

— Cảnh giác đạo đức

Cũng trên tâm lý du kích, người chiến sĩ sống trong lòng Dân. Mắt lòng dân là TỰ SÁT, cho nên người du kích phải có cảnh giác đạo đức, phải trong sạch từ thân thể đến tinh thần : người du kích nói sao làm vậy, tiền hậu như nhất. Hành động và tư tưởng đi đôi, hành động gương mẫu phát hiện ở tư tưởng gương mẫu. Tư tưởng ấy phải là tư tưởng cách mạng dựa trên lòng Nhân từ, nghĩa Trung thực, ý chí Dũng mạnh, Liêm khiết.

Dân chủ pháp trị, Cộng đồng đồng tiền, Công bình xã hội là 3 nguyên tắc của Quốc sách Ấp chiến lược, chỉ có thể thực hiện khi có Chấn hưng đạo đức ngay trong lòng mỗi người. Bản thân của mỗi người phải có sự thay đổi khi cuộc cách mạng Nhân Vị là sự thay đổi xã hội cũ thành xã hội mới : xã hội của Văn minh Nhân Vị. Ai cũng muốn kẻ khác thay đổi, Quốc gia nào cũng muốn thầy Quốc gia khác thay đổi, và ai cũng chờ đợi sự thay đổi ở người trước đã, thực là sai lầm. Bí quyết Cách mạng phải là ai ai cũng hãy bắt đầu thay đổi ở chính mình, cảnh giác đạo đức ở mình trước ; hãy quan tâm đến điều hay lẽ phải, hãy quan tâm đến sửa đổi nội tâm, đừng ngóng trông ai phải ai trái, đừng dòm ngó ai đúng ai sai. Kẻ mẫn nguyện

với con người của mình hiện tại là kẻ tồi ịch kỷ, nguyên nhân của sự bất công.

Có người chồng Cộng mà đời sống của họ giúp Cộng bành trướng. Vì tham vọng, ích kỷ nên gây bất công để Cộng sản tạo hân thù, thúc đẩy đấu tranh giai cấp.

Vì sống sa đọa mà làm cho quốc gia yếu hèn chậm tiến.

Vì không có lượng bao dung mà gây ra bè phái chia rẽ.

Cho nên có cảnh giác đạo đức, mới tạo được công bình xã hội, mới gây được tình tương thân tương ái, mới có nhất chí đồng tâm, mới có mỗi người cho tất cả, và tất cả cho mỗi người.

— Cảnh giác sáng tạo

Trong mỗi con người thay đổi, nghĩa là có cách mạng bản thân, có cảnh giác sức khỏe, có cảnh giác đạo đức thì cũng phải có cảnh giác sáng tạo. Không sáng tạo thì không có tự túc. Muốn vượt đường xa muôn dặm, muốn vững vàng trường kỳ trong cách mạng, phải có cảnh giác sáng tạo. Có sáng tạo thì vượt dễ dàng mọi khó khăn kỹ thuật. Mỗi phương tiện hiện có, không phải đương nhiên mà có, phương tiện nào cũng trải một quá trình sáng tạo của bao nhiêu bộ óc. Trên mọi địa hạt : Chính trị, Kinh tế, Xã hội . . . địa hạt nào cũng đòi hỏi ý thức sáng tạo để tiền bộ. TIỀN BỘ là kết quả của sáng tạo. Người du kích không có súng, tạo lấy chông mìn, tay không vẫn kêu gọi được địch đầu thú, bỏ tà theo chính. Sáng tạo còn có nghĩa là gìn giữ cái hay đẹp sẵn có, sáng tạo ra cách thức bảo tồn nó để sẵn sàng cho việc sử dụng. Có sáng tạo thì không bao giờ thiếu phương tiện.

Có tự túc tổ chức, có cảnh giác sáng tạo, thì trong Ấp Chiến lược, việc cần học cần làm tưởng như bắt tặn. Có tam túc, tam giác thì mới thực sự có tinh thần du kích để hoàn tất cuộc cách mạng Nhân vị, Cộng đồng, Đồng tiền. Đó là công thức mà ông Cô Văn Chính trị đã hiểu dụ để chúng ta lấy làm kim chỉ nam trong việc bắt tay thực thi Quốc sách Ấp Chiến lược.

TAM TỨC + TAM GIÁC = NHÂN VỊ
CỘNG ĐỒNG ĐỒNG TIỀN

BỒ - GIANG

ĐIỀU - TRA

VỀ CÁC VỤ

PHẠM THUẬN - PHONG MỸ - TỤC

★ NGUYỄN - CÔNG - CHÁNH

PHẦN nhiều các tang chứng do các chất thuộc về cơ thể đều được phòng Giáo Nghiệm xem xét và khám nghiệm một cách đặc biệt.

Một chất của cơ thể được thấy thông thường nhất ở phạm trường là dấu vết máu, sau đó là lông, tóc, rồi đến dấu vết tinh khí, các chất nôn mửa, nước tiểu, phân dơ v.v...

Trong việc điều tra các vụ hiếp dâm thường hoặc là hiếp dâm có xảy ra án mạng, những vụ giao cấu với trẻ con, điều tra viên có thể tìm thấy một vật lạ không ăn nhập gì với phạm trường mà là do thủ phạm bỏ lại nơi đó và dính dấu vết tinh khí có thể đem ra làm bằng chứng cụ thể để buộc tội.

Việc tịch thu các tang vật có dính dấu vết là một việc cần phải thi hành càng sớm càng tốt, vì nếu sự khám xét chậm trễ thì dấu vết có thể bị tiêu hủy mất đi sau khi tang vật (quần áo, mền, chiếu v.v...) đã được đem giặt sạch để phi tang. Các tang vật có thể bị dính dấu vết tinh khí và phải lưu ý đến nhiều nhứt tại phạm trường là quần áo mặc ban đêm, quần slip, áo sơ-mi, khăn tay đồ nịt ngực, áo choàng v.v... Trên giường ngủ cũng nên để ý tới các tang vật tại chỗ như vải trải giường, mền và gối.

Vị-trí các dấu vết tinh khí dễ thấy được dưới ánh sáng tử-ngoại của đèn Wood rọi vô, bởi vì chất tinh khí có tính chói sáng lên một cách đặc biệt dễ nhìn thấy.

Khi xét thấy được vị trí của một dấu vết rồi thì nên ghi vòng bằng viết chì đen để đến khi đem tang vật ra ngoài sáng còn thấy được vị trí của dấu vết. Theo

kinh nghiệm, điều tra viên sẽ thấy trên đáy quần, cửa quần tây, ống quần..., những hình lu mờ giống như bản đồ địa dư; các bìa dấu vết lan ra giống như đường ven biển. Khi sờ tay lên dấu vết tinh khí đã khô thì thấy nó có vẻ cứng như hồ bột trên quần áo có nhúng bột trong khi giặt ủi.

Tinh khí khô rồi không có mùi nhưng khi còn tươi thì lại phát ra mùi tanh hôi khó chịu.

Việc gói ghém tang vật dính dấu vết tinh khí phải thực hiện như thế nào mà không xảy ra sự cọ xát giữa tang vật và lớp bao phía ngoài. Các dấu vết loại này, ở tình trạng khô rồi thì có tính giòn và dễ gãy thành những mảnh nhỏ rớt mất đi. Sự va chạm với một vật khác có thể làm cho bề gãy tinh trùng, không còn xem thấy được trong kiến hiển vi. Đối với chuyên viên đã được huấn luyện, việc cuốn tròn tang vật có dính dấu vết tinh khí để gói lại được xem như là trái hẳn với điều kiện kỹ-thuật.

Tang vật tinh nghi phải được trải ra với mọi sự dè dặt rồi đặt nằm phía giữa hai tờ giấy bồi cứng, cột giấy dính cứng lại để tránh sự cọ xát nhau. Còn các tang vật khác, như những sợi lông, thâu lược được để làm tang chứng cho sự sự giao cấu thì để vô những ống chai đóng kín lại bằng một cái nút rãnh mạch.

Nếu có chất tinh khí lỏng đã được tìm thấy tại án trường, chúng ta nên hành động theo một kiểu cách giống như trên, nghĩa là để tang vật lỏng ấy vô ống chai bỏ vô thêm vài giọt thuốc khử trùng « toluol » hay là « Formol » pha lỏng 10% với nước, mục đích làm cho tang vật ấy không bị biến chất mau lẹ. Trong

vài trường hợp thấy chất tinh khí khô ráo rồi mà chưa khô hẳn, người ta cũng thấy tiện lợi hơn để nó khô hẳn đi, trước khi gói tang vật đem giao nghiệm.

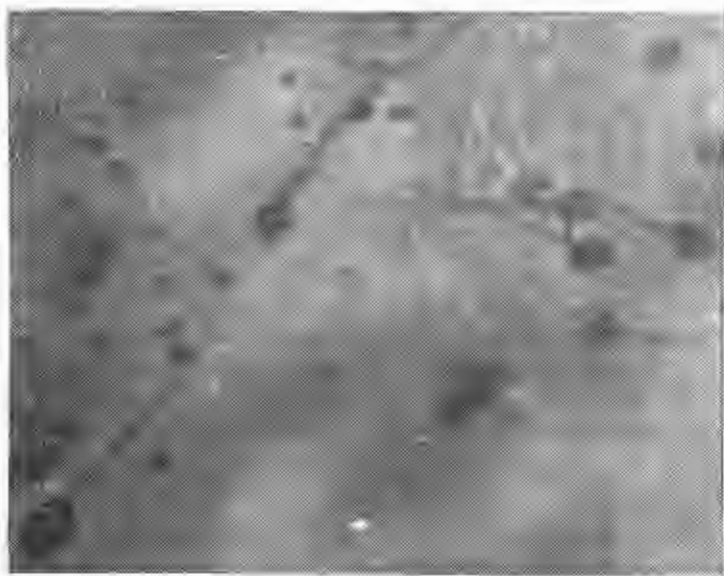
Theo môn Cảnh-sát Khoa học, chất tinh khí chứa đựng những con vật nhỏ, gọi là « tinh trùng », hay là tinh tử (spermatozoïdes); hình nó gồm có một cái đầu hình trứng (tête ovoïde) và một cái đuôi dài (longue queue fine), từ đầu chí đuôi phồng độ 0mm,05.

Theo nguyên tắc, tinh tử chết đi khi dầu vết tinh khí bị để khô; nhưng chắc chắn rằng các con thú nhỏ ấy sẽ giữ nguyên vẹn hình thức của nó, nếu không có xảy ra sự rủi ro làm bể gãy thân hình nó ra từng mảnh thất lạc đi.

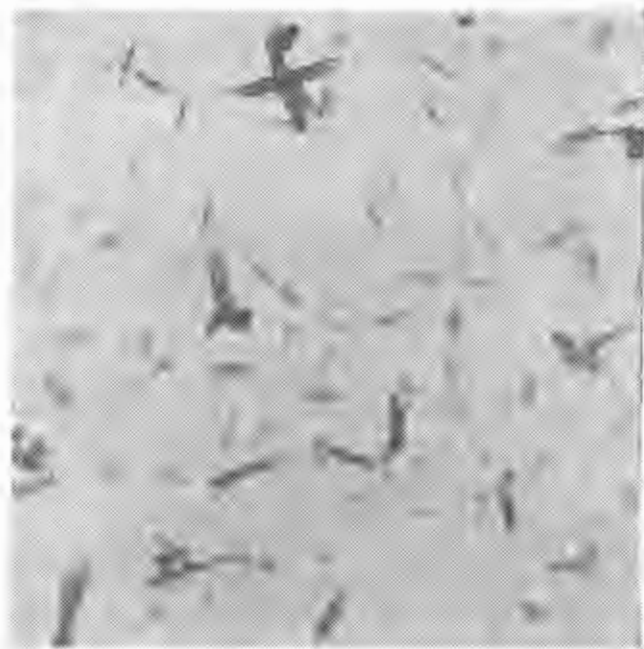
Việc xem xét về tinh trùng phân ra làm 2 giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, cuộc thí nghiệm thực hiện theo 2 phương pháp hóa học sơ khởi: hoặc là áp dụng phương pháp Florence, hoặc là áp dụng phương pháp Puranen. Trong giai đoạn kế tiếp cuộc thí nghiệm có mục đích sưu tầm sự hiện diện của tinh trùng trong dầu vết tinh nghi là tinh khí bằng kiến hiển vi (détermination microscopique de la présence des spermatozoïdes).

Trong phương pháp Florence, một mảnh nhỏ của dầu vết tinh nghi là tinh khí được đem tan chất trong một giọt iodurê de potassium và đem xem vật trong kiến hiển vi. Dung dịch thuốc này được bào chế theo công thức sau đây:

Iodure de potassium : 1,56 gr



Hình tinh trùng : Đầu tròn và đuôi dài.



Tinh thể Florence

Iode métalloïdique levée : 2.54 gr

Nước cất : 30 phân khối

Thuốc Iodure de potassium được đem tan trước hết trong một ít nước, rồi lần lần thêm chất iode vô sau. Số nước còn lại (trong 30 phân khối dự định) đổ vô khuấy tan lần lần đến khi hết còn thấy các tinh thể màu nâu kêu là « Cristaux de Florence », xem thấy trong kiến hiển vi.

Nước thuốc Florence có tính phản ứng rất nhạy đối với tinh khí và chỉ cho biết được kết quả cuộc thí nghiệm dầu vết tinh khí bị để khô lâu ngày đã biến chất hoặc là bị phơi nắng hay là hơi nóng.

Có điều bất tiện là phương pháp Florence không cho phép Giám-định-viên quả quyết, vì lẽ nước thuốc Florence cũng có một sự phản ứng tương tự như vậy đối với các chất lỏng từ trong cơ thể tiết ra (secrétions humaines) và đối với một số rau đậu (certains légumes). Được biết nước miếng (la salive) cũng phản ứng với nước thuốc Florence và gây ra những tinh thể giống như trường hợp thí nghiệm chất tinh khí bằng loại nước thuốc này.

Để kết luận khi thí nghiệm bằng phương pháp Florence, các Viện Giáo Nghiệm luôn luôn rất dè dặt vì lẽ một sự phản ứng rõ rệt của nước thuốc Florence

(xem tiếp trang 45)

CẢNH SÁT ANH QUỐC

NGÀY NAY

★ Bài của ĐÓ HIỀU

TRONG các thành phố của Anh-Cát-Lợi, ở Pays de Galles và Ecosse có một cảnh tượng lần lần trở nên quen thuộc đối với khách đến viếng xứ này : đó là hình ảnh những người cao lớn, mạnh khỏe, mặc đồng phục màu xanh dương, cổ xanh lợt, cà-vạt đen và mũ nhọn, chậm rãi đi dọc theo các đường phố, giờ nào cũng có, ngày lẫn đêm.

Quan sát kỹ một trong số các người ấy, bạn sẽ thấy rằng mặc dầu với bộ dạng khoan thai như vậy mà không có việc gì là lọt khỏi sự chú ý của ông ta. Chính người này, nhân viên đi tuần tiểu, là nền tảng của cả hệ thống Cảnh-sát Anh-quốc.

Suốt 24 giờ, đều có nhân viên Cảnh-Sát đi « rôn » trên đường để giữ gìn an-ninh và tài sản cho dân chúng. Mỗi người phải đi một phiên 8 giờ đồng hồ. Đi như vậy, cũng là lâu quá, vì vậy mà họ phải là những người lực lưỡng. Tuy nhiên, đi được nửa phiên thì họ có 45 phút để nghỉ lấy sức ; và khi hết phiên đó thì họ được nghỉ suốt thời gian còn lại trong ngày hoặc trong đêm. Đi như vậy để làm gì ? Nói cách khác, họ tiêu thì giờ cách nào ? Nhiệm vụ của họ cũng nhiều lắm, xin kể ra vài ví dụ :

Ban đêm, ví dụ như viên Cảnh sát phải xem chừng coi có nhà nào, hàng rào nào quên đóng cửa không. Vì vậy, trên đường nào đi qua, ông ta soát loại các cửa nẻo. Có thể gặp một cửa không khóa, ví dụ đó là một kho chứa hàng. Ông ta bước vào xem và thấy có nhiều thực phẩm. Một vụ trộm xảy ra sẽ làm khan hiếm thực phẩm và làm phiền lòng các bà nội trợ. Ông ta liền gọi điện thoại về bót và chỉ 2 phút sau là có một chiếc xe tuần tiểu, đậu cách đó vài con đường, được báo tin bằng vô tuyến điện, sẽ đến

nơi, đồng thời một viên đội-trưởng đi tìm người coi kho. Họ quan sát kỹ lưỡng nơi đó coi có việc gì đã xảy ra không và rồi sẽ cẩn thận khóa lại các cửa.

Để chồng lại các gian nan, mặc dầu nhân viên Cảnh-sát đi lẻ tẻ một mình, nhưng các phương pháp và kỹ-thuật Cảnh-sát mới mẻ ngày nay giúp họ được tiếp trợ nhanh chóng mỗi khi cần. Các toán tuần tiểu bằng xe hơi có gắn vô tuyến điện chạy quanh quần trong vùng cả ngày lẫn đêm và các thám tử lúc nào cũng sẵn sàng có mặt nơi xảy ra vụ phạm pháp để tìm ra các dấu tay và các dấu vết nào khác. Các thám tử là người mặc thường phục nên không ai biết. Mỗi sở Cảnh-sát đều có thám tử riêng. Mà Scotland Yard (tổ của sở này sẽ nói đến ở đoạn sau) cũng gọi các thám tử đến, khi có lời yêu cầu của địa phương, trong trường hợp cần khám phá một vụ phạm pháp đặc biệt quan trọng, như một vụ án mạng. Những việc như vậy có thể nói là không nhiều hơn sáu lần trong một năm.

Trước khi nói về Scotland Yard, xin phác họa về cách tổ chức ngành Cảnh-Sát ở Anh Quốc.

Như đã nói ở đoạn trên, những Cảnh sát viên đi rôn là nền tảng của hệ thống Cảnh Sát, họ được coi như là công bộc của Vương quốc, nhưng thật ra họ là Cảnh-sát của từng địa-phương, vì Cảnh sát Anh quốc không phải là một lực lượng Cảnh-sát thống nhất cho toàn quốc gia đâu. Có một quân đội Anh quốc mà không có « một tổ chức Cảnh-sát Anh quốc » theo đúng nghĩa của nó.

Thật vậy, ở Anh-Cát-Lợi, ngành Cảnh-sát không được quốc-gia hóa, mà gồm nhiều sở biệt

lập do các nhà chức trách Cảnh-sát địa phương tổ chức và quản-trị. Ngoại trừ Cảnh-sát Đô-thành Luân-Đôn dưới quyền Ông Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ, và Cảnh-sát miền Bắc xứ Irlande («Royal Ulster Constabulary») gồm lời 2.900 người, trực thuộc Bộ Nội-Vụ của xứ này.

— Người ta đếm ở Anh Quốc và Pays de Galles có đến 126 sở Cảnh-Sát biệt lập. Các sở Cảnh-sát này có thể được xếp thành 3 loại: Cảnh sát tỉnh, Cảnh-sát thành phố và Cảnh-sát hỗn hợp mà quyền hành bao trùm hai hay nhiều tỉnh lân cận. Ecosse có 33 sở Cảnh-sát gồm 14 sở Cảnh Sát Thành-phố và 19 sở Cảnh-sát tỉnh hay liên tỉnh.

Trong các tỉnh ở Anh Quốc và Pays de Galles, sở Cảnh-sát được quản trị do một Ủy ban Hỗn hợp Thường trực có từ 12 đến 30 hội viên, phân nửa sở này được chọn trong Hội-đồng hàng tỉnh (do dân bầu ra) và phân nửa được chọn trong sở các Thảm phán hòa giải.

— Trong các thành thị và ngoại ô, Ủy ban cầm quyền Cảnh-sát được mệnh danh là « Watch Committel » (Commission de Surveillance- « Ủy Ban Giám-Thị ») mà thành phần toàn là các nghị viên của Hội-đồng Thị-xã đưa sang đặt dưới quyền ông Thị-Trưởng. Còn Ủy Ban của Cảnh sát hỗn hợp thì gồm có một một sở đại diện của các tỉnh, với nhiệm kỳ ấn định tùy theo thời hạn liên kết của các tỉnh ấy.

- Các Ủy Ban trị vừa nói trên bổ nhiệm một Cảnh-sát Trưởng đứng đầu mỗi sở Cảnh-sát. Tuy nhiên sự bổ nhiệm này phải được Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ chấp thuận.

- Cảnh-sát Trưởng có một Phó Cảnh - Sát trưởng phụ tá.

- Khi ngành Cảnh-sát được canh tân vào năm 1829, Cảnh-sát Đô thành Luân Đôn được đặt trực thuộc Bộ Nội-Vụ, một phần vì Bộ này đảm trách việc giữ gìn trật tự và an ninh công cộng và một phần cũng vì thời đó không có nhà cầm quyền địa phương nào được đặt hẳn ra để phụ trách các phường và ngoại ô của Luân-Đôn. Từ đó đến nay Cảnh-sát Đô Thành Luân Đôn vẫn còn đặt dưới quyền kiểm soát của Bộ Nội Vụ. (Police Métropolitaine de Londres khác với Police de la Cité de Londres: Cảnh-Sát của Thị xã Luân Đôn. Người ta dùng danh từ « Métropole » để chỉ tất cả 28 phường của Đô-thành Luân Đôn, ngoại trừ khu vực thị-xã.) Đứng đầu Cảnh-Sát Đô

Thành là một vị giám đốc Cảnh-sát (Commissionner of Police) có trụ sở trung ương tại New Scotland Yard, cũng gần tòa nhà của Quốc hội. Khu vực thuộc quyền kiểm soát của giám-đốc Cảnh-sát Đô thành được chia ra làm 4 quận đặt dưới quyền các Quận Trưởng có Phó Quận Trưởng phụ-tá, và 23 phân quận (Circonscriptions) mỗi nơi được gọi theo một chữ cái trong mẫu tự A.B.C..

- Còn thị-xã là một phần của Kinh-đô Luân Đôn, dưới quyền cai trị trực tiếp của ông Thị Trưởng. Diện tích Thị xã được lời 2 cây số vuông. Ngày nay, đó là khu vực trung tâm về tài chánh và ngân hàng của kinh đô. Khu này rất giàu có. Hồi năm 1829, lúc thành lập tổ chức Cảnh sát tân tiến, thì dân cư khu đó toàn là đại thương gia, những nhà tư bản. Những người này thuộc sở người từng tỏ ra chống đối với việc thành lập một lực lượng Cảnh-sát chính quy. Nhưng, một thời gian ngắn sau khi Cảnh-sát Đô thành được tổ chức, thì các người ấy thấy rằng bọn gian phi ẩn trú lẫn lút trong thị xã, họ ước phục thiện và thỏa thuận với nhau để thành lập lực lượng Cảnh-sát riêng của họ. Và tổ chức Cảnh-sát này vẫn còn tồn tại, hoạt động hết sức hữu hiệu. Đó là « Cảnh sát thị xã Luân-Đôn » gồm lời 1.000 nhân viên, hợp tác chặt chẽ với Sở Cảnh.sát Đô Thành.

— Scotland Yard. — Cảnh-sát mặc sắc phục giữ gìn an-ninh trật tự, ngăn ngừa việc vi-phạm luật lệ và bắt người phạm pháp nhưng rùi thay, kẻ gian phi, như là với những tiền bộ khoa học ngày nay, thường thoát khỏi khi Cảnh Sát đến nơi phạm pháp, mà không để lại vết tích gì về lý lịch của chúng. Đây là trách vụ của sở Điều tra Hình-sự (Criminal Investigation Department) phải ra tay hoạt động để mở cuộc điều tra hầu khám phá ra hung thủ. Cảnh.sát Tư pháp đã được lập ra năm 1846 tại Scotland Yard, nơi đặt trụ sở trung ương của sở Cảnh-sát Đô-thành Luân Đôn: nhóm đó chỉ gồm có một đơn vị nhỏ là 8 người. Rồi từ nguồn gốc nhỏ nhoi khiêm nhượng ấy mà được phát tích ra một tổ chức trừ gian rộng lớn, ngày nay cả thế giới đều biết tiếng, với danh hiệu là « Scotland Yard ».

Scotland Yard có một đội lưu động rất có tiếng tăm gọi là « Phi-đội » (Flying Squad) lúc nào cũng sẵn sàng vận chuyển trong ít phút là đến nơi xảy ra vụ phạm pháp nào bí mật nhất.

(xem tiếp trang 48)

L. T. S. — Có ai ngờ được là LÊ-NINH, Chúa Đỏ lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản tháng 10 năm 1917 tại Nga là một tay sai gián điệp đã lãnh tiền của Đức ? Và cuộc cách mạng tháng 10 này chỉ là kết quả tất nhiên của kế hoạch làm suy yếu nước Nga của tay chứa trùm mật vụ Đức là Đại-Tá NICOLAI, bậc thầy của Đô Đốc CANARIS trong thời Thế chiến thứ nhất. Lénine đã làm gián điệp cho ngoại quốc, cũng như sau này bọn lãnh tụ Đông-Dương Cộng-sản đảng đã làm gián điệp cho thực dân giết hại những người cách mạng quốc gia và phản bội Tổ quốc Việt-Nam.

★

Kể từ lúc được sự ủng hộ của Bộ Chỉ-huy chiến tranh vừa cải tổ, Đại-Tá NICOLAI huy động các cộng sự viên làm việc bất kể ngày đêm. Trong lúc Tướng BARTENWERFFER đang cố gắng dàn xếp hòa-ước với Đồng-Minh và Hải quân thì lại tăng cường hoạt động của trận giặc tàu ngầm, NICOLAI với sự hợp tác của các lực lượng « Quân Cảnh » do Thiếu-Tá BAUMANN chỉ huy thẳng tay tàn sát các phong trào ái-quốc tại những nước đang bị Đức chiếm đóng và tăng cường hoạt động gián điệp khắp Âu-châu. Nhưng công tác chính của NICOLAI là hoạt động tuyên truyền cách mạng tại Nga, cuộc tuyên truyền nhằm mục đích làm suy yếu tinh thần chiến đấu của quân đội và nhân dân Nga cũng như NICOLAI đang thi hành tại các nước Pháp và Ý.

Đại-Tá NICOLAI đã đạt được nhiều kết quả khả quan, nhất là tại Nga lúc ấy đang còn chế độ của Nga-Hoàng, một ông vua hiền lành nhưng thiếu tài và sáng kiến. Cuộc tuyên truyền cách mạng của Đại-Tá NICOLAI tại Nga bắt đầu từ năm

1910, lúc ấy ông còn là một Đại-Ủy chỉ huy các công tác gián điệp và phản gián tại biên thủy Nga-Đức. Đại-Ủy NICOLAI đã tiếp xúc với nhiều tay cách mạng Nga, nhất là với LÊ-NINH, một người chỉ đáng cho nhân loại khinh bỉ vì những hành động gián điệp và phản bội của hắn.

LÊ-NINH, tên thật là OULIANOV gốc người Tạt-ta (Tartare) : một giống dân của các đoàn quân Gengis Khan (Thành-Cát Tư-Hàn) có máu Thổ và Mông-cổ. Cha của LÊ-NINH là một giáo sư thuộc hàng Quốc-vụ Khanh, mặc dù không được giàu có, nhưng nhờ ở tư cách và khả năng đã được triều-đình Nga Hoàng quý trọng. Hai người con của ông — LÊ-NINH có một người anh — lại không thừa hưởng được sự sáng suốt và tư cách của cha. Hai anh em LÊ-NINH rất thông minh nhưng lại có nhiều tham vọng. Khi còn tòng học ở ban Đại-học, họ đã được biết đến các lý thuyết táo bạo và vô luân của họ. Chính LÊ-NINH đã từng nói : « Bọn trí thức có khả năng hoạt động, nếu không vì cái tinh thần nhân loại nhỏ nhen của họ, họ có thể lật đổ các chế độ hiện tại và thu phục thế giới ».

Hai anh em OULIANOV lúc thiếu thời đã tham gia nhiều phong trào âm mưu lật đổ chế độ quân chủ của Nga. Anh của LÊ-NINH đã bị xử tử vì tội giết một viên chỉ huy cảnh sát Nga bằng bom.

Cái chết của người anh cả này là nhíp cầu cho LÊ-NINH. Đại-tướng NIESSEL, trong quyển « Cuộc chiến thắng của bọn Bôn-Sơ-Vít và Hòa Ước Brest-Litovsk », cho rằng « LÊ-NINH đã được xem như một đảng viên tích cực nhất giữa những kẻ tự cho là « xã hội » hay « cách mạng » bằng lời nói. LÊ-Ninh đã thu thập được một số đồng chí sau cuộc bầu cử gian lận mà hắn

chỉ được đa số tương đối bằng một phiếu ; do đấy mà người ta gọi bọn của hắn là Bolcheviki (Bôn-Sơ-Vít). Họ là những kẻ quyết tâm hành động. Kể từ đấy, LÊ-NINH đứng ra chỉ huy cuộc cách mạng một cách độc đoán, không dung thứ một ý kiến đối lập nào, dù hắn cũng vẫn chưa được xem như lãnh tụ quan trọng trong các giới chính trị có xu hướng xã hội.

Các hoạt động của OULIANOV đã đưa hắn đến tội đi đày ở Krasnoirsk tại miền Tây-Bá-Lợi-Á, nơi đây hắn gặp được BELETZKY,

LÊ - GIÁN - ĐIỆP LÃNH TIÊN

một công chức của cảnh sát Nga-Hoàng (Okhrana). Beletzky, một công chức lanh lợi, nhận thấy OULIANOV là một tay cách mạng không chút lương tâm và cuồng tín, đã nảy sinh ý định dùng tay hắn để âm mưu chia rẽ Đảng Dân-Xã Nga lúc ấy là đảng quan trọng và đáng lo ngại cho chế độ Nga-Hoàng nhất. Beletzky liền đề nghị cùng Oulianov tự Lê-Ninh thành lập lại nhóm thiếu số Bôn-Sơ-Vít và giúp đỡ nhóm này đối đầu với bọn Dân-Xã Đảng. Và chỉ với điều kiện này, Lê-Ninh mới được

trả tự do, trở về Nga và được giúp đỡ tài chính.

Lê-Ninh chấp nhận điều kiện của Beletzky vì nhận thấy có ba điều lợi cho mình mặc dù các điều kiện này là: một sự phản bội. Ba điều lợi ấy là: được tự do, được nhiều phương tiện sống và trả thù những kẻ đã thay thế mình lãnh đạo phong trào cách mạng đang chớm nở. Lê-Ninh tự bào chữa sự phản bội của mình bằng ý định lật đổ chế độ Nga-Hoàng và cho rằng cứu cánh biện minh cho phương tiện. Cách lập luận này của những người Cộng sản cũng



NINH

HÀNG HAI

CỦA ĐỨC

Sưu tầm của M. V. 21

có khi có thể chấp nhận được nhưng khi người ta nghĩ rằng Lê-Ninh đã làm cho bao nhiêu nhà cách mạng khác vì tin vào sự thành thật của hắn phải bị bắt bớ, tra tấn, tù đầy hay xử tử, thì người ta không thể hiểu được tinh thần cách mạng của hắn.

Được tự do vào năm 1900, Lê-Ninh đến ngụ tại thành phố Pskof vài tháng để tập tành một số tay sai cần thiết và sau đấy hắn sang Thụy-Si. Đến năm 1903 Lê-Ninh đã thành công trong việc gây chia rẽ trong Đảng Dân-Xã Nga bằng cách thành

Hình trên : *Phái đoàn Nga với hòa ước Brest Litowsk*

Hình dưới : *Phái đoàn Đức đang đợi Nga ở Brest Litowsk*

lập hai nhóm đối lập Bôn-Sơ-Vít và Măng-Sơ-Vít. Năm 1905, hắn sang Anh và hoạt động tại Luân-Đôn. Một viên thanh tra mật thám của Sở Scotland Yard Anh tên Herbert T. Fitch đã thuật lại các lời tuyên bố của Lê-Ninh trong lúc ông được giao cho nhiệm vụ theo dõi các cuộc

hội họp của một nhóm chính trị có xu hướng « vô chính phủ ». Herbert T. Fitch đã ẩn trong một căn phòng gần phòng họp và đã nghe được diễn văn của Lê-Ninh. Đây là lời tường thuật của Herbert T. Fitch :
« Sau lời giới thiệu của một đồng chí, Lê-Ninh đứng dậy, với

giọng cứng rắn và hùng hồn, hần nói :
Tôi nhận thấy không cần thiết phải
giấu diếm các bạn danh tánh thật của
tôi hiện được biết dưới bí danh Borov.
Chính tôi là Wladimir Oulianov còn
có bí danh là Lê-Ninh ».

Herbert T. Fitch thuật tiếp :

« Tôi nghe nhiều tiếng ho ngắn
của cử tọa, nhiều tiếng chân dậm trên
sàn nhà và nhiều tiếng xầm xì. Lê-Ninh,
tay lãnh tụ độc tài Đỏ khắp thế giới
đều biết tiếng lúc ấy đã tỏ ra đầy nghị
lực và ghê gớm, tàn nhẫn, một người
say máu mà sau này hành động đã
chứng tỏ. Trong lúc hần nói, tôi như
tê cả người và co quắp lại trong chỗ
ẩn núp của tôi, tôi mê say nghe hần,
nghe những lời nói nảy lửa của hần.
Hần nói : « Chúng ta phải đổ máu,
đổ thật nhiều máu. Nhiều đồng chí
hiện có mặt tại đây đề nghị các giải
pháp chính trị. Tôi xin cho các đồng
chí ấy hay rằng chính trị không giúp
ích chúng ta được gì cả. Chúng ta
cần phải nổi dậy chống chính quyền
và khi chúng ta đã nổi dậy thì chúng
ta không còn biết tha thứ. Chúng ta
phải nhớ đến các đồng chí đã bị treo
cổ hay xử bắn (lẽ dĩ nhiên, hần không
có ý ám chỉ các người cách mạng đã
bị hần phản bội vì tiền !) bởi bọn tư
sản hay đã bị đày sang Tây-Bá Lợi-
Á để cho chết dần, chết mòn. Nga-
Hoàng cùng các bạn tay sai, vương
hầu bá tước, cảnh sát, tôi tớ và các
bọn con buôn phải chết ! Trước hết
chúng ta phải nổi dậy, lật đổ phong
kiến, lật đổ hậu bôc lột tại Nga, rồi đến
khắp các nước Âu-Châu. Chính bọn
tư sản là những bọn mà chúng ta
phải hạ tại các nước Nga, Đức và Anh.
Ngày nào chúng ta nổi dậy, bọn tư
sản phải bị tiêu diệt hoàn toàn cho
đến một kẻ có một quán nhỏ bên
đường cũng không thể tồn tại ».

Đó là bài diễn văn nảy lửa của
Lê-Ninh. Nhiều tràng pháo tay nổi
dậy và sức hấp dẫn mãnh liệt của
những lời nói này có thể lôi cuốn

được quần chúng vào những hành
động điên cuồng nhất ».

Văn hào Lã-Phụng-Tiên đã
từng cho ta biết cái lưỡi là một vật
có thể tốt nhất mà cũng có thể xấu
hơn hết trên đời. Nhưng nếu ông
biết được Lê-Ninh hay Hít-le !!!

Chính trong nhiều cuộc hội họp
tại Luân-Đôn mà Lê-Ninh và 20 đồng
đảng đã chuẩn bị cuộc cách mạng
năm 1905, một cuộc cách mạng đầu
tiên phản bội lại quyền lợi nước Nga.
Trong suốt cuộc chiến tranh Nga-
Nhật, bọn tay sai của Lê-Ninh đã
lợi dụng các khó khăn trong nước để
gây rối loạn. Trong lúc Tướng Line-
vitch lên cầm quyền chỉ huy quân
đội Nga-Hoàng với ý định chấn
chỉnh lại tình hình, cuộc nổi loạn của
bọn Lê-Ninh trong hàng ngũ Lục và
Hải quân bùng nổ. Các tay tài phiệt,
Giám đốc Ngân hàng Đức là Jacob
Schiff và Loeb đã nhìn nhận có cung
cấp tài chính cho bọn này để lật đổ
chế độ Nga-Hoàng và chính Lê-Ninh
là một trong số các tay cách mạng
nhận nhiều tiền nhất. Như vậy là sau
các món tiền của Cảnh sát Nga-Hoàng
đến tiền của Đức, Lê-Ninh cũng
không ngần ngại ngửa tay thu nhận !

Trong những ngày đẫm máu của
cuộc nổi loạn năm 1905, Lê-Ninh
vẫn ung dung ở tại Luân-Đôn. Hần
không tỏ vẻ lo ngại về kết quả của
cuộc nổi loạn này, do hần xúi giục
một cách cuồng tín, nhưng hần lại
không muốn nó thành công trong
lúc vắng mặt hần. Vì vậy, tiếp tục
theo chỉ thị của cơ-quan Okrana
(Cảnh sát Nga-Hoàng), một cơ-quan
cảnh sát không mấy tinh khôn đã
tin dùng nhiều người đáng nghi ngờ,
Lê-Ninh gây ra cuộc chia rẽ trong
các nhóm có xu hướng xã-hội trong
một kỳ Đại hội tại Luân-Đôn. Cùng
với tên Max Muller, Lê-Ninh thành
lập một đảng Bôn-Sơ-Vít mới mà
bộ tham mưu đã cùng hần chạy sang
Thụy-Sĩ.

Chính tên Max Muller đã giới
thiệu cùng Lê-Ninh các tên cách
mạng Mác-xít hay Dân chủ như :
Fiirstenberg, Kozlowski, Gruntz và
nhiều người khác toàn là tay sai của
bọn quân phiệt Đức.

Đại-Tá Nicolai, người biết rõ
hơn ai hết cơ quan Okrana của Nga,
đã gửi đến cho Lê-Ninh, vào cuối
năm 1910, một cộng sự viên thân
tín ; người cộng sự viên này đã phúc
trình : « Việc chi tiêu không quan trọng
lắm (125 mark mỗi tháng) và nếu
Lê-Ninh tỏ ra không đáng được ta
tin cậy thì hần cũng giúp ích được
cho chúng ta với sự giao thiệp vô
cùng rộng rãi của hần với mọi cơ-
quan cảnh sát cũng như với bọn cách
mạng. »



LÉNINE năm 1907

Khi thể chiến thứ I bùng nổ, Nicolai có nhận được của Grimm, một gián điệp Đức tại Thụy-Sĩ đang theo dõi các giới chính trị có xu hướng xã hội, lời khuyên nên tiếp xúc trực tiếp với Lê-Ninh thì mới có lợi. Chúng ta không có những bằng chứng tỏ Lê-Ninh đã sang Đức hồi tháng 2 năm 1915, nhưng người ta được biết chắc chắn là Phòng III B (1) của Đức có giao cho hắn ngày 17 của tháng ấy, nhiệm vụ tiếp xúc gặp với tất cả các tay cách mạng có thể hành động gây rối tại Nga và các nước Đồng-minh của Nga. Lúc ấy trợ cấp hằng tháng của Lê-Ninh đã lên đến 450 Mark và nhiều khoản tiền thưởng cho các cuộc đình công hay phá hoại tại xí-nghiệp các nước địch hay trung lập, làm việc cho địch. Tài liệu số 16083 K. B/H gián điệp của đại-tá Nicolai còn xác nhận rõ ràng là các khoản trợ cấp hoặc tiền thưởng chỉ được thanh toán cho bọn Lê-Ninh trong trường hợp các cuộc đình công hay phá hoại xảy ra, phải do chính bọn này thi hành. Với tài liệu này người ta nhận thấy là con cáo già Nicolai cũng chỉ có một sự tin cậy giới hạn đối với bọn chó sói Lê-Ninh.

Trong lúc các tay gián điệp Đức dưới sự chỉ huy của Nicolai đang tiếp xúc mật thiết với Lê-Ninh tại Berne, Thủ-đô Thụy-sĩ, thì tại Nga, Trung-úy Bauermeister, một cộng sự viên đặc lực của hắn tại các nước phía Đông, đã cùng với nhiều đảng viên cách mạng cố gắng đoàn kết các phần tử chống Đế quốc Nga. Do đấy mà người ta không lấy gì làm lạ là phần đông các tay lãnh đạo cách mạng tại Nga là những người Do-thái ở Đức hay người Nga thân Đức, họ là những kẻ căm thù cái « chế độ dân chủ tư sản của các nước Pháp, Anh hay Hoa-kỳ ».

Ngoài ra, trong lúc giúp đỡ nước Đức không phải vì lòng ái quốc — vì không bao giờ người cộng sản

Đã đến giai đoạn mà các nhà lãnh đạo chính quyền và những người hướng dẫn dư luận phải nhận rõ bộ mặt thật của Cộng sản và trực tiếp lãnh trách nhiệm đối phó với quái vật Đỏ. Đã đến lúc, tất cả các dân tộc, và trong mỗi quốc gia tất cả mọi người, già, trẻ, trai, gái, phải lột mặt nạ của chúng và nhận định rằng đánh Cộng là nhiệm vụ chung của mọi người và của mỗi người, không phải là việc riêng tư của một nước, một chánh phủ hay một giới công dân nào.

NGÔ-TÔNG-THÔNG

có tinh thần ái quốc — họ còn mong thực hiện được chủ trương cách mạng của họ : là cộng-sản hóa thế-giới. Nhưng dù với mục đích nào đi nữa, trong lúc này họ vẫn là những tay sai đắc lực của mặt vụ Đức.

Đại tá Nicolai không thể hoạt động công khai và trắng trợn trong công tác tổ chức và cung cấp tài chánh cho cuộc cách mạng Nga, vì lúc ấy, Hoàng-đế Guillaume II, Thủ-Tướng và Thống-Chế Von Falkenhayn cũng như đồng minh của mình là Triều đình nước Áo và Quân-Đội Áo, đang hết sức lo ngại với ý nghĩ một cuộc cách mạng Nga sẽ lan tràn đến hai nước Đức và Áo mà không ai ngờ trước được hậu quả. Do đấy, mà Đại-tá Nicolai phải hành động một cách vô cùng kín đáo ngoài sự hiểu biết của các cấp trên, hành động mà ông chỉ tiếp tục sau năm 1910 nhằm mục đích : « Làm tan rã chế độ Nga-Hoàng ». Tại Hoa-Thịnh-Đốn, tay sai tín cẩn của ông là Franz Von Papen cũng đã tổ chức các cuộc tuyên truyền cách mạng chống chế độ Nga - Hoàng, Qua sự trung gian của Von Papen, hàng triệu đồng Mark được phân phát cho các bọn gây rối Nga đang tỵ nạn tại Hoa-Kỳ.

Một phúc trình mật được tùy viên quân sự Nga tại Hoa-Thịnh-Đốn gửi về nước hồi tháng 2 năm 1916 đã cho biết :

« Đảng cách mạng Nga tại Hoa-Kỳ đã quyết định hành động. Người

ta đang đợi các cuộc bạo động không biết lúc nào sẽ xảy ra. Một cuộc hội họp bí mật được tổ chức vào buổi chiều ngày 14 tháng 2 tại Khu Đông (East Side) của thành phố Nữu-Uớc. Trong cuộc họp, có đến 62 đại biểu tham dự trong số có 50 người đã nhúng tay vào cuộc cách mạng năm 1905 và 12 người mới. Phần đông đều là trí thức Do-thái mà nhiều người là các tay cách mạng chuyên nghiệp... Cuộc thảo luận của buổi họp đầu tiên nghiên cứu phương tiện và khả năng tiến hành cuộc cách mạng tại Nga, một cuộc cách mạng vĩ đại, vì người ta cho rằng tình thế đã hoàn toàn thuận tiện. Cũng như các báo cáo vừa rồi, đảng cách mạng này đã nhận được từ Nga nhiều tin tức bí mật liên quan đến việc hoàn tất mọi công tác chuẩn bị cho một cuộc nổi loạn. Vấn đề duy nhất mà Hội nghị còn thắc mắc là vấn đề thiếu thốn tài chánh. Nhưng một số các đại biểu đã cho biết rằng vấn đề tài chánh sẽ được giải quyết khi cần, vì sẽ có nhiều số tiền khổng lồ được các người ủng hộ cuộc cách mạng đưa đến. »

Gián điệp của Đức đã hoạt động không những ở Hoa-Kỳ mà còn ở Thụy-Điển, Thụy-Sĩ, Pháp và Anh. Tại các nước này họ ủng hộ các phong trào gây chia rẽ các nước Đồng-minh và cuộc nổi loạn tại Nga.

(1) — Cơ quan tình báo của Quân-Đội Đức như Phòng Nhì của Pháp

(Còn nữa)

CHÓ

TRONG CÔNG - TÁC CẢNH - SÁT

★ NGUYỄN - ĐẠI

CÁC sở Cảnh Sát khắp nước Mỹ thường vẫn phải đối phó với một tình trạng phạm pháp ngày càng tăng gia mạnh, nhưng lại luôn luôn bị cản trở vì vấn đề thiếu nhân viên, thiếu phương tiện, thiếu ngân sách. Nhưng ít lâu nay, họ đã lưu ý đến một phương pháp hoạt động không cần đòi hỏi thêm nhân lực mà chỉ cần thêm một chút ít tài chánh : đó là việc dùng chó trong công tác cảnh sát.

Việc này chưa được phát triển nhiều, nhưng ở những nơi nào mà chó đã được « tuyển mộ » và đem sử dụng thì kết quả lại mỹ mãn không ngờ. Ở ngay đô thị New-Uớc, sở Cảnh - Sát đã thành công lớn trong việc dùng chó để tuần phòng canh gác ban đêm, và ở Baltimore, đội chó cảnh sát, gọi là đội K-9, gồm có 40 con, được thành lập từ năm 1956, đã ghi được nhiều thành tích phi thường, và ngay trong năm đầu tiên, đội chó ấy đã ghi được tới 500 vụ bắt bớ.

Trong lãnh vực này, Anh-Cát Lợi là quốc gia đã đi trước Hoa Kỳ đến 10 năm, và đã có rất nhiều kinh nghiệm trong công cuộc huấn luyện, tổ chức và sử dụng chó trong công tác cảnh sát. Riêng ở thành phố Luân Đôn, trong năm 1958, các chú chó cảnh sát đã ghi được 1850 vụ bắt bớ và tìm ra được 36

vụ mất tích. Những năm sau đó, chó càng được dùng nhiều, và con số các vụ bắt bớ càng tăng gia lớn.

Người ta không thể tưởng tượng được sự đóng góp của các chú chó vào công tác cảnh sát đã đặc lực đến thế nào. Đại Úy Cảnh Sát Rymer Jones, một viên phó Cảnh Sát Trưởng của Cảnh Sát Đô Thành Luân Đôn đã nói : « Trong những trường hợp thông thường thì bọn lưu manh can phạm có những điều kiện thuận lợi cho chúng như bóng tối, óc sáng kiến và số đông. Nhưng Cảnh sát chỉ cần có một con chó được huấn luyện thuần thực là có thể đặc lực bằng 6 cảnh sát viên cùng công tác. »

Có một vụ trộm xảy ra. Chỉ nửa giờ sau là một chú chó đã được gửi đến phạm trường với một người điều khiển. Chú chó đánh hơi các đồ vật của tên trộm còn để lại ở phạm trường hoặc những thứ mà y đã mó tay vào. Sau đó, nó bắt đầu đánh hơi các vật chung quanh, và cứ thế theo dõi hơi ấy mà chạy đi qua các phố, đến một ngõ hẻm, vừa chạy vừa đánh hơi rất kỹ. Độ 500 thước, nó chợt dừng lại trước một chiếc cổng tối om và sủa lên ầm ỹ. Cảnh sát ập đến và bắt được 4 chú trộm vị thành niên đang ẩn trốn ở bên trong với nguyên vẹn cả đồ vật chúng vừa trộm được.

Một con chó được huấn luyện

thuần thực có thể đối phó với một đám đông người thay cho một số đông cảnh sát viên. Người ta kể chuyện có một lần ở Luân Đôn, sau một cuộc trình diễn nhạc Rock ở ngoài trời, hơn 1500 thanh niên nam nữ bị kích thích vì tiếng nhạc, đã kéo nhau đi qua các phố, vừa đi vừa la hét om sòm. Một vài người bắt đầu đập phá các cửa hàng, và chọc ghẹo những người đi đường. Cảnh-sát tuần phòng tại chỗ vội gọi điện thoại về trụ sở xin tiếp viện. Tiếp viện đến : 3 chú chó từ trên xe hơi nhảy xuống, và chỉ trong nháy mắt trật tự đã được lập lại. Bọn người bạo động đứng im thin thít, không một ai dám nhúc nhích trong khi ba chú chó chạy tuần phòng chung quanh.

Những trẻ em đi lạc đường ở Luân Đôn thường được chó tìm ra, và nhiều khi cả những người lớn nữa. Một đêm vào tháng giêng, trời rét cắt ruột. Cảnh sát được báo cáo là có một người đàn ông đang ốm đã bỏ nhà ra đi, mình mặc có một bộ đồ ngủ mỏng manh. Một chú chó được dẫn đến nhà, được cho ngửi tất cả các đồ dùng của người ấy rồi « được » thả ra 5 phút sau nó đã đánh hơi tìm thấy người ấy đang nằm bất tỉnh ở một vũng nước trong một khu vườn cách xa nhà chừng hơn một cây số.

Những đội chó Cảnh sát của Anh Cát Lợi được thành lập từ

sau khi Đại Chiến kết liễu, khi mà tình trạng xã hội chưa ổn định đã gây ra những vụ xáo trộn, phạm pháp nhan nhản ở khắp nơi. Vấn đề đã trở nên một mối quan tâm khẩn thiết cho Cảnh sát Đô thành Luân Đôn. Khu công viên rậm rạp Hyde Park, nhờ địa thế hiểm trở đã trở thành một nơi mà mỗi đêm các vụ phạm pháp xảy ra như cơm bữa. Cảnh Sát viên đi tuần phòng không có hiệu quả gì, vì khu công viên vừa rộng, mà lại nhiều những con đường nhỏ chạy quanh co, nhiều những số sinh tối tăm để là nơi để cho những hành động phạm pháp xảy ra; và để cho bọn can phạm lẫn trốn.

Đại Ủy Rymer Jones, lúc đó là người phụ trách khu công viên Hyde Park, đã quyết định hành động, và mở một cuộc thí nghiệm. Với một đội chó được huấn luyện thuần thục về khoa Cảnh - sát và những người điều khiển chúng có kinh nghiệm, ông phải đi tuần hành mỗi đêm trong công viên. Kết quả lượng được thật không ngờ.

Với tài đánh hơi thật thính, bày chó đã sục sạo khắp chỗ khiến cho bọn lưu manh không thể nào còn ẩn nấp ở những số hóc hiểm được nữa. Sau một loạt công tác đầu tiên tiếp theo là bao nhiêu cuộc bắt bớ, tiếng đồn đã bay vang khắp giới lưu manh ở Luân Đôn rằng Hyde Park không còn là nơi an toàn khu của chúng nữa.

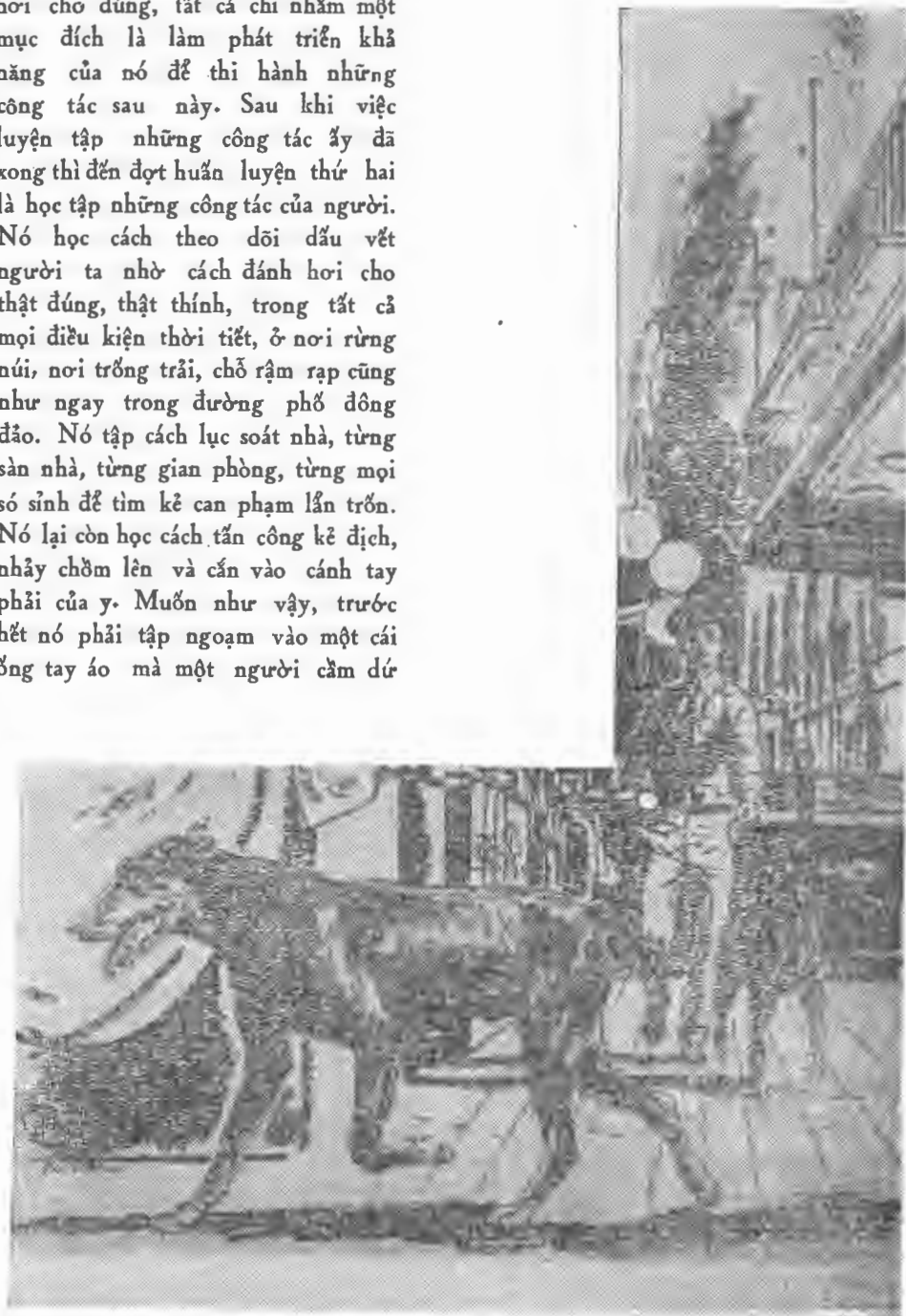
Loài chó hình như có một giác quan thứ 6 rất bén nhạy đối với bọn lưu manh. Những người điều khiển chó thành thạo, kinh nghiệm cũng không thể nào giải thích được điều đó và cho rằng hình như chúng có một tài riêng khám phá ra những « kẻ biết sợ hãi », đánh hơi thấy « mùi mồ hôi đặc biệt » của chúng toát ra mỗi khi chúng bị bọn chó sục tìm.

Luân Đôn bây giờ có một đội chó của Cảnh sát gồm 200 con. Giống chó chính dùng vào công việc này vẫn là loại chó berger của Đức, mặc dầu giống Labrado và Doberman cũng tỏ ra rất hiệu lực.

Việc huấn luyện chó đòi hỏi nhiều cố gắng và kiên nhẫn. Tập chạy, tập ngoạm, tập cắn, tập đánh hơi cho đúng, tất cả chỉ nhắm một mục đích là làm phát triển khả năng của nó để thi hành những công tác sau này. Sau khi việc luyện tập những công tác ấy đã xong thì đến đợt huấn luyện thứ hai là học tập những công tác của người. Nó học cách theo dõi dấu vết người ta nhờ cách đánh hơi cho thật đúng, thật thính, trong tất cả mọi điều kiện thời tiết, ở nơi rừng núi, nơi trống trải, chỗ rậm rạp cũng như ngay trong đường phố đông đảo. Nó tập cách lục soát nhà, từng sàn nhà, từng gian phòng, từng mọi số sinh để tìm kẻ can phạm lẫn trốn. Nó lại còn học cách tấn công kẻ địch, nhảy chồm lên và cắn vào cánh tay phải của y. Muốn như vậy, trước hết nó phải tập ngoạm vào một cái ống tay áo mà một người cầm dứ

cho nó theo, sau đó một người giả làm kẻ lưu manh cho nó tập nhảy lên và ngoạm vào ống tay áo. Đến khi hành động thực sự, thì nó chỉ thi hành phận sự khi có lệnh, khi nó bị tấn công hay khi một kẻ tình nghi

(xem tiếp trang 44)





gián -

ủa

phản

(tiếp theo)

BỘ ÓC CỦA ĐƯỜNG LUBIANKA

Cơ quan mật vụ Nga, O. G. P. U. mà nay là N. K. V. D. có trụ sở tại đường Lubianka ở Mạc-Tư-Khoa.

Laurenti Bériá không có vẻ gì là người chỉ huy một cơ quan mật vụ, ông giống như một con gấu hiền lành. Bề ngoài ông không có vẻ gì tàn bạo nhưng sự thật đó là người của « thủ đoạn » Laurenti Pavlovich Bériá có một văn phòng rất xinh tại đường Lubianka. Hàng ngàn người làm việc dưới quyền ông, tất cả đều công nhận tính tình thân mật, ngay thẳng của ông đối với cộng sự viên và nhất là khả năng làm việc lạ lùng của ông. Có nhiều chuyện ly kỳ được phao đồn quanh cơ quan N. K. V. D. của ông. Sự thật thì rất giản dị.

Cơ quan N. K. V. D. hay O. G. P. U. là một tổ chức gián-điệp và phản gián hiệu quả nhất nhì thế giới. Người chỉ huy cơ quan này phải đối phó với các tay mưu lược hạng cừ như Canaris và các tay mật vụ Nhật. Ngoài ra, Laurenti Bériá còn cần phải đề mắt luôn luôn đến thế giới bên ngoài.

Bériá là người chỉ huy danh tiếng nhất từ trước đến nay của cơ quan N.K.V.D., ông được đặc biệt ưu đãi. Sự tin cần vô biên và tình bạn bền chặt của ông đối với Staline đã giúp ông giữ vững chức vụ lâu hơn hết trong số các người chỉ huy từ trước đến

nay. Một số lớn các người chỉ huy này đều không còn sống, người thì bị dính líu đến các vụ tai tiếng, người thì bị xử về tội hà lạm, hối lộ hay phản quốc.

Bériá hút thuốc xi gà với một tốc độ hơn cả Winston Churchill. Ông mang một cặp kính trắng đã quá thời trang mà ông cứ làm vỡ luôn. Một người khách của ông đã nhận thấy có lần trên bàn ông đến 20 cặp kính, ông cứ việc chọn trong đồng kính khi ông cần. Những người cộng sự với ông đều đề ý rằng ông luôn luôn có vẻ mệt nhọc, vì ông đã làm việc nhiều khi đến 20 giờ mỗi ngày. Mạnh khoẻ và dẻo dai, ông rất ít cần ngủ.

Beria có vẻ một người từng trải, và có lẽ vì quá từng trải nên nhiều khi ông lộ vẻ buồn... Trong thời niên thiếu, ông đã sống trong miền Géorgia của Nga Hoàng và ông là người có đức tin mãnh liệt, sợ Thượng Đế, tin tưởng sự tồn tại của linh hồn và diệt được điều ác. Bây giờ thì ông không tin rằng trí người có thể biết được tuyệt đối. Ông ít nói nhưng hay trầm ngâm suy nghĩ và biết nhiều ngoại ngữ.

Khác với Canaris, Bériá có thành kiến đối với phái yếu, cho rằng đàn bà làm cho người ta xao nhãng nhiệm vụ đối với xã hội. Theo ông, người thành công trên đời phải là người có thể loại bỏ đàn bà ra khỏi đời họ. Ông hay nhắc đến thần thoại Samson, và theo ý ông, Samson đã bị nữ gián-điệp Dalíla của người Philistins gửi đến tìm cách hạ sát. Người ta có thể ngờ rằng Bériá rất nhút nhát trước phái đẹp, nhưng ai cũng biết rằng ông vẫn có nhiều bạn gái rất thân và Bériá rất trọng tình bạn.

- điệp

uà

1. bội trong thế chiến II

N. T. H. trích dịch của KURT SINGER

Tính tình ông rất phức tạp. Ông tưởng tượng và khả năng kỹ thuật của ông không kém Canaris. Ông cũng là người dám hy sinh cho một người bạn hay cho một cộng sự viên, đồng thời ông cũng tỏ ra tàn nhẫn có thể làm cơ quan mật vụ Gestapo của Đức kinh ngạc.

Béria cố tránh việc hành quyết đàn bà hay đánh đập họ, ông không thích các lối tra tấn của Đức. Trái lại, người ta thấy ông có thể cho hỏi cung đàn bà 50 giờ liên tiếp không một chút nghỉ ngơi. Các nhân viên có phận sự được thay thế và phải dùng bữa trước mặt tội nhân đang bị dày vò vì đói. Sau 50 giờ hỏi cung, thường là Béria đạt được kết quả, phạm nhân phải thú tội. Có khi ông ra lệnh trả tự do cho nữ phạm nhân rồi ông dắt người này cùng ông đi xe ra phố đến một hiệu may lựa cho một chiếc áo đẹp làm cho nữ phạm nhân cảm động. Nếu có thể, ông dắt đi xem hát, ăn uống và cuối cùng, sau khi nữ phạm nhân thú tội, ông cho bắt giam lại để xử treo hay bắn sau này.

Tóm lại Béria là một nhà tâm lý. Trước một người lịch sự và học thức như Béria, các gián điệp thông minh nhất cũng đâm luống cuống và mất tự chủ. Béria thuộc loại thám tử giữa Dostoïewsky và Heinrich Himmler.

Dĩ vãng của đời Béria đã chuẩn bị cho ông vai tưởng ông đã đóng.

Sanh vào năm 1888 tại Tiflis trong một gia đình đứng đắn, đang ở bậc trung học, ông đã có óc cách mạng. Kịp đến năm 27 tuổi, một tòa án binh đã xử tử ông vì tội tuyên truyền cách mạng trong quân đội miền Caucase. Bị cầm tù và gần ngày xử, ông vượt ngục được. Thoát chết ông rút vào núi và sống khổ cực. Trở thành đảng viên, ông liền lạc chặt chẽ với người chỉ huy cách mạng Nga trong bí mật là Staline. Ông nghiên cứu sáng tác của Lénine, Poutchkine và Karl Marx. Ông vận động mua vũ khí của quân đội và tạo tài chánh cho đảng Cộng-sản. Cũng như

Dostoïewsky, Béria bênh vực sự công bình trừu tượng ở Nga; với bọn Bôn-Sơ-Vít, ông chuẩn bị cuộc cách mạng.

Rồi cuộc chinh biến bùng nổ, Béria gia nhập đoàn thể thợ thuyền mỏ dầu Bakou. Nhưng các thám tử tư của nhà máy lọc dầu Nobel khám phá ra sự có mặt của ông và ông phải một phen trốn tránh. Ông phải cải trang thành một người đàn bà Hung nô để vượt qua chiến tuyến của địch quân và thoát chết một lần nữa. Tới Albana, một thị trấn cũ kỹ của vùng Ba-Nhĩ-Cán và là cự thủ đô của xứ Albanie hiện nay, ông gặp được nhiều nhà cách mạng khác đã giúp đỡ ông. Một trong số các nhà cách mạng này là Josip Broz hiện nay được cả thế giới biết đến dưới tên Thống-Chế tito, lúc ấy là người chỉ huy cách mạng Nam-Tur.

Trong những ngày đi qua các thị trấn trong vùng Ba-Nhĩ-Cán, Béria nhận thấy việc làm sở thông hành giả rất dễ dàng. Người ta có thể tự làm lấy hay mua lại của một người thợ nghèo hoặc một nông dân. Với một sở thông hành và một khai sanh mới, ông trở lại nước Nga và tham gia cuộc cách mạng của Lénine. Ông đã dùng rất nhiều tên giả, đó là hành động thông thường của những nhà cách mạng. Lénine và Staline cũng là tên giả mà người ta thường gọi là tên « chiến đấu ».

Dưới tên Garabet Abamalek, Béria đã chỉ huy một nhóm 500 đảng viên Cộng-sản, gồm những cựu tù binh Áo trong cuộc chiến tranh chống với quân của Nga-Hoàng. Ông cũng đã gửi những tay sai của ông giả là lính đào ngũ xâm nhập hàng ngũ của quân đội Nga-Hoàng, những người Cộng-sản đào ngũ này có nhiệm vụ cung cấp tin tức vô giá trị của quân cách mạng cho quân đội Nga-Hoàng để gây tin nhiệm. Đó là những tên gián điệp đầu tiên của Mật Vụ Nga sau này. Việc làm của Béria làm cho chính quyền Cộng-sản Nga đề ý và khai thác bằng cách giao cho ông nhiều trách vụ nặng nề trong việc chống quân đội thù nghịch của Cộng-sản.

Năm 1920, Béria được cử làm nhân viên của Tòa Đại-sứ Ukraine tại Prague, thủ đô Tiệp-Khắc. Nhiệm vụ chính và bí mật của ông là chỉ huy gián điệp. Từ Prague, ông tổ chức hệ thống gián điệp bao trùm cả lục địa Âu-châu. Sau khi cuộc cách mạng tháng 10 năm 1917 của Cộng-sản đã thành công, mỗi người Nga trắng rời bỏ xứ Nga đều được ghi tên tuổi và những người nguy hiểm nhất cho chính quyền Cộng-sản đều bị theo dõi. Tất cả các cựu sĩ quan của quân đội Nga-Hoàng được lưu ý nhiều nhất vì lúc ấy chính quyền Cộng-sản còn sợ sự phản ứng của họ. Chín năm sau, trong lúc Béria đang làm tùy viên tại Tòa Đại-Sứ Sô-Viết ở Ba-Lê, ông lại được đề cử giữ thêm trọng trách chỉ huy cơ quan gián điệp Nga ở Hải-Ngọại.

Đối với nhà cầm quyền Pháp thời bấy giờ, Béria là một nhà ngoại giao chính thức. Nhưng bên trong ông là một nhân viên gián điệp. Hằng ngày với quần phục quân đội Nga-Hoàng ông dạo chơi trên các đường phố lớn của thủ đô ánh sáng. Dưới tên giả là Đại-Tá Yenonlidze, người ta được biết ông là người đã mất hết sự nghiệp ở Nga và là kẻ thù không đội trời chung với Cộng-sản Bôn-Sơ-Vít.

Đại-Tá Yenonlidze được tất cả những người Nga chống cách-mạng Cộng sản và muốn lật đổ chế độ Staline hợp tác và tin cậy. Đại tá đã hợp tác với các đảng viên Phát-xít miền Ukraine, các gián điệp Nhật và các sĩ-quan Nga-Hoàng có liên lạc cùng Mussolini hay phong trào Quốc-xã đang bành trướng của Hitler. Đại-Tá còn biết cách cho nhân viên gián điệp trở về Nga qua ngả Esthonie. Ông viết báo cho các người Nga tỵ nạn Cộng sản, và không bao lâu ông được nhiều người xem như lãnh tụ của họ. Trong hai năm ông biết được tất cả các tổ chức chống chính quyền Cộng-sản. Các tổ chức này đã hoạt động khắp nơi trên thế giới, từ Nhật-Bản đến Mãn-Châu và Trung-Hoa, ở Đức, Ba-Lan và các nước cạnh bờ biển Baltique. Có rất nhiều sĩ quan của Nga Hoàng đã len lỏi được vào các cơ quan mật vụ ngoại quốc và hoạt động chống chính quyền Cộng-sản. Béria đã mật tố cáo họ với cơ quan mật vụ Sô-Viết.

Nhờ Béria mà Cộng-sản Nga đã tiêu diệt được đạo quân thứ 5 và các kẻ thù của Staline trước khi họ có cơ hội hành động. Kẻ thù số 1 của Staline là Trotsky đã bị ám sát tại Mễ-Tây-Cơ. Nhiều tay gián điệp nguy hiểm và Tướng Tá của Nga-Hoàng đang âm mưu lật đổ Staline tại Ba Lê đều bị bắt cóc hay thủ tiêu. Hầu hết các kẻ thù nguy hiểm của Nga-Sô-Viết đều bị khám phá do sự hoạt động của Béria từ năm 1929.

Trong khoảng thời gian từ 1930 đến 1937, Béria đi khắp Âu-Châu xem xét các cơ cấu gián điệp Nga để tìm các khuyết điểm. Chính ông đã nghĩ ra rằng cần nên củng cố và duy trì địa vị quân sự của Nga hơn là lo giải quyết các sự xung đột với đảng Cộng sản ở các nước trên lục địa Âu-Châu. Cũng theo ông thì việc dùng những nhân viên gián điệp không Cộng-

sản tại các nước Âu-Châu có lợi cho Nga hơn là dùng các đảng viên Cộng-sản. Cũng như đa số đồng bào ông, kể từ lúc ấy, ông không còn là một đảng viên của đệ III Quốc-Tế mà chỉ một người Nga.

Béria cũng có sang Tây-Ban-Nha để nghiên cứu về hoạt động gián điệp trong lúc nước này đang bị nội chiến xâu xé. Cũng như Canaris, ông đã đánh cắp được nhiều kiểu mẫu chiến xa và đại bác Đức. Ông đặc biệt lưu ý đến các loại đại bác phòng không mà sau này nhiều kiểu mới được sản xuất tại Nga.

Béria chỉ huy một tổ chức gián điệp rộng lớn bao trùm cả lục địa Âu-Châu. Năm 1938, ngay sau khi được đề cử giữ chức chỉ huy trưởng cơ quan O.G.P.U, ông liền triệu tập 10 nhân viên gián điệp giỏi



STALINE

nhất về Mạc-Tư-Khoa để hội kiến cùng ông tại đường Lubianka. Người ta không biết được mục đích của sự gặp gỡ này, tuy nhiên hai tháng sau, người ta nhận thấy 10 tay gián điệp này có mặt tại Đức. Họ xâm nhập nước Đức bằng nhiều ngả: Bỉ, Na-Uy, Ý và đều có sổ thông hành hợp lệ, vài người có tên của phái thượng lưu trưởng giả nước Đức. Béria có rất nhiều sổ thông hành giả, ông có thể cho làm tại trong nước một cách dễ dàng; Rudolph Hans là người có đủ khả năng và dụng cụ để chế tạo. Một phương pháp khác là gửi các đảng viên Cộng-sản xuất ngoại tìm kiếm bằng mọi cách sổ thông hành thật gửi về cơ quan O.G.P.U. để ông phân phối lại cho nhân viên của ông khi cần đến. Tây-Ban-Nha là nước có nhiều sổ thông hành giả mạo nhất, hàng ngàn người tình nguyện chiến đấu trong hàng ngũ của đảng Cộng Hòa được đưa đến từ khắp nước

trên thế giới đã dùng sổ thông hành Mỹ, Thụy Điển, Hòa-Lan hay Pháp và vô tình đã cung cấp sổ thông hành cho cơ quan O.G.P.U. Cơ quan này sử dụng trong một thời gian và nhiều khi gửi trả lại cho chủ cũ. Ngoài ra người ta còn có thể dùng sổ thông hành của những tên phát xít bị bắt làm tù binh tại Tây-Ban-Nha.

Mười nhân viên gián điệp của Béria gửi sang Đức ở trong một tổ chức bí mật của O.G.P.U. mang danh hiệu là N.O 7, có nhiệm vụ đoạt các họa đồ và kiểu mẫu các loại vũ khí của các cường quốc. Dĩ nhiên các nhân viên này được chọn lọc kỹ lưỡng. Sang Đức, họ đến các thành phố Lübeck và Dessau cùng nhiều thành phố khác, nơi đã được chế tạo các phi cơ phóng pháo và khu trục. Họ có đủ các phương tiện để hành động kể luôn cả tài chánh. Gần những hãng xưởng này, họ lập lên những quán ăn xinh xắn để các thợ thuyền tới lui ăn uống. Họ còn lập nhiều hộp đêm đặc biệt với nhiều đàn bà đẹp để thợ thuyền giải trí. Họ liên lạc với đảng Cộng-sản của Đức để tổ chức các đảng viên trở thành gián điệp cho họ. Cũng trong năm mà Hitler cho xâm chiếm lãnh thổ Áo và Tiệp-Khắc, Béria nhận được nhiều họa đồ các kiểu phi cơ của Hitler như chiếc He 70, Ju 60, Focke Wuef A 43 và Junkers G 38.

Không những đã gạt được Canaris mà Béria còn gạt được nhiều cơ quan mật vụ các nước khác. Năm 1939, các gián điệp của Béria liên lạc được với các tổ chức Cộng-sản Đức, đã đặt được một nữ gián điệp người Đức tại hãng Degendorff. Người đàn bà Đức này thuộc một dòng quý phái và trước khi nàng được thu nhận vào hãng, cơ quan mật vụ Đức Gestapo đã điều tra tỉ mỉ và nhận thấy nàng là một người chống Cộng.

Sự thật thì nàng là người chống Cộng từ lúc cha nàng bị thương trong thế chiến thứ nhất trong lúc chiến đấu với quân Nga. Nhưng tại sao nàng lại làm việc cho người Nga? Các sĩ quan Anh đã cứu cha nàng và gia đình nàng, nàng vẫn có thiện cảm đối với người Anh. Cơ quan mật vụ Gestapo đã khinh thường chi tiết này. Nhiều bạn bè người Anh của nàng — ta tạm gọi nàng là Von X... — đã khuyến khích nàng hoạt động chống chiến tranh. Họ đã tạo cho nàng nhiều phương tiện và điều kiện hoạt động dễ dàng. Nữ gián điệp Von X. bắt đầu hoạt động cho những người mà nàng lầm tưởng là các gián điệp Anh. Nhưng nàng không hiểu rõ rằng trong các hoạt động gián điệp nhiều khi người ta không thể biết được chắc chắn đã hoạt động cho nước nào và với tiền bạc của ai. Các gián điệp mà nàng cho là người Anh đều là nhân viên của Béria. Von X. đã cung cấp cho Nga các ảnh họa đồ súng cao xạ hai nòng hiệu Degendorff làm bằng thép 12 ly của Thụy-Điển.

Von X. không phải là một người đàn bà đẹp. Nàng ăn mặc rất xoàng và vẫn sống độc thân. Trước kia nàng bị ô nhục bởi một sĩ quan Đức và

bị bỏ rơi sau khi có mang. Con nàng chết sau khi ra đời và có lẽ vì hoàn cảnh này mà nàng đâm ra thù ghét chế độ quân phiệt Đức. Nàng đã gạt được cơ quan mật vụ Gestapo và các tay thám tử từ cử khôi nhất của hãng Degendorff. Nàng đã dùng một chiếc máy ảnh rất nhỏ do các bạn « người Anh » trao cho nàng. Nàng cũng vẫn không biết rằng, với các tấm ảnh của nàng, các hãng chế tạo vòng bi Kaganovitch ở Nga đã sản xuất nhiều vũ khí kiểu Đức. Cơ quan mật vụ Đức đã khám phá ra vụ gián điệp này vào khoảng năm 1941 sau khi cướp lại được các tài liệu sản xuất vũ khí kiểu mẫu của họ tại Nga.

Von X. là một người đàn bà nhiều tưởng tượng. Nàng biết rằng nếu nàng xài tiền tại Đức, cơ quan mật vụ Đức sớm muộn sẽ khám phá ra hoạt động gián điệp của nàng. Nàng trao tiền bạc cho các bạn « người Anh » của nàng để ký thác vào một ngân hàng Anh. Rồi sau một thời gian, nàng lại cho chuyển sang các ngân hàng Thụy-Điển và Thụy Sĩ là hai nước trung lập. Cơ quan mật vụ của Béria thì hành chỉ thị ký thác và chuyển tiền của nàng dưới nhiều tên người Anh.

Nàng đã làm giàu với cuộc đánh cắp mẫu hơi độc do Đức chế tạo tại hãng I. G. Farben. Chính Béria đã phác qua kế hoạch đánh cắp này và giao cho nàng thi hành cũng qua sự trung gian của các bạn « người Anh » của nàng. Von X. xin thôi việc tại hãng Degendorff với lý do nàng muốn về với gia đình ở Bá-Linh. Với chức vụ trước của nàng, việc tìm kiếm việc làm mới trong một xí nghiệp khác đối với nàng không lấy gì làm khó khăn. Sau vài tháng người ta đã nhận nàng vào làm thư ký đánh máy cho viện thí nghiệm Sicherer ở Bá-Linh. Viện thí nghiệm Sicherer là nơi đã bị oanh tạc trong thời kỳ chiến tranh.

Thư-ký đánh máy chữ Von X... rất giỏi, có nhiều khả năng, biết rất nhiều và rành rẽ các danh từ kỹ thuật và rất được cấp trên mến chuộng. Dù không có được một sắc đẹp quyến rũ, Von X... cũng thu xếp để có nhiều cuộc hẹn hò với vài nhân viên trong hãng. Nàng có tánh tiết kiệm và đã để dành được 8 ngàn Mark mà nàng đã khoe với một kỹ sư của hãng. Viên kỹ sư này nghĩ rằng với 8 ngàn Mark có thể cưới nàng làm vợ, có thể tạo lập một hiệu buôn nho nhỏ phát đạt sau này với vài cuộc đấu thầu cung cấp vật liệu chiến tranh. Và hẳn liền xin cưới nàng.

Von X... có tánh khiêm nhượng và kín đáo, không nhận ngay lời của viên kỹ sư « si tiền » hơn si tình. Nàng bảo rằng nên đợi đến lúc hai người được hoàn toàn thông cảm nhau. Nhưng trong lúc ấy nàng vẫn có thể cho tình nhân mượn tiền để thực hiện mộng làm giàu. Ngày cưới hỏi được tạm thời định vào ngày 15 tháng 8 năm 1939. Trước đó hai tuần nàng đến thăm vị hôn phu của mình và hai người hàn huyên tương lai. Nàng thì thầm cùng chàng rằng : « Nếu anh có thể lấy được vài công thức hóa học của viện Sicherer, chúng ta có thể tự

sản xuất lấy và làm giàu ». Nàng còn lưu ý Hermann, vị hôn phu của nàng, tại sao tên chủ hãng giàu có I. G. Farben kia thu hết lãi trong lúc Hermann đã góp sức vào việc sản xuất. Tại sao Hermann không chép lại được các công thức hóa học ?

Hermann lúc đầu còn ngần ngại cho rằng lời của Von X... không được đứng đắn, nhưng dần dần anh nhận thấy nàng có lý. Vài ngày sau, 4 ống thí nghiệm chứa kiểu mẫu hơi độc vừa sáng chế của Đức bị mất cắp và được thay thế bằng các ống khác.

Một thời gian lâu sau, bọn Quốc-Xã Đức mới khám phá sự đánh cắp này nhưng lúc ấy thì các ống chứa mẫu hơi được giữ gìn cẩn thận tại văn phòng của Béria ở Mạc-Tư-Khoa.

Ngày 14 tháng 8 nghĩa là một hôm trước ngày đám cưới của Von X... hãng Sicherer bị nổ dữ dội. Đô-đốc Canaris đã phải đến tận nơi 3 sĩ quan để mở cuộc điều tra. Họ đã khám phá một cuộc phá hoại bằng chất Dy-na-mít hai mươi hai thùng trái phá đại bác 105 ly. Tai nạn xảy ra và hơi độc đã làm thiệt mạng hay bị thương gần 40 người. Tai nạn hay phá hoại ? Canaris đã nghĩ đến sự phá hoại nhưng chỉ có Béria mới biết rõ. Riêng về Hermann hẳn vẫn đợi vợ và 8 ngàn mark, trong lúc ấy nàng Von X... đã vượt biên giới và sang Thụy Sĩ. Nàng cho rằng đây là thành tích cuối cùng của nàng và nàng quyết định rút lui để sống một cuộc đời trường giả.

Nàng sang Anh Quốc và không tìm được những bạn « người Anh » mà nàng giao thiệp bằng thư từ từ trước đến nay. Thế chiến II bùng nổ. Nàng nghĩ rằng những người bạn này không phải là người Anh. Nàng nhận thấy là người Anh không có công thức và kiểu mẫu hơi độc của Đức mà nàng đã đánh cắp được qua sự trung gian của Hermann, và người Anh cũng đang cần được các mẫu hơi độc này. Nàng tự hỏi không biết nàng đã bán cho ai tại Đức. Nhưng Béria, người đã chỉ huy nàng, lại khám phá ra nàng đã bán công thức hơi độc của Đức lần thứ hai cho chính phủ Anh.

Sau vụ này, Von X... biến mất. Nàng là một người đàn bà vừa xấu vừa già, nhưng rất giàu có. Không ai có thể nghi ngờ nàng đã hoạt động gián điệp và nàng là một trong số ít những tay gián điệp biết rút lui kịp thời.

Béria hiểu rõ số phận của các tay gián điệp của ông. Họ sẽ bị khám phá và trở thành vô dụng hay bị bắt và bị hành quyết. Ông đã thay thế nữ gián điệp Von X... bằng nhiều người đàn bà khác trong tổ chức N. O. 7 của ông. Một trong số các nữ gián điệp này là Katia, được thu nhận làm việc tại hãng sản xuất động cơ Bentz Motor ở Munich, một người khác được cho vào làm hãng Daimler ở Stuttgart.

Trong lúc chiến tranh đang tiếp diễn, Béria nhận được họa đồ của chiến xa DB 37, các phức trình kỹ thuật về kiểu động cơ dầu cận Diesel và các sự sửa đổi tân kỳ về các tàu ngầm của Đức được dùng trong biển Baltique.



BERIA

Béria đã dùng các đảng viên Cộng-sản Đức trong các đạo quân tru tú S. A. hay S. S. của Hitler. Với số 5 triệu đảng viên Cộng-sản tại Đức trước ngày Hitler lên cầm quyền, Béria nghĩ rằng rất có thể tuyển chọn 5 trăm người sẵn sàng làm gián điệp cho Nga trong lúc họ vẫn có thể là những đảng viên Quốc-xã tốt.

Những loại bom bay đã tàn phá thành phố Luân Đôn không phải chỉ được khám phá bằng cách chụp ảnh các điểm phóng nó tại đất Pháp.

Trước đó rất lâu các sĩ quan Anh đã nhận được nhiều lời cảnh cáo của Béria. Với các tay gián điệp của mình hoạt động tại Đức, Béria đã biết được Đức đang chế tạo loại bom bay VI và V2. Ông cũng biết được các chuyên viên, thợ thuyền Đức chế tạo loại vũ-khí này bị hoàn toàn cô lập không được tiếp xúc với ai luôn cả với gia đình họ. Béria cũng biết vị trí bí mật các xưởng chế tạo và đã chính thức thông báo cho Đồng Minh.

Mặc dù các kết quả đã đạt được với tổ chức gián điệp của mình, Béria vẫn không tha thứ được hành động gián điệp hạ phi cơ liên lạc Thụy-Điền (1) của Canaris. Việc cướp đoạt được các tài liệu cần thiết cho cuộc thương thuyết hòa bình giữa Nga và Phần-Lan của Canaris đã làm cho Béria quyết định một hành động quan trọng : hạ sát Canaris.

(1) Xin xem Bọn-Dân số 32

MỘT NỮ GIÁN ĐIỆP HIẾU HÒA

Trong chương này, tác giả (2) mạn phép nói đến mình vì chính tác giả có những tay vào các việc đã xảy ra :

Lúc ấy, tôi đã sống ở Thụy-Điền gần 7 năm rồi và đang làm thông tin viên cho nhiều tờ báo ở Âu Châu và Hoa-Kỳ. Với tư cách này, tôi được dịp quan sát và theo dõi các tổ chức gián điệp tại các nước bán đảo Scandinavie, tổ chức của Canaris, của Béria và của các cơ quan mật vụ Anh-Mỹ.

Các nước trung lập ai cũng biết là những nước chứa chấp các ồ gián điệp và thành phố Stockholm là một trong những trung tâm gián điệp quan trọng nhất. Với một thông tin viên làm việc ở Stockholm, việc biết được ngày giờ cất cánh của phi cơ liên lạc tại phi trường Bromma là một việc không lấy gì làm khó khăn. Người ta chỉ cần nhìn ra sân bay trong lúc ngồi dùng bữa tại hiệu ăn tráng lệ của phi trường.

Trong những ngày đầu của chiến tranh, vào khoảng tháng giêng năm 1940, trong lúc tôi đang còn hợp tác với nhà xuất bản tờ báo Trott Allt, tôi được một người bạn cũ tên Nils Nelson đến viếng thăm tại văn phòng. Nils Nelson lúc ấy đang lo các vấn đề xã hội. Chúng tôi là đôi bạn rất thân thiết. Nils Nelson có tính tình hết sức ngay thẳng, một người duy tâm nhưng rất thực tế và thích tham gia tích cực vào các hoạt động thanh niên. Anh đã chỉ huy phong trào hướng đạo và đang hoạt động cứu trợ các nạn nhân chính trị của nhiều nước. Trước kia, Nelson cũng là người tin tưởng hòa bình nhưng sau khi Tiệp-Khắc bị Đức xâm chiếm, anh nghĩ rằng chiến tranh không thể tránh được và quyết định tranh đấu chống các nước xâm lăng. Lý tưởng của anh không cho phép anh chủ trương trung lập như đồng bào anh.

Đối với một người bình tĩnh như Nils Nelson tôi ngạc nhiên nhận thấy hôm viếng thăm tôi anh tỏ ra khác thường và rất xúc động. Anh cho tôi biết là anh có một chuyện tình nhưng anh có cảm tưởng rằng anh đã nhúng tay vào một việc bí mật, một việc làm bỉ ổi xấu xa giống như việc gián điệp. Anh tỏ cho tôi biết rằng anh đến để hỏi ý kiến tôi vì anh xem tôi như bạn thân và với tư cách làm báo của tôi, anh chắc tôi sẽ biết rõ vấn đề và có thể giúp đỡ anh.

Trong lúc dùng bữa chung, anh đã thuật cho tôi nghe câu chuyện suốt 4 giờ đồng hồ. Ngoài đường, trời mờ tối và tuyết trắng xóa rơi từng cục to. Tôi hết sức chú ý đến câu chuyện và đã yêu cầu anh nên trình bày nhiều chi tiết. Anh nói: « Anh cũng đã biết rõ tôi không ưa được bọn Quốc-xã và nhiều người Đức nói chung. Tôi không thích cách chào, cách đi đứng của họ. Tôi cũng không ưa được quan niệm kiêu căng về nền văn minh của họ. Chúng tôi, người Thụy-Điền mặc dù không có một nền văn hóa cao siêu như họ, nhưng chúng tôi là những người thật

thà. Chúng tôi không có một Goethe hay một Beethoven, nhưng trái lại chúng tôi cũng không có các trại giam và cơ quan Cảnh-sát mật vụ Gestapo. Tôi đã yêu một người đàn bà mà tôi nghĩ là đảng viên Quốc-xã và là gián điệp nữa. Việc này không thể kéo dài, tôi muốn anh cho tôi biết có phải là một nữ gián điệp hay không. Riêng tôi, tôi chắc là phải. Nếu tôi nghĩ đúng, anh sẽ giúp tôi bắt nàng». Đến đây, Nils Nelson ngừng lại và nhìn ra cửa sổ như suy nghĩ, môi mím chặt. Và anh nói tiếp :

« Tôi tin nàng là một tay gián điệp, nhưng tôi không có cách nào chứng minh được. Tôi không thể chỉ vì nghi ngờ mà cho Cảnh sát theo dõi nàng. Tôi không có cách nào cả nhưng càng gặp nàng tôi càng tin chắc là tôi nghĩ đúng. Tôi gặp nàng thường lắm. Nàng tên Greta Kainen. Mỗi tuần tôi gặp nàng ít nhất 3 lần, mỗi lần gần nàng, sự lo sợ, sự ghét và tình yêu pha lẫn nhau. Khi nói chuyện cùng nàng tìm tôi đập mạnh. Tôi phải cố hết sức để giữ bình tĩnh và đã nhiều lần tôi quyết định không gặp nàng nữa. Nhưng bây giờ thì tôi nghĩ rằng tôi cần tiếp tục gặp nàng cho đến khi tìm ra sự thật.

« Tôi không thể chịu đựng được với ý nghĩ cắt đứt mối tình cùng nàng. Nàng không còn trẻ vì đã quá 40 tuổi, nhưng nàng còn đẹp với cử chỉ nghiêm trang lịch sự của giới trí thức được kính trọng ở Thụy-Điền. Vẻ đẹp của nàng đặc biệt khó làm cho người ta quên được.

« Tôi đã quyết định không nói gì với nàng về sự nghi ngờ của tôi. Tôi dò xét nàng và tôi sẽ biết sự thật. Lúc ấy tôi sẽ lột mặt nạ nàng. Tôi tự nhủ luôn rằng nàng sẽ không thể lợi dụng tôi được gì cả. Nhưng khốn nạn thay, tôi không thể thực hiện quyết định được. Nàng nói chuyện về các vấn đề kỹ thuật một cách đáng phục. Nàng lo là thuật lại nhiều chuyện nhỏ nhặt không đáng chú ý về các giới ngoại giao bí mật và nàng hỏi tôi một vài chi tiết ngớ ngẩn. Và tôi đã trả lời, trả lời đến một lúc sau tôi chợt nghĩ ra và muốn đập đầu vào tường.

« Không biết với cách nào mà tôi nhận thấy là tôi đã cho nàng biết về các nhân vật có thể có lợi cho các cơ quan mật vụ của phe Trục. Tôi vẫn tưởng đó là một sự tình cờ. Nhưng sự tình cờ này lại xảy ra luôn. Nàng lại biết dừng lại đúng lúc và không hỏi thêm nữa . . . và trở lại với vẻ đẹp dịu dàng của nàng. Mất mớ đi với một vẻ buồn vô hạn, nàng thuật lại cho tôi nghe cuộc đời với chồng nàng, người Phần-Lan tên Veino. Nàng kể lại đời nàng một cách thành thật làm cho tôi tự lấy làm hổ thẹn vì đã nỡ nghi ngờ nàng, một người đàn bà hiền lành ngay thẳng, đã nhúng tay vào các hoạt động gián điệp !

« Tôi biết tôi không thể kéo dài tình cảnh này. Nàng lớn tuổi hơn tôi, kinh nghiệm hơn tôi và tự ái tôi bị tổn thương. Tôi vẫn tưởng rằng có thể đủ

(2)— tác giả thiên tài liệu này là Kurt Singer

sức đề đối phó với một tình trạng tương tự, nhưng nay thì tôi không còn tự tin nữa.

« Lúc ấy vào dịp Lễ Giáng-Sinh. Anh cũng biết Lễ Giáng-sinh ở Stockholm như thế nào dưới một lớp tuyết. Đây là mùa thơ mộng nhất trong năm. Các đường phố Kungsgatan và Rageringsgatan đều treo cờ và biểu ngữ, khắp nơi nhấp nháy các màu sắc vui tươi của cây Noel. Greta cùng tôi sánh vai chen lẫn trên các con đường chật hẹp của thành phố cũ, những con đường đã có trên 400 năm. Chúng tôi cũng ăn lễ Noel. Tất cả mọi vật đều đẹp đẽ và khêu gợi. Ba tháng sống chung với Greta làm tôi như người mất trí. Tôi không còn sáng suốt nữa, tất cả mối nghi ngờ đều tiêu tan hết. Chúng tôi đi qua cầu để vào vườn bách thú ở Skansen. Không khí ngày lễ, rượu nồng, các bài hát bình dân và ánh sáng huyền bí của đèn sáp làm tôi cảm hứng tốt độ.

« Tôi đã hôn nàng và chúng tôi dắt nhau đi ăn ở hiệu Gosta Berling. Tôi cần không khí mát mẻ của đêm Bắc-cực để trí óc được sáng suốt. Chúng tôi rời khu Skansen và đi trong tuyết dọc theo bờ hồ Malar lúc ấy thật vắng vẻ. Tôi hôn nàng lần nữa và tỏ ý tiếc đã bắt công đối với nàng. Tôi cố giải thích: «Em thử tưởng tượng, tôi nói, là anh đã nghi ngờ em làm gián điệp, thật là điên rồ!»

« Lúc ấy nàng tuyệt đẹp. Mắt nàng đầy lệ. Và sau cùng nàng cười nói với tôi rằng: «Anh không nghi thật à?» Tôi trả lời: «Có, anh tin chắc như vậy». Nàng hỏi: «Và dù vậy, anh cũng vẫn gặp em và vẫn tốt với em?» Tôi lại trả lời: «Phải, nhưng việc ấy đối với anh không quan hệ. (Nói lên câu ấy, tiếng của tôi có một âm điệu rất lạ.) Đời sống của chúng ta quá ngắn, tôi nói tiếp. Đời anh đã hư hỏng vì chính trị. Anh đã chán và không muốn nghe nói đến chính trị nữa.»

« Cho đến nay, tôi không biết tôi đã nghĩ kỹ những lời tôi đã nói cùng Greta, hay là tự nhiên tôi đã thốt ra những lời mà Greta muốn nghe. Nhưng dù sao tôi cũng nói với nàng là kể từ đây hai chúng tôi không thể quên nhau được. Tôi là người nhiều tình cảm để hiểu rõ thế nào là tình bạn, một tình bạn chân thật rất hiếm có ».

Đó là những lời gần như thú tội mà Nils tỏ cùng tôi. Anh cần được thông cảm. Nhưng với kinh nghiệm làm báo của tôi, tôi lắc đầu một cách chua chát. Tôi cho anh biết là vấn đề tình cảm là việc riêng của anh, nhưng tôi tỏ ý ngạc nhiên mà nhận thấy anh bị rơi dễ dàng vào bẫy của kẻ thù. Chỉ có một kẻ quá thiên về lý tưởng mới bị gạt bằng những phương pháp thô sơ như thế.

Sau cùng tôi khuyên Nils nên đi trượt tuyết trong một tuần lễ ở Are In Jamtland. Tôi chắc rằng sau thời gian này anh trở nên bình tĩnh và có thể quên Greta được. Trong lúc ấy tôi cố tìm ra manh mối về hoạt động gián điệp của nàng.

Một tuần lễ với tuyết và ánh nắng làm Nils thay đổi cả thể xác lẫn tinh thần. Nils quên hết sự say đắm không phải chỉ vì cách chữa bệnh của tôi mà

vì hai sự việc đã xảy ra. Một là tin Greta gia nhập phong trào hòa-bình Thụy-Điền, hai là kết quả của vài sự dò xét về nàng.

Trước ngày Nils đi Are In Jamtland, do bản năng tự nhiên của nhà báo, tôi nhớ một người đang làm việc cho tờ báo hàng ngày lớn nhất ở Stockholm, tờ Dagens Nyheter, điều tra giùm dĩ vãng của Greta.

Riêng tôi, tôi được biết rất ít về nàng, nhưng bạn tôi đã thu thập được nhiều chi tiết. Lúc còn trẻ, nàng tên là Greta Anna Bolander. Trong thế chiến thứ I nàng làm y-tá và chồng nàng là một vị sĩ quan Đức đã bị giết tại mặt trận sau một năm cưới nàng. Nàng sống ở Đức cho đến năm 1927, sau đó nàng trở về Thụy-Điền là nơi nàng sanh đẻ và gặp người chồng hiện nay của nàng. Với người chồng này nàng không được hạnh phúc, tuy nhiên hai người vẫn chưa ly dị nhau. Chồng nàng là một chủ tàu tên Veino Kainen.

Greta có viết một quyển sách công kích quân đội Pháp chiếm đóng xứ Rhénanie. Trong ấy nàng tố cáo các binh sĩ da đen của Pháp đã hăm hiếp đến chết các cô gái Đức.

Tôi có cảm tưởng đã nắm được đầu mối. Sự nghi ngờ của Nils có thể có căn cứ và người đàn bà này có một nhiệm vụ lạ lùng. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao nàng muốn kết bạn với Nils và nàng sẽ khai thác Nils như thế nào? Tôi khám phá ra sự bí mật này sớm hơn tôi mong mỏi.

Greta ngụ tại một đại khách sạn ở Stockholm, khách sạn này trong những ngày chiến tranh kéo dài, là ổ chứa chấp các gián điệp. Nàng không ngại tốn kém; chồng nàng, ai cũng biết giàu có và rộng rãi đối với nàng dù cho sự sống chung của hai người không được êm đẹp. Sau một tuần lễ dưỡng sức, Nils tìm đến nàng. Nàng không nghi ngờ về sự thay đổi của Nils và niềm nở tiếp anh, hôn anh, hỏi thăm anh về các chi tiết của cuộc đi nghỉ của anh.

Nàng còn cho anh biết một tin mừng: «Em đã hiến cho Hội Hòa-Bình Thụy-Điền số bạc là 20.000 cua-rôn (tiền Thụy-Điền) và Hội này đã bầu em làm hội viên danh dự của Ủy-ban quản-trị. Hội nhờ em đi diễn thuyết cổ động ở Thụy-Điền, Na-uy và Phần-Lan.» Hai chục ngàn đồng cho Hội Hòa-bình Thụy-Điền là một cử chỉ đẹp đẽ, nhất là đối với một cụ nữ y-tá như nàng.

— «Thật đáng phục», Nils nói với vẻ nghi ngờ. Có vẻ lo lắng nàng hỏi:

— «Việc này không làm anh vui lòng sao?»

— «Ồ, có chứ, lẽ dĩ nhiên.»

Được yên lòng, nàng bắt đầu việc xây dựng tương lai. Nàng tỏ ý rằng chiến tranh còn kéo dài, mỗi người cần phải hoạt động tranh đấu cho hòa bình. Phong trào hòa-bình các nước phải cố gắng vận động chấm dứt chiến tranh...

(xem tiếp trang 46)



Truyện Trinh Thám

PHI THỬ

của ANH ĐĂNG

Tóm tắt kỳ trước.— Lê - Duyên, nữ ca-sĩ đẹp để duyên dáng của Thủ-đô bị hạ sát tại biệt thự Hoàng Đạt. Trong lúc Lê-Hùng, trưởng phòng Tư-pháp đang mở cuộc điều tra, kịch sĩ Hoàng-Dạt, chồng của nạn nhân đến nhờ nhà thám tử tư Phi-Thử khám phá vụ án mạng. Hoàng-Dạt đề quyết Trần Duyên, người yêu cũ của nạn nhân, hiện có mặt tại Saigon, là thủ phạm. Phi Thử trở lại trình thám.

9 giờ đêm, Phi Thử vừa mặc quần áo xong định đi... giải trí, thì điện thoại reo lên. Phi Thử nhắc ống nói :

— Allo, Phi Thử đây. Tôi nghe đây.

Tiếng Lê Hùng bên kia đầu giây :

— Lê Hùng đây. Xin báo anh, Trần Duyên vừa về tới khách sạn. Anh có đến đi với tôi không ?

Đang ngồi, Phi Thử bật dậy như chiếc lò xo, hỏi lại :

— Anh có cho Hoàng Đạt hay chưa ?

— Đã. Hấn bảo tôi chờ hấn cùng đi với.

Phi Thử bỗng thét lên :

— Chết rồi ! Hổng mất ! Anh đến ngay khách sạn đi !

Phi Thử vút ống nói xuống bàn

hấp tấp xô ghế chạy ra ngoài, phóng lên chiếc 203 của chàng, rồ máy mở hết ga...

5 phút sau, Phi Thử đến trước khách sạn Mê Linh.

Chàng nhảy xuống xe, cầm đầu chạy một mạch đến thang máy. Chạm mất. Phi Thử phóng mình đến cầu thang đưa lên lầu. Chàng hấp tấp nhảy ba bốn nấc một lượt. Tầng một, tầng hai, rồi tầng ba. Đảo mắt tìm phòng 9C. Đây rồi, bên tay trái. Phi Thử cầm cổ chạy tới, đập tông cửa vào. Cửa mở. Phi Thử vừa kịp nhận thấy Hoàng Đạt tay cầm dao canif sáng ngời tiến đến bên một thanh niên — chính là Trần Duyên — đang bị dồn vào một góc phòng. Phi Thử thét lên :

— Hoàng Đạt !

Hoàng Đạt quay lại Nhanh như chớp, Phi Thử phóng mình tới dùng ngọn dĩa thần tốc đá rơi con dao Hoàng Đạt đang cầm nơi tay. Không để Hoàng Đạt kịp phản ứng, với một thế nhu đạo, Phi Thử đã tiến sát bên khóa tay Hoàng Đạt lại trước sự ngỡ ngàng và run rẩy của Trần Duyên.

Ngay lúc ấy Lê Hùng và vài nhân viên bước vào. Họ cũng ngỡ ngàng trước cảnh này.

Phi Thử xô Hoàng Đạt ngồi xuống chiếc ghế gần đấy. Chàng từ từ móc điều Capstan đưa lên môi, châm lửa, rồi quay sang Lê Hùng, vừa chỉ Hoàng Đạt vừa nói :

Đây, tôi giao anh kẻ đã giết Lê Duyên.

Thoáng nghe, Trần Duyên đang đứng trong góc phòng chạy xô tới bên, hơ hổi :

— Trời ! Sao ? Ông vừa nói gì ? Lê Duyên chết ? Ai giết nàng ?

Phi Thử không trả lời, lấy tay chỉ vào Hoàng Đạt.

Trần Duyên chưa hết kinh ngạc, nhìn Hoàng Đạt đang ngồi, đầu cúi gục xuống, chàng trở mặt hỏi :



— Trời ! Hoàng Đạt giết Lê Duyên ? Tại sao thế ?

Giữa lúc ấy, Lê Hùng, với gương mặt « lạnh lùng thâm niên » nhưng cũng không giấu được nét ngờ vực thoáng qua ánh mắt, hất hàm hỏi Phi Thử :

— Thế còn ông Trần Duyên này ?

Phi Thử đáp :

— Vô tội.

Rồi chàng tiếp luôn :

— Bây giờ xin anh cứ đưa tất cả về Sở trước, chốc nữa tôi sẽ đến, đầu đuôi câu chuyện án mạng ra sao, tôi sẽ trình bày đầy đủ cho anh rõ.

✱

15 phút sau, tại Sở Cảnh Sát, Lê Hùng đang ngồi trong phòng riêng bập bập pipe thuốc rê, trầm ngâm suy nghĩ thì cánh cửa phòng vụt mở. Phi Thử bước vào, tay xách một chiếc

va-li khá to. Chàng đặt va-li xuống đất, kéo ghế ngồi đối diện với Lê Hùng, lặng lẽ rút điều thuốc đưa lên môi, bật lửa. Thở phào một cái, Phi Thử nhìn quanh rồi hỏi :

— Hoàng Đạt và Trần Duyên đâu rồi anh ?

Lê Hùng chỉ sang phòng thăm vấn kể bên, đáp :

— Tôi đang để họ ngồi bên ấy chờ tôi. Nào, bây giờ anh thuật lại tôi nghe câu chuyện anh điều tra ra sao mà anh cho Hoàng Đạt là thủ phạm trong vụ án này ?

Rít dài một hơi thuốc, ngửa mặt nhả khói lên trần, Phi Thử bắt đầu kể lại :

— Sau đêm án mạng xảy ra, sáng lại, trước khi tôi điện thoại hỏi anh, Hoàng Đạt có đến tìm tôi...

Vừa nghe đến đây, Lê Hùng lộ vẻ ngạc nhiên mở miệng định hỏi một câu gì thì Phi Thử ra dấu bảo chàng im, rồi nói :

— Anh đừng hỏi gì cả. Để tôi nói xong hết thì anh sẽ rõ ngay câu chuyện như thế nào. Tôi xin nói lại. Sau đêm án mạng xảy ra, sáng lại, Hoàng Đạt có đến tìm tôi tường thuật lại câu chuyện án mạng. Những gì hắn đã kể với anh, đều có nói lại tôi nghe hết. Ngoài ra hắn có kể cho tôi nghe thêm một câu chuyện mà hắn đã giấu anh. Đó là câu chuyện tình ngày xưa giữa vợ hắn và Trần Duyên

Nói đến đây, Phi Thử kể lại tóm tắt cho Lê Hùng nghe những gì Hoàng Đạt đã kể với chàng về câu chuyện ấy.

Phi Thử kể xong, Lê Hùng ăm ực hỏi :

— Thế tại sao hắn không thuật lại với tôi về câu chuyện ấy ?

Phi Thử đáp :

— Vì hắn có một dụng ý riêng. Nhưng khoan đã, bây giờ anh không cần biết vội vì sao. Chốc nữa tôi sẽ nói rõ hơn.

Rồi chàng kể tiếp câu chuyện đang nói dở nửa chừng :

— Sau khi thuật lại tôi nghe chuyện Trần Duyên và vợ hắn, Hoàng Đạt quả quyết với tôi thủ phạm giết vợ hắn là Trần Duyên. Hắn nhờ tôi tìm Trần Duyên cho hắn càng sớm càng tốt. Sau đó, lúc hắn đã về rồi, tôi nhờ anh Văn Sơn đi điều tra hộ tôi xem những lời hắn nói hư thật ra sao. Sau khi anh Văn Sơn đi, tôi liền điện thoại đến anh để hỏi những chi tiết trong vụ án mạng. Dựa vào các chi tiết anh thu thập ngay tại phạm trường theo sự tường thuật của anh với tôi, và căn cứ trên một vài điểm tôi đã quan sát thấy khi Hoàng Đạt đến tìm tôi, tôi thấy các điểm như sau :

Thứ nhất, vì tại phạm trường có dấu tay Trần Duyên in trên ly rượu Pippermint, và lối 10 mẫu thuốc Golden Club — tôi biết 10 mẫu thuốc này không phải của Hoàng Đạt hút vì trong lúc tôi tiếp Hoàng Đạt, tôi thấy hắn hút Craven A, và như vậy thì 10 mẫu thuốc này là của Trần Duyên hút — nên tôi kết luận : Trần Duyên đã được Lê Duyên tiếp chuyện trong sự thân mật, trước khi Hoàng Đạt về tới.

Thứ hai, không phải vì lẽ Trần Duyên đã có mặt mà vội cho hắn là thủ phạm. Lê Duyên bị giết trong khi nàng mặc áo ngủ lơ lửng, vậy ta thử đặt câu hỏi : không lý Lê Duyên ăn mặc như thế để tiếp chuyện với Trần Duyên ? Và nếu như thế thì Lê Duyên chỉ bị giết sau khi Trần Duyên ra về. Ngoài Lê Duyên, Trần Duyên Hoàng Đạt, dấu vết phạm trường không có tổ cáo một người thứ tư nào có mặt tại đó cả. Vậy thủ phạm là ai, nếu không là Hoàng Đạt, hắn đã giết Lê Duyên sau khi Trần Duyên ra về, và Lê Duyên đã thay xong áo ngủ ?

Thứ ba, khi nghe anh cho biết có dấu máu ở dưới cổ và trong móng tay sơn đỏ của nạn nhân mà

phòng Giáo Nghiệm đã cho biết là hai thứ ấy cùng một loại, rồi tôi nhớ lại lúc bắt tay từ già Hoàng Đạt, tôi thấy trong lòng bàn tay hắn có một vết thương dài thoa thuốc đỏ. Vết thương này đã làm hắn đau khi tôi siết mạnh tay hắn nên tôi càng nghi Hoàng Đạt là người đã giết Lê Duyên. Vì biết đầu, trong lúc Lê Duyên bị siết cổ, nàng đã tìm cách tháo tay Hoàng Đạt ra, nên với móng tay dài nàng đã cào đứt lòng bàn tay hắn. Ở đó, trong móng tay cũng như ở dưới cổ nàng đã có vết máu để lại.

Thứ tư, Hoàng Đạt là một kịch sĩ có tiếng, nghe anh tả những nét buồn và việc hắn khóc khi tiếp chuyện với anh tại nhà hắn đêm ấy, tôi lại nghi biết đầu hắn đã đóng kịch để lừa anh?

Thế rồi đến chiều, Văn Sơn về cho tôi biết kết quả cuộc điều tra của anh ấy như sau: những gì Hoàng Đạt đã thuật lại với anh đều đúng và có thật, ngoại trừ điểm có bóng người chạy ra và hắn rượt theo sau đó thì hoàn toàn không có. Anh Văn Sơn đã hỏi được một chị bán chè ở xóm trước mặt biệt thự. Chị này về nhà, theo lời chị, vào khoảng trước 1g30, chị có nghe tiếng la của đàn bà phát ra từ biệt thự Hoàng Đạt. Chị ngạc nhiên đứng chờ xem có gì xảy ra nữa không. Nhưng sau đó không có gì cả. Như vậy, chứng tỏ Hoàng Đạt đã khai gian. Mà đã khai gian, tức nhiên bên trong phải có ý gì. Do đó, tôi càng tin chắc Hoàng Đạt là thủ phạm!



Nói đến đây, Phi Thử dừng lại châm thuốc khác rồi tiếp:

— Cho Hoàng Đạt là thủ phạm, nhưng tôi vẫn chưa vừa ý vì chưa tìm được tang vật nào mà hắn đã dùng để siết cổ vợ hắn. Bỗng tôi chợt nhớ lời anh thuật với tôi về điểm, khi anh mới đến phạm trường, anh thấy Hoàng Đạt mặc chiếc áo sơ mi hở cổ và cái quần xanh đen; sau đó anh lại thấy cái áo veston của hắn vút trên giường ngủ chứng tỏ hắn đã có lúc thay quần áo nhưng chưa xong. Chiếc áo veston thì vút trên giường ngủ nghĩa là chưa treo lên hay mang cất vào tủ, quần và áo sơ mi thì còn đang mặc trong người, vậy còn chiếc cà vạt đâu? Không lẽ ăn mặc đồ ấy mà thiếu cà vạt? Do đó, tôi nghĩ không chừng chính chiếc cà vạt này là vật hắn đã dùng để siết cổ Lê Duyên rồi sau đó, hắn đã phi tang hay giấu đi một nơi nào đó. Xong, hắn mới điện thoại cho Cảnh sát hay sau khi đã nghĩ ra cách bịa chuyện để lừa Cảnh sát.

Nghe Phi Thử nói đến đây, Lê Hùng gật gật đầu ra vẻ cũng tán thành ý kiến của nhà thám tử tư chúng ta. Lê Hùng hỏi:

— Vậy anh có tìm được chiếc cà vạt giết người ấy không?

Không trả lời ngay câu hỏi, Phi Thử cười xuống mở chiếc va-li mà lúc này chàng mang đến, rút ở giữa đồng quần áo to lớn ra một chiếc cà vạt màu đỏ đưa cho Lê Hùng. Lê Hùng cầm chiếc cà vạt rồi hỏi:

— Theo anh, Hoàng Đạt đã siết cổ Lê Duyên bằng chiếc cà vạt này?

Phi Thử gật đầu. Lê Hùng lại hỏi tiếp:

— Nhưng làm sao anh chứng tỏ được điều ấy?

Phi Thử đứng lên chỉ cho Lê Hùng xem một vết đen đen lợt lợt ở phía đầu chiếc cà vạt và nói:

— Đây là dấu máu do vết thương ở lòng bàn tay Hoàng Đạt để lại.

Lê Hùng gật gù ngẫm nghĩ. Xong, chàng để xuống hỏi:

— Nhưng anh đã làm cách nào để tìm ra chiếc cà vạt?

Phi Thử mỉm cười hỏi lại Lê Hùng:

— Chắc anh chưa quên hồi hôm có vụ trộm đến viếng biệt thự Hoàng Đạt?

Lê Hùng chợt nghĩ ra, reo lên:

— À, thì ra anh là...

Là kẻ trộm hồi hôm đấy. Vì muốn tìm ra tang vật cà vạt giết người như tôi đã nói với anh, nên hồi đêm hôm qua, tôi đã lẻn vào biệt thự Hoàng Đạt để tìm. Tôi có mang theo một chiếc đèn tử ngoại tuyến chạy bằng pile. Nhờ đó tôi đã tìm ra dấu máu trên chiếc cà vạt đỏ này trong số rất nhiều chiếc cà vạt khác. Vì chiếc cà vạt này màu đỏ nên khi máu ở tay Hoàng Đạt dính vào đó, Hoàng Đạt không thấy. Sau khi giết Lê Duyên xong, hắn đã dàn cảnh, bịa chuyện, và đem chiếc cà vạt cất vào tủ. Rủi cho hắn, chiếc áo veston vẫn còn vút trên giường ngủ cho đến khi anh tới, và nhờ đó tôi đã nghĩ ra vấn đề tang vật giết người.

Lê Hùng lại hỏi:

— Mục đích anh trộm là để tìm chiếc cà vạt, thế tại sao anh hốt hết cả quần áo của người ta đi?

Phi Thử mỉm cười nói:

— Trời, có vậy mà anh cũng hỏi. Vì nếu tôi lấy chiếc cà vạt đỏ này không, thì biết đâu Hoàng Đạt có thể nghi ngờ bị lộ tẩy mà trốn đi, chừng ấy anh chỉ còn có bắt ma mà thế vào. Còn như tôi hốt hết thế này thì Hoàng Đạt chỉ tưởng là bị thằng ăn trộm nào đó đến cuỗm quần áo thôi, chứ đâu có dè...

Lê Hùng gật gù ra vẻ chịu. Phi Thử lắc: Chợt chợt nhớ một điều, Lê Hùng hỏi Phi Thử:

— Còn điều này nữa. Tại sao anh biết Hoàng Đạt tìm đến giết Trần Duyên tại khách sạn mà anh đến kịp để ngăn và bắt hấn?

Phi Thử cười đáp:

— Có gì đâu mà không biết. Tại sao hấn không tố cáo Trần Duyên ngay với anh để anh tìm bắt, mà lại đi nói với tôi, và thuê tôi tìm hộ cho hấn? Sở dĩ như thế vì hấn biết nếu anh bắt được Trần Duyên, tất nhiên hấn sẽ bị lộ tẩy, vì Trần Duyên là nhân chứng duy nhất và quan trọng trong vụ án mạng này. Còn như hấn thuê tôi, dặn tôi bắt cứ lúc nào, nếu có tin gì về Trần Duyên thì điện thoại ngay cho hấn biết, như thế để hấn có thể tìm đến Trần Duyên trước anh và giết ông này để phi tang nhân chứng. Biết rõ được âm mưu ấy của hấn, nên khi anh điện thoại cho tôi hay là Trần Duyên đã về khách sạn rồi tôi có hỏi anh có báo cho Hoàng Đạt hay chưa, anh trả lời rằng đã, tôi mới hoảng hồn phóng gấp đến khách sạn và kịp thời chặn đứng một vụ giết người thứ hai. Vô tình Hoàng Đạt không ngờ hành động của hấn tại phòng 99 đã... tố cáo tội trạng và âm mưu giết người của hấn.

Nghe Phi Thử giải thích, Lê Hùng thở phào một cái nhẹ nhõm. Chàng lấy ống pipe thuốc rê của chàng gõ gõ vào lòng bàn tay. Đó là một cử chỉ đặc biệt khi chàng đã thỏa mãn một cái gì thắc mắc trong lòng, hay khi chính chàng đã điều tra xong một vụ rắc rối với kết quả tốt đẹp.

Lê Hùng mỉm cười nhìn Phi Thử nói:

— Thế là xong vụ án này. Nhưng còn một điểm nhỏ khác tôi muốn anh giải thích luôn xem hư thật ra sao. Đó là việc Hoàng Đạt cho là Trần Duyên sau khi hay Lê Duyên và hấn ăn ở với nhau, đã tìm đến tổng tiền Lê Duyên?

Phi Thử đứng lên rung vai lắc đầu bảo:

— À, cái đó thì tôi hoàn toàn không biết hư thật ra sao. Nếu anh muốn rõ nên hỏi ngay Trần Duyên tốt hơn.

Lê Hùng không nói gì, đưa tay vặn một cái nút nhỏ trên chiếc máy đặt bên cạnh, và truyền lệnh:

— Đưa ông Trần Duyên sang ngay phòng tôi.

Vài phút sau, cửa mở, Trần Duyên bước vào, gương mặt vẫn còn đầy vẻ lo sợ và ngơ ngác.

Sau khi nhà nhận mời Trần Duyên ngồi, Lê Hùng nói:

— Theo lời tố cáo của ông Hoàng Đạt từ trước với Cảnh sát chúng tôi thì vì một câu chuyện tình ngày xưa



không thành, và bây giờ khi hay Lê Duyên ăn ở với Hoàng Đạt ông đi tìm đến Lê Duyên để tổng tiền nàng vì chính ông hiện giờ còn giữ nhiều hình ảnh thư từ kỷ niệm giữa ông và Lê Duyên ngày ấy.

Nghe hỏi, Trần Duyên kinh ngạc kêu lên:

— Trời sao có chuyện thể được Tôi mà đi tổng tiền Lê Duyên trong khi tôi và nàng vẫn còn yêu nhau, dù hiện tại nàng đang ăn ở với ông Hoàng Đạt?

Lê Hùng chậm rãi hỏi tiếp:

— Vậy đầu đuôi câu chuyện giữa ông và Lê Duyên ra sao, xin ông vui lòng kể lại cho chúng tôi biết.

Trần Duyên lắc đầu, buồn bã nói:

— Ngày nay Lê Duyên đã chết rồi tôi không muốn gọi lại những kỷ niệm đau buồn giữa tôi và nàng nữa để làm gì. Xin ông miễn cho điều này.

Nói xong, Trần Duyên thở dài gục đầu xuống đôi tay. Trần Duyên không khóc, nhưng Trần Duyên đang đau khổ. Kể đã từng lặn hụp trên tình trường như Phi Thử, nhìn Trần Duyên giờ đây, chàng rất thông cảm và công nhận Trần Duyên đang trải qua sự thật của lòng, chứ không là đóng kịch như Hoàng Đạt hôm trước. Tuy biết thế nhưng để tìm ra sự thật về việc có mặt của Trần Duyên trong vụ này, nên Phi Thử vội chen vào, với một giọng hăm he, nghiêm nghị bảo Trần Duyên:

— Nếu ông không chịu thuật lại điều chúng tôi đang muốn biết thì có nghĩa là ông đã nhận tội có tổng tiền Lê Duyên như Hoàng Đạt đã tố cáo.

Giật mình, Trần Duyên ngẩng lên hết nhìn Phi Thử lại nhìn Lê Hùng. Cuối cùng Trần Duyên thở dài nói:

— Vâng, thôi được, tôi xin thuật lại tất cả để hai ông rõ.

Rồi với một giọng đều đều, Trần Duyên kể:

— Ngày trước, cách đây 3 năm tôi và Lê Duyên đã gặp nhau thuở nàng còn là một nữ sinh viên với cái tên thật là Phan-thị Mỹ-Lệ. Chúng tôi yêu nhau và quyết định cùng nhau đi đến hôn nhân. Nhưng sau đó, vì một sự tôi hiểu lầm nàng phụ bạc tôi nên tôi đã từ giã nàng, bỏ đi xa. Vì tự ái, nàng cũng không cần giải thích thiệt hơn với tôi. Thế rồi cách đây một năm, tôi hay tin nàng đã trở thành ca sĩ với biệt hiệu Lê Duyên và đã lấy một kịch sĩ tên là Hoàng Đạt. Đọc được hai tiếng Lê Duyên tôi chợt hiểu ra nàng vẫn còn yêu tôi. Nàng đã lấy tên nàng và tên tôi ghép lại làm biệt hiệu. Tôi đã đánh bạo vào Saigon tìm lại nàng. Gặp nàng, tôi

nhận lỗi hiểu lầm ngày trước và mong được nối lại tình xưa với nàng. Nàng cũng cho biết nàng vẫn còn yêu tôi và cũng mong được cùng tôi nối lại vì sự thật, hiện tại tuy ăn ở với Hoàng Đạt, nhưng đứng trên mặt pháp lý, hai người chưa có gì chánh thức ràng buộc nhau cả. Nàng bảo tôi hãy tìm Hoàng Đạt để nói sự thật nhưng tôi không đủ can đảm làm điều ấy. Từ dạo ấy trở đi, tôi và nàng vẫn lén lút thư từ qua lại. Rồi một hôm, cách đây một tháng, bỗng nàng viết thư báo cho tôi hay rằng Hoàng Đạt đã tình cờ bắt được thư tình của tôi gửi nàng. Hoàng Đạt nổi ghen hạch hời. Buộc lòng, nàng phải khai sự thật Nàng yêu cầu tôi vào ngay Saigon để gặp Hoàng Đạt dặng dứt khoát câu chuyện này. Tôi ngập ngừng lo ngại. Sau cùng, cách đây một tuần, tôi đã vào đến đây, nhưng rồi cứ đắn đo mãi nên đến tối hôm ấy, tôi mới đến tìm Lê Duyên tại phòng trà CÂY ĐÀN. Ở đây, vào khoảng 12 giờ 30, Lê Duyên đưa tôi về nhà ngồi chờ Hoàng Đạt. Đến 1g5 hay 1g10 gì đó thì Hoàng Đạt đi taxi về tới.

Nghe đến đây, Phi Thử đưa tay chặn lời Trần Duyên, đoạn quay sang Lê Hùng :

— Xin anh chú ý là ông Trần Duyên vừa cho biết Hoàng Đạt đã về taxi chứ không phải đi bộ như hần đã khai từ trước.

Rồi Phi Thử quay sang Trần Duyên hỏi :

— Sao ông dám chắc là Hoàng Đạt đã đi taxi về và lúc đó là lúc 1g5 hay 1g10 ?

Trần Duyên bình tĩnh đáp :

— Dạ thưa vì sao lúc kiếng đồng hồ treo tường báo 1 giờ, Lê Duyên có hỏi tôi tại sao Hoàng Đạt chưa về. Nàng có ý mong đợi. Sau đó độ 5, 10 phút thì nghe tiếng xe đồ ngoài cổng, và Hoàng Đạt bước vào. Gặp

tôi, Hoàng Đạt đã mất ngay bình tĩnh và đã dùng nhiều lời lẽ không được nhã nhặn nên tôi huộc lòng kiểu từ ra về, và hẹn sẽ trở lại khi khác. Sau đó tôi không ngờ Hoàng Đạt đã nhẫn tâm giết chết Lê Duyên.

Lê Hùng hỏi :

— Thế rồi sau đó, ông đi đâu vắng mà mãi đến đêm nay ông mới trở về khách sạn ?

Trần Duyên đáp :

— Thưa ông, sau đó, vì buồn nên tôi đến nhà một người bạn cũ ở đường Trần Hưng Đạo, và ở lại đó chơi luôn đến đêm nay mới trở về khách sạn. Tôi định ngày mai trở ra Huế, chứ không trở lại gặp Hoàng Đạt nữa. Lúc nãy tôi đang sắp xếp quần áo thì thỉnh linh Hoàng Đạt xô cửa vào, không nói không rằng rút dao đâm tôi. May là các ông tới kịp lúc, không thì...

Nghe đến đây, Phi Thử chen vào hỏi Trần Duyên :

— Xin ông nhớ lại rõ xem đêm ấy Lê Duyên ngồi tiếp chuyện với ông, rồi sau đó Hoàng Đạt về tới, trong suốt thời gian ấy, Lê Duyên và Hoàng Đạt đã mặc quần áo gì ?

Cúi đầu bóp trán như để nhớ lại cho rõ ràng, xong Trần Duyên ngẩng lên đáp :

— Đêm ấy Lê Duyên mặc quần trắng, áo dài màu hường có thêu một cành hoa kim tuyến ở ngực. Còn ông Hoàng Đạt thì mặc bộ complet màu xanh đen và thắt... chiếc cà vạt đỏ.

Trần Duyên vừa dứt lời, Phi Thử xô ghế đứng dậy đưa tay vuốt lại mái tóc rồi lừng lững đi thẳng ra cửa. Lê Hùng vội gọi lại hỏi :

— Kia anh Phi Thử, anh đi đâu đó?

Phi Thử dừng lại, ngoảnh nhìn Lê Hùng đang ngơ ngác, vừa lật tay áo xem đồng hồ vừa mỉm cười đáp.

— Mới 11 giờ, còn sớm chán, tôi đi giải trí cho khỏe lại người !

ANH ĐĂNG

HÀNG LÝ-HẢI

Thủ Thác Hàng Hải
Vận Tải Hàng Hóa

52, Đoàn - Nhữ - Hải — Saigon

Đ. T. 302 Saigon

CHÓ trong CÔNG - TÁC CẢNH SÁT

(tiếp theo trang 31)

nào tìm cách chạy trốn. Nó lại còn được huấn luyện chỉ ngoan nhẹ để giữ địch lại chứ không được làm cho người ta bị thương.

Quan trọng hơn là nó phải được huấn luyện cách đối xử với mọi người một cách ngoan ngoãn cho đến khi có lệnh cho nó làm khác hoặc khi nó bị bỏ buộc phải ra tay. Thường thường, một con chó của Cảnh Sát khi tìm ra kẻ địch rồi thì chỉ tìm cách vờn quanh giữ không cho kẻ ấy chạy thoát rồi sửa lên cho người điều khiển nó tới chứ không được cắn ngay người ta, vì có khi, sau khi hỏi cung, người ấy vô tội.

Đôi khi chính loại chó cũng tỏ ra có giác quan bén nhạy « biết tìm ra kẻ tội lỗi ». Có một lần, chính chú chó Shah II được dẫn đi tuần trong một khu vực đông đảo ở giữa thành phố Luân Đôn, đây nhóc người qua lại. Tới một góc phố kia, chú chó bỗng hếch mũi lên đánh hơi nơi một tòa nhà đang được xây cất dở dang. Người điều khiển nó tháo dây xích thả nó ra. Nó nhảy chồm ngay vào trong giữa đồng gạch ngói ngổn ngang. Tới một góc nhà, nó đứng lại và sủa vang lên. Cảnh sát tới nơi thấy hai tên lưu manh đang thủ thế trước chú chó, bên cạnh chúng là một đồng đồ vật chúng vừa ăn trộm được và đang chia nhau!

Giá trị lớn nhất của những chú chó cảnh sát là đi tuần hành trong các phố, coi chừng mọi sự.

Cảnh Sát Luân Đôn cho rằng nếu có nhiều chó hơn nữa được sử dụng thì con số thống kê về những vụ can phạm trong thành phố có thể được giảm xuống rất nhiều.

Ở Mỹ, thành phố Baltimore đứng đầu trên tất cả các sở Cảnh sát các đô thị khác trong việc dùng chó vào các công tác cảnh sát. Đứng chung quanh bệnh viện John Hopkins và các bệnh viện lớn khác của Baltimore, các chú chó đi tuần tiểu đã giảm các vụ cướp giật hay hành hung các cô nữ y tá và các người đến viếng thăm bệnh nhân xuống tới con số tối thiểu. Chó đã mang lại cho bọn côn đồ lưu

manh một tình trạng khủng bố thực sự. Chúng đã tìm ra những kẻ ăn trộm nấp dưới các gầm xe, những kẻ cướp có súng chạy lẫn trốn trong đám đông, và lừa được những kẻ trộm đêm lảng vảng ở những số tối, hay những căn nhà bỏ trống.

Nhà hàng Macy, một nhà hàng rộng lớn bậc nhất ở Nữ Uớc, 7 năm trước đây, thường vẫn bị bọn trộm, cứ đến giờ đóng cửa buổi chiều thì trà trộn vào đám khách hàng rồi tìm cách ở lại trong cửa hàng, chui vào những số tối, để đêm đến thì ra tay hành động. Chủ nhân tiệm Macy bèn lập ra một đội an ninh tuần tiểu dùng nhiều chó để công tác. Mỗi tối, các chú chó được người điều khiển dắt đi tuần tiểu quanh trong cửa hàng, từ dưới hầm nhà cho đến tầng lầu thứ 19 sục sạo khắp mọi nơi. Chỉ trong một ít lâu, nạn trộm mất hẳn.

Người ta hy vọng rằng việc dùng chó trong các công tác cảnh sát sẽ được bành trướng nhiều hơn nữa trong khắp các sở cảnh sát ở các đô thị Mỹ.

(Theo R.D.)

COMPAGNIE GÉNÉRALE DE COMMERCE

(L. RONDON & Co. L.T.D.)

9, Đường Trịnh - Minh - Thê

Tél. 21.081 - 20.400

ĐIỀU - TRA VỀ CÁC VỤ

PHẠM THUẬN-PHONG MỸ-TỤC

(tiếp theo trang 23)

không có ý nghĩa bảo đảm được dấu vết tinh nghi đúng là tinh khí.

Đối với trường hợp không có sự phản ứng của chất tinh nghi với nước thuốc Florence (résultat négatif), sự bình luận không kém phần thắc mắc cho chuyên viên, vì lý do là có một số chất khác, ví dụ như phân dơ (excréments), mủ máu, nước tiểu, và một vài hóa phẩm thường dùng cũng có thể làm trở ngại cho việc phản ứng của nước thuốc Florence đối với chất tinh khí.

Cũng vì duyên cớ trên, mà người ta có khi phải áp dụng đến phương pháp PURANEN, để kiểm soát được chặt chẽ các thí nghiệm về tinh khí. Phương pháp này căn cứ vào sự hiện diện của chất «spermine» có trong thành phần tinh-dục. Trong phương pháp PURANEN, người ta đem một phần dấu vết tinh khí ngâm với nước muối rồi để vào một ống nghiệm loại nhỏ (microtube). Sau khi đổ thêm nước thuốc PURANEN vào ống nghiệm và đem để vào máy lạnh trong vài giờ đồng hồ người ta sẽ được thấy sự hiện diện một chất màu vàng dưới đáy ống nghiệm, trong trường hợp dấu vết đúng là tinh khí. Trong kiếng hiển vi sẽ thấy chất kết tinh này gồm có những tinh thể hình giống chữ thập (cristaux cruciformes de flavianate de spermine).

Nước thuốc thí nghiệm Puranen là một dung dịch pha lỏng 5 % của 2, 4 dinitro - I naphthol - 7 acide sulfonique, acide flavianique (chiếu theo sách Enquête Criminelle Moderne SODERMAN & O'CONNELL). Việc xem xét sự hiện diện của tinh trùng trong một dấu vết tinh nghi là tinh khí đi đôi với vài nguyên tắc kỹ thuật thông dụng. Ví dụ Tòa án không đòi hỏi cần phải được xem thấy hình một tinh trùng nguyên vẹn, mà một sự nhận thấy rõ một cái đầu tinh trùng hoặc là một cái đuôi tinh trùng cũng được coi như là một sự kiện có giá trị trước pháp lý.

Về kỹ thuật xem tinh trùng, có nhiều khi chuyên viên cũng không khỏi gặp điều phiền phức trong việc lập luận.

Như đã thuật lại ở đoạn trên, chúng ta không quên rằng đối với những dấu vết tinh khí đã bị biến chất hoặc bị sự tiêu hao vật chất một phần nào rồi trong lúc chuyển vận đi không đúng theo điều kiện bắt buộc về phương diện chuyên môn, thì sự làm phát hiện hình tinh trùng có khi lại không có kết quả.

Thêm nữa, đối với các phần tử mắc bệnh về hòn dái, thì trong tinh khí cũng có thể không còn có tinh trùng, một cách tạm thời hay vĩnh viễn. Các bệnh tật ấy có thể gây ra những trường hợp nhầm lẫn trong việc phán-quyết một vụ án : một can phạm thực sự có tội, được tha bổng vì thiếu bằng cứ cụ thể để buộc tội.

Để bổ khuyết cho các sự thiếu sót trong vấn đề thí nghiệm tinh khí, Viện pháp-y COPENHAGUE có phát minh ra phương pháp hóa học để thí nghiệm các dấu vết tinh nghi là tinh khí, bằng cách kiểm soát sự tác dụng hóa (action chimique) của một phần nhất định của một dấu vết tinh khí, đối với các thứ thuốc ví dụ « B.Glycéro phosphate de sodium » và « Monophényl-phosphate disodique ». Trong cuộc thí nghiệm, các thuốc này sẽ bị phân ly bởi các « phosphatases acides » có trong chất tinh khí và phóng thích ra hoặc là Ion P04 hoặc là Phénol. Sự tác dụng ước lượng bằng đơn vị K. A. (King- Armstrong) (Tham chiếu tạp chí Annales de Médecine Légale XLI è Année quyển số 1 Janvier Fév. 1961).

Trong lịch sử của các cuộc giáo nghiệm tinh khí, các Tòa án cũng không khỏi gặp phải các trường hợp thắc mắc muốn biết rõ coi một dấu vết đúng là tinh khí đàn ông hoặc là chất nhờn từ âm hộ tiết ra, có lẫn lộn với vi trùng hoặc là những chất khác.

Việc tìm thấy bằng kiếng hiển vi sự hiện diện của các thượng bì tế bào (cellules épithéliales utérines) hoặc là hình thức của vi khuẩn (bactéries) trong một dấu vết tinh nghi có thể cho phép giám-định-viên kết luận chắc chắn rằng có sự giao cấu giữa tinh nghi phạm với một phần tử thuộc phái yếu.

N. C. C.

Phát sanh trong khối lửa, cao trào Ấp-chiến-lược là biện pháp quyết liệt đối phó với cuộc thách đố của Cộng phỉ. Cao trào Ấp chiến-lược đem lại cho chúng ta, với niềm tin tưởng chiến thắng, đời sống hãnh diện của những người tự do, trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Lời NGÔ TÔNG-THỐNG



GIÁN - ĐIỆP VÀ PHẢN BỘI TRONG THẾ CHIẾN II

(tiếp theo trang 38)

— « Và cả nước Đức nữa » Nils nói.

Greta có vẻ lo lắng, nhưng nàng trấn tĩnh ngay và đáp : « Lẽ dĩ nhiên, cả ở nước Đức nữa ».

Nàng còn ngây thơ tưởng tượng rằng Nils rất khờ mà tin nàng cũng như cho rằng anh không biết tất cả các tổ chức chống chế độ quân phiệt ở Đức đều bị Hitler giải tán từ lâu.

Nàng lại đề cập đến các dự tính khác và Nils hiểu ngay là nàng đang muốn gì với anh. Anh hiểu rằng anh không có nghĩa gì đối với nàng cả, và những mưu mô của nàng chỉ là cái bẫy và nàng chỉ muốn khai thác anh mà thôi.

Nàng nói :

— « Anh là hội viên của Hội Những Người Tỵ Nạn, và anh có quyền quyết định việc cho một người được vào Hội hay không. Anh đã giúp đỡ một số lớn những người này. Họ đang tìm việc làm và tất cả đều chống bọn Quốc xã. Tất cả những kẻ tỵ nạn đều

cần tiền. Hội Hòa Bình sẽ cho họ. Hội chỉ đòi hỏi họ làm một danh sách những người mà họ biết đang chống chế độ Quốc Xã Đức, những người đang hoạt động trong các hội kín tại Đức. Tất cả sách báo tuyên truyền chống chiến tranh sẽ được gửi đến Đức cho họ và họ sẽ phổ biến cho dân chúng khắp nước Đức. Về phần họ, họ sẽ báo cho chúng ta biết tất cả mọi cuộc chuẩn bị chiến tranh của Đức, cuộc tái vũ trang của Đức và các công cuộc phòng thủ nước này. Hội Hòa Bình sẽ công bố những tài liệu, tin tức này cho thế giới biết. Như vậy, chúng ta mới có thể đánh một đòn quyết liệt vào chế độ quân phiệt Đức. »

Kế hoạch của nàng thật là hay và ác độc. Nghe qua người ta có thể nhận thấy kết quả tốt đẹp của nó. Nếu Greta là một gián điệp làm việc cho nước Anh kế hoạch này có thể thi hành được. Nhưng nàng lại là gián điệp của bọn Quốc Xã và Nils đã chắc chắn là nàng không có làm việc cho nước Anh, và vì thế mà kế hoạch này ghê gớm lắm. Không có cơ hội tốt đẹp nào để Canaris tóm được các tổ chức bí mật chống Hitler bằng kế hoạch này ! Nhưng vấn đề còn nhiều bí ẩn. Chúng tôi cần biết nhiều hơn nữa. Trong một khoảng thời gian, tôi có ý kiến lạ lùng là có thể Greta đang làm việc cho cả hai bên : Đồng minh lẫn Đức Quốc Xã.

Tôi đưa ý kiến bảo Nils gặp lại nàng và thỏa thuận giúp nàng, nhưng với điều kiện là Nils phải có sự đồng ý của hội-viên khác của Hội cứu trợ các người tỵ nạn. Nàng bắt Nils hứa với nàng sẽ cố gắng thuyết phục các đồng nghiệp của anh.

Greta hình như không biết là vào khoảng từ đầu năm 1934 đến lúc bắt đầu chiến tranh, Nils và tôi đã cộng sự để mang hoạt động tuyên truyền chống chiến tranh vào nước Đức. Nếu nàng đã biết được việc này và tìm được tên các nhân viên liên lạc của Nils, thì... Nhưng nàng vẫn tiếp tục diễn trò nhân tình để làm cho Nils tin cần, và nếu Nils không lạnh trí, công tác của nàng sẽ thành công.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn chưa hiểu rõ nàng đang âm mưu những gì, chúng tôi có ý nghĩ tìm ngay một người bạn, tạm gọi là Stig Anderson, anh này đang hoạt động cho mặt vụ Anh. Anh ta sanh ở Thụy-Điền, mẹ là người Anh, và tôi biết rõ anh có nhiều cảm tình đối với người Anh. Anh giấu không cho tôi biết đã làm việc cho cơ quan mật-vụ Anh-Quốc nhưng tôi biết chắc anh sẽ không từ nan để giúp tôi, và nàng Greta sẽ là một vấn đề không kém phần lý-thú cho Luân Đôn.

Tôi thuật lại câu chuyện từ đầu đến cuối cho Stig nghe. Anh chăm chú lắm và đã ghi chép nhiều chi tiết và cuối cùng khuyên chúng tôi nên thận trọng. Anh hứa sẽ cho chúng tôi tin tức vào cuối tuần và trong khi chờ đợi, anh bảo tôi không được tiết lộ vụ này trên báo chí nếu không được sự ưng thuận của anh. Chúng tôi đồng ý.

Greta là người bạn nhiều việc. Nàng cho Nils hay nàng phải đi Helsinki, thủ-đô Phần-Lan, để thu xếp vấn đề tiền bạc với chồng nàng và có thể nàng

sẽ thi hành các thủ-tục xin ly dị. Trong lúc cho Nils hay như thế, nàng nhìn anh một cách kín đáo. Trong lúc nàng vắng mặt, Nils cứ tiếp tục công việc tại Hội Những Người Tỵ Nạn và hai người hẹn sẽ bắt tay vào việc trong hai tuần tới. Nils đề nghị cùng nàng sẽ viết báo tuyên truyền cho phong trào hòa-bình, chúng tôi nhận thấy cần gây sự tin nhiệm của nàng cho đến khi nào chúng tôi có bằng-cớ xác đáng. Riêng nàng đã xem Nils như một hội-viên có ảnh hưởng và tích-cực của tổ chức hòa-bình.

Cũng trong khoảng thời gian này, tôi có nói chuyện cùng chủ nhiệm tờ báo của tôi và được trao cho nhiệm vụ điều tra về các hoạt động bí mật của Greta. Như vậy là chúng tôi đã có sự ủng hộ và giúp đỡ trong các cố gắng cá nhân của chúng tôi. Tôi rất mong đạt được kết quả quan trọng. Nhưng vì đã nhận lời Stig không tiết lộ vụ này trên báo chí trước khi khám phá được mọi chi tiết nên tôi và Nils đành giới hạn cuộc điều tra trong việc thu thập tin tức.

Tôi đáp phi-cơ sang Helsinki để tìm hiểu các hoạt động của vợ chồng Veino Kainen. Việc đầu tiên được biết là bà Kainen không có đến Helsinki : Greta đã nói dối. Tôi cũng được biết là ông Kainen đang làm giám đốc một công ty hàng hải Đức — Phần Lan được sự giới thiệu nồng nhiệt của sở du lịch Đức,

Tôi chắc chắn Greta không phải là người kém nguy hiểm như chúng tôi tưởng. Tôi hấp tấp trở về Stockholm với ý nghĩ là sự có mặt của tôi sẽ tránh được một tai họa lớn. Tôi đi tìm ngay Cảnh-sát trưởng và trình bày kế hoạch của Greta, nhưng không đề cập đến Nils hay Stig, người bạn Anh lai Thụy Điển. Torsten Soderstrom, Cảnh-sát-Trưởng thành phố Stockholm, hứa sẽ cho nhân viên điều-tra và dành cho tôi quyền ưu-tiên theo dõi và tiết lộ trên báo chí. Đó là một sự công bình.

Mọi việc xảy ra nhanh chóng Cơ-quan mật vụ Anh, Cảnh-sát, Công-an Thụy-điển lo về các ngoại kiều, và cả mật vụ của Nga — sau này tôi mới biết ra — đều theo dõi Greta. Và tôi, một nhà báo quen tinh cở dính líu đến vụ này, lại là người chỉ huy cuộc điều tra. Kể từ lúc này, mỗi bước của Greta đều được theo dõi. Người ta được biết Greta đã sang Bá-linh hai tuần, và là khách của Joseph Goebbels Bộ-trưởng tuyên truyền của chính phủ Đức. Nàng cũng có đến văn-phòng của Canaris mấy lượt và vì thế mà không ai gặp nàng ở Helsinki cả. Nàng đã có tay chân ở Helsinki, vì trong lúc ấy Nils vẫn nhận được vài bức thư của nàng có dấu bưu điện của Phần-Lan. Soderstrom lại có cho chúng tôi hay nàng đã được Mussolini tiếp kiến. Như vậy kể cũng đã nhiều bằng chứng tố cáo Greta, nhưng vì nàng không phạm vào một luật lệ nào của một nước dân chủ như nước Thụy-điển, nàng vẫn có quyền sống ở nước này như các người Đức thân bọn Quốc-Xã đã sống trên đất Mỹ trong những ngày trước khi chiến tranh xảy ra.

Tháng 2 năm 1940, Greta trở lại Stockholm, hình như nàng không hay biết gì cả. Nàng bắt đầu đi diễn thuyết công kích chế độ quân phiệt. Nàng nói trong gần 50 buổi họp, đọc nhiều bài văn chống đối kịch liệt chủ trương chiến tranh và đóng vai tuồng của một người thành thật hiểu hòa một cách hoàn toàn. Nhưng trong những cuộc tranh luận, sau phần thuyết trình, người ta có cảm tưởng nước Đức Quốc Xã là một ngọn đèn soi sáng cho con đường hòa bình. Nàng nhắc luôn các dịp mà Hitler đã xác nhận ý chí hòa-bình của hắn.

Hội « Hòa-Bình » của nàng xuất bản báo và đăng tải nhiều tuyên ngôn. Các Nghị-sĩ của Quốc-hội Thụy-Điển có chân trong hội đã bênh vực giải pháp nhượng cho Đức các vùng Sudètes của Tiệp-khắc và vùng Dantzig. Họ cho rằng nước Đức có quyền tự nhiên ở vùng Dantzig và hành lang Ba-Lan.

Ai cũng biết là bọn Quốc Xã Đức đã sử dụng nhiều số tiền khổng lồ để tổ chức các cuộc biểu tình hô hào hòa bình. Và, lẽ dĩ nhiên, các tổ chức hòa bình này-đã âm mưu phá hoại chương trình tái vũ trang các nước miền Scandinavie. Tuy nhiên không ai có thể đoán được nước nào đã đứng sau kế hoạch chia rẽ các lực lượng chống Quốc-Xã Đức trong những nước miền Bắc này.

Các nhóm người chủ trương hòa bình gia nhập các nhóm tôn giáo, chính trị xã hội và Cộng-sản, các nhóm người chủ trương cấm rượu hay vào nhóm báo chí tự-do để kêu gọi sự đoàn kết của các nước dân chủ nhỏ bé thực hiện lý tưởng hòa bình.

Greta đã có nhiều đại biểu tham dự các hội nghị tổ chức tại Anh, Thụy-sĩ, Hòa-Lan và cả Hoa-Kỳ nữa. Các đại biểu này, bạn có, thù cũng có, đều kính trọng tài ba và ý chí của nàng.

Chỉ có chúng tôi và vài người được biết vụ Greta đoán rằng nguy hiểm sắp tới với nàng. Cuối cùng, ngày mong đợi đã đến, chúng tôi tấn công ngay. Tôi thu xếp một cuộc gặp gỡ giữa Greta và một người có ý muốn bán cho nàng với giá một ngàn cua-rôn (tiền Thụy-điển) :

1-) Các phúc trình về việc tái vũ trang bí mật của Đức.

2-) Danh sách 2 nhân viên đang hoạt động trong các tổ chức bí mật ở Đức.

3) Hình ảnh các công sự phòng thủ miền Bắc Na-Úy.

Người bán các tài-liệu này đã thông đồng với chúng tôi và được xem như một người tỵ nạn vừa mới rời bỏ nước Đức. Hắn đã saog Na-Úy và vì nơi đây hắn không được phép trú ngụ, nên phải sang Thụy Điển và đang cần dùng tiền.

Hắn đóng tuồng rất hay, đã thuật lại dài dòng đời của hắn, trường hợp thoát khỏi nước Đức, hoạt động bí mật của hắn cùng các bạn bè của hắn làm việc tại các xưởng chế-tạo vũ khí chiến tranh của

Đức. Hắn đã tỏ ra đúng là người mà chúng tôi cần dùng trong cuộc tranh đấu cho hòa bình.

Hắn còn nói tiếng Đức không được đúng với một giọng đặc biệt của dân Bá Linh. Greta, không nghi ngờ, đã rơi vào cạm bẫy của chúng tôi một cách dễ dàng. Nàng cũng không ngờ rằng các tài liệu và tin tức vừa mua được không có giá trị gì cả. Một giờ sau nàng bị Cảnh sát Thụy-điển bắt.

Trong khám, này vẫn tỏ ra người xã-giao bất thiệp mặc dù nàng không còn những vẻ kiêu diễm như xưa nữa. Nàng vẫn một mực cho rằng mình là người thành thật yêu chuộng hòa bình, và tin tưởng rằng cả Âu châu cần phải thần phục nước Đức để tránh chiến tranh, nước Anh và nước Pháp đã thoái hóa. Nàng thú nhận đã biết Mussolini, Goebbels, Goering và luôn cả chính Hitler. Nàng cực lực chối cãi đã làm việc cho bọn Quốc-xã Đức. Nàng chỉ hoạt động theo ý riêng và trong phạm vi những gì mà nàng cho là công bằng. Nàng nhấn mạnh ở điểm này.

Rất tiếc là Cảnh-sát Thụy điển không tìm thấy bằng cứ nào chứng tỏ Greta đã chống lại nước họ. Và vì chồng nàng là người Phần-Lan, nên người ta chỉ có quyền trục xuất nàng ra khỏi Thụy-điển. Khía cạnh thú vị của vụ Greta là sự can thiệp của bà Bà tước Fanny Von Willamowitz Moellendorf, chị vợ của Thống-chế Hermann Goering đã biện hộ cho nàng.

Vụ này tôi đã cho đăng vào trang nhất của tờ báo tôi. Riêng Nils thì không lấy gì làm hoan hỉ. Chúng tôi cũng không thích đã dùng phương pháp khám phá kém về anh hùng.

Tôi vẫn tin lý tưởng hòa bình là một lý tưởng vĩ đại và phong phú, và việc tranh đấu chống chế độ quân phiệt là việc đầu tiên cần phải đem ra dạy tại các trường ở Âu-Châu sau này. Nhưng cũng như nhiều người khác, tôi nhận thấy mọi tổ chức cần phải hết sức cẩn thận trong việc thu nhận hội viên. Canaris đã đưa được người của ông vào phong trào hòa bình Âu-Châu và đã xoay tổ chức này vào việc ngăn cản các nước dân chủ trong việc võ trang để giữ họ trong tình trạng bèn yếu. Linh hồn của phong trào hòa bình phục vụ cho bọn Quốc xã là Greta Kainen.

Sau này lúc Phần Lan bắt đầu chống Nga với tư cách là đồng minh của Hitler, vợ chồng Kainen, lúc ấy không bắt hòa nhau nữa, hoạt động trở lại tích cực hơn. Họ tổ chức gián điệp tại các hải cảng miền Bắc. Với tư cách chủ tàu, Veino Kainen có nhiều lợi thế trong các hoạt động gián điệp của hắn.

Có thể chính Greta đã báo cho Bá linh bằng làn sóng điện ngắn, ngày giờ cất cánh của phi cơ liên lạc Thụy điển mang các tài liệu đình chiến Nga Phần Lan.

Tờ báo Goteborgs Handels Tidning đã phản đối phương pháp gián điệp này.

Các báo khác của Thụy-Điển đòi mở cuộc điều tra và cuối cùng các phi trường Thụy điển được giữ gìn cẩn thận đối với những người không phải là hành khách cũng như đối với khách du lịch.

(Còn tiếp)

CẢNH-SÁT ANH QUỐC NGÀY NAY

(Tiếp theo)

Các Sở Cảnh-sát ở Anh Quốc mỗi nơi đều có bộ phận Cảnh-sát Tư-pháp riêng của họ. Họ độc lập, vì vậy không bó buộc phải gọi Scotland Yard đến giúp. Nhưng trong thực tế, họ đã phải nhờ đến cơ quan này rất nhiều, lý do chỉ vì Scotland Yard là một kho tàng bắt tận về tin tức. Văn khố hồ sơ hình vụ (« Criminal Decord Office ») của Scotland Yard là một phương tiện quý giá giúp các cơ quan Cảnh sát trong việc điều tra. Đó là nơi ghi nhận tất cả các vụ phạm pháp với lý lịch các can phạm trong toàn quốc. Các tin tức ấy giúp cho Cảnh-sát tìm ra những kẻ gian phi khi tái

phạm. Các Sở Cảnh-sát khắp nơi phải gọi về đó đầu tay của mọi kẻ nào đã phạm trọng tội và bị phạt tù. Nếu kẻ ấy tái phạm và để lại các đầu tay thì việc tìm ra lý lịch y là một trò chơi, như họ thường nói, đối với văn khố hồ sơ hình vụ ấy. Ngoài ra, Scotland Yard còn có các phương tiện khoa học, có phòng thí nghiệm với những kỹ-thuật tinh xảo khác, chưa kể đến những thám tử lành nghề mặc thường phục hoạt động lẫn lộn trong dân chúng.

TRƯỚC đây khá lâu, một bài dân ca có điệp khúc rằng : « Nếu anh muốn biết mầy giờ, hỏi hỏi Cảnh-sát viên » những lời ấy cũng còn tóm lược cả lòng tin cậy của dân chúng Anh đối với những con người to lớn, mặc sắc phục xanh, dán điệu vững chãi, khoan thai, có vẻ lúc nào cũng sẵn sàng cúi xuống hỏi han một đứa trẻ bị lạc mất một con chó nhỏ, hay lắng nghe những lời kêu ca, cầu nhàu của một bà trách móc ông chồng.

ĐỒ HIẾU

VỊ THÀNH - NIÊN

(Tiếp theo trang 13)

nhiên, sẽ được hưởng nhiều đảm bảo hơn người lớn, tỷ như : được do 1 Tòa Án riêng xét xử (Tòa Án Thiếu Nhi) được bắt buộc phải có Luật sư biện hộ, phải do Dự Thẩm điều tra : được giam giữ riêng, được xử riêng, báo chí không được tường thuật...

Ngoài ra, bất luận tuổi 13 hay dưới 18, đứa trẻ có thể được hưởng những biện pháp giáo hóa, như Hội Phước thiện, giao trường học, giao cơ quan đào luyện nghề nghiệp, hoặc giáo huấn... Thời gian giáo hóa, dù dài dù ngắn, nhưng cũng chỉ đến năm đứa trẻ tới 21 tuổi tròn là phải chấm dứt.

Kể sơ sơ như vậy, đã thấy, về phương diện trách nhiệm Hình sự, đứa vị thành niên được luật pháp nhân nhượng cho rất nhiều, chủ trương nghiêng về giáo huấn, và chỉ bắt buộc dĩ mới trừng phạt. Và về phương diện Hình sự này, vị thành niên phải hiểu là kẻ *dưới 18 tuổi tròn*, chứ không phải là dưới 21 tuổi như về Hộ sự, bên trên, nữa.

Thêm vào đó, cứ dưới 18 tuổi mà phạm tội, thì đều coi như vị thành niên, đều gọi là Thiếu nhi phạm pháp, chứ không phải có thể vì đã có vợ có chồng, mà được coi (lúc này là bị coi) như người lớn ; nghĩa là không có lối thoát quyền như về Hộ sự nữa (Có phải vấn đề «quyền» đâu, mà thoát ?) Một cô gái 16, 17 tuổi, đã có chồng, và có thể đã con dất, con bế (đã đẻ ra một vài đứa thiếu nhi), nhưng nay cô đầu độc người chồng, hay cô siết cổ đứa con, (chắc hẳn là để cô dễ bề đi tu !), cô vẫn được coi là thiếu nhi phạm pháp, cô phải do Toà Án Thiếu Nhi xét xử, và cô vẫn có thể được áp dụng một biện pháp

giáo hoá, kể trên. Cứ chiếu cái ngày, tháng, năm sinh, ghi trong chứng thư khai sanh của cô, ra mà tính, đến ngày cô phạm pháp nếu chưa đủ 18 năm tròn, thì cô là thiếu nhi. Chứ không thể xét hình thể hay sức vóc, hay là thấy cô «chính ehuyền lấy được chín chồng» mà thiên tiện vội nâng cô khỏi cảnh thiếu nhi được. Trái luật ! Và trái một cách phạm vào tổ chức Tư-pháp, nên bị vô hiệu tuyệt đối



Một vài nét quá đại cương nêu ra trên đây, may ra cũng đủ để chúng ta phân biệt vị thành niên. Có loại vị thành niên về mặt Hộ, là những trai, gái dưới 21 tuổi, tình trạng là bị tiết chế quyền hạn đối với tài sản của mình. Có loại vị thành niên về mặt Hình, là những cậu những cô dưới 18 tuổi, tình trạng là được điều giảm trách nhiệm đối với tội mà mình phạm. Giới Cảnh Sát Công An, vốn chỉ lo về Hình, truy tầm điều tra những kẻ tình nghi phạm pháp, thường chỉ cần biết cái tuổi dưới 18 vừa rồi, nhưng tình cờ nghe nói vị thành niên 21 tuổi, thì nay cũng đỡ phải thắc mắc. Năm ngoái, năm xưa có người đi du học ngoại quốc, tu nghiệp về khoa Thiếu nhi. Khi trở về cũng như chàng ULYSSE, tay xách một túi kiến văn, bao nhiêu tổ chức, quy định của xứ người về vấn đề Thiếu nhi, đều thuộc lòng, nào tâm lý thiếu nhi, nào ảnh hưởng xã hội, nào các cơ quan bảo dưỡng nhi đồng, hướng nghiệp nhi đồng, nào thống kê kết quả... Và nói đến đâu, bạn xuất dương này

cũng thường thở dài tiếc cho Việt-Nam ta không có những tổ chức hay những cơ quan tương tự. Thỉnh giả sốt ruột, hỏi lại một câu : « Thế tuổi nào là tuổi thiếu nhi ở nước người, và ở nước ta ? » Diễn giả nói quanh co, chưa đưa ra được con số 18 hay 20, thì một hồi chuông reo, và câu chuyện chấm dứt...

Đ. T. M.



Trả lời chung quý bạn đọc và văn hữu hỏi về số Xuân Bạn Dân :

— Tòa soạn đang chuẩn bị số Xuân cho Bạn Dân.

— Rất hân hạnh được quý văn-nhân, ký giả tỏ ý cộng tác. Bài vở, yêu cầu gởi về tòa soạn trước 15 tháng 12 dương lịch.

Bạn Lê-Xuân-Nhuận.— Bài «H.B. và C.B.», đã có thư riêng về bạn. Bạn cứ gởi bài cho số «Xuân Bạn Dân».

Bạn Châu - đình - Thịnh.— Đã nhận được bài «Lâm», bản thứ hai. «Xuân Bạn Dân» sẵn sàng chờ đợi bài của bạn. Xin nhớ gởi về sớm để tiện việc sắp xếp.

Bạn Lâm-tùng-Sinh.— Cần phải gởi tiếp cho đủ những bài đã hứa.

Bạn Lâm - hồng - Giang.— Từ lâu, không được tin tức gì của bạn. Mong bạn đúng lời hẹn gặp nhau ở số Xuân.

NGƯỜI Kinh Ninh-thuận sò nhiều,

Di-dân lập ấp từ triều-đại xưa.

Quen canh-tác vốn ưa ruộng rẫy,

Chiêm đồng-bằng diên-hải làm ăn

Có công qui ấp lập làng,

Cùng người Chiêm, Thượng mở mang tỉnh này :

Xưa rừng rú làm nay thị - trấn,

Mở bản - đồ Ninh thuận rộng to

Chia nhau nắm giữ vai trò

Canh-nông, thương-mãi, chăm lo lưới chài,

Tiểu-công-nghệ sơ-sài không kể

Việc chăn nuôi lẻ-tẻ ít nhiều...

Người Kinh, Chiêm, Thượng tự kiêu,

Chung lưng sát cánh để đều tiến lên.

Người Ninh-thuận không quên Tổng-Thống,

Cùng một lòng diệt Cộng, bài Phong,

Cổ tình đoàn - kết lo chung,

Xây nền Dân-chủ trong Vùng Tự-do.

Thề tránh lũ Cộng - nô vong-bản,

Người Thượng nay tị-nạn xuống kinh,

Đồng - bào Chiêm, Việt thật tình

Hò - hào giúp đỡ bạn mình lâm nguy.

Kẻ tiền bạc, người thì cơm áo,

Một Ủy-ban lãnh-đạo lạc-quyền

Gấp lo bạn Thượng trong miền

Định - cư sinh sống bình - nguyên an lành.

Thoát Cộng-phỉ lưu manh phá hại,

Gần bạn hiền ưu - đãi đỡ-nâng,

Đồng-bào tị-nạn ở vùng :

Hoài-trung, Vụ bốn, các vùng Bà - rêu

Đã vui - vẻ lãnh trâu lãnh ruộng

Lo làm ăn sung - sướng biết bao !

VIỆT

CHIÊM

THƯỢNG

ĐOÀN-KẾT

Người Thượng Ninh - thuận tự hào,

Đã cùng Chiêm, Việt nêu cao tinh - thần

Chống Cộng-sản vô thần phá hoại

Làm rõ phân nhân ngãi anh em.

Với câu máu chảy ruột mềm,

Việt-Nam, Chiêm, Thượng ta nguyện có nhau.

Quyết tâm đoàn - kết từ lâu,

Xây nền Nhân - Vị hát câu thanh - bình.

Rồi đây non nước yên lành.

Người Kinh, Chiêm, Thượng tình mình tiến xa.

Ngày nay đoàn - tụ một nhà,

Ta nên góp sức xây Tòa Việt - Nam.

Kỷ niệm ngày phát-động

P. T. T. T. Đ. B. T. T. N. Ninh - thuận.

H.S.T. Phan-rang



- Một vụ ngộ sát • Một cách thủ tiêu xác khá công phu, kỳ dị.
- Xác chết ướp bạch-diêm và sấy khô như thịt dăm-bông.

CÁC H đây hơn 10 năm, từ ngày từ giã hàng ngũ Liêm Phóng Liên Bang, tôi và Phán Hắc cùng gia nhập đại gia đình Cảnh Bình Việt Nam và được làm tại Hải phòng.

Được mệnh danh là « Thiên lý mã » nên Phán Hắc phải chịu đựng nhiều cuộc đấu trí gay go và phải « bao » tất cả các vụ điều tra về án mạng quan trọng. Được phục vụ bên cạnh anh nên tôi được rõ những phút thăng trầm vinh nhục của anh trong nghề nghiệp và cũng thần phục trí xét đoán, sự kiên nhẫn của anh, nhờ đó mà Hắc gặt hái được nhiều kết quả tốt, nổi danh là một hảo thủ trong ngành Tư-pháp Cảnh sát tại miền Duyên hải.

Để minh chứng, tôi xin thuật lại cuộc điều tra án mạng với cái tên là :

« VỤ XÁC CHẾT ƯỚP KHÔ », hay là cuộc THI ĐUA TÌM XÁC, khá hào hứng giữa 3 cơ quan : Sở Liêm Phóng Liên Bang, Phòng Nhì Pháp và Ty Cảnh Bình Việt Nam ; về phía ta, dĩ nhiên là Phán Hắc giữ vai trò « Thủ quân » dẫn đạo anh em đi tỉ-thí

Hôm ấy, một buổi sáng mùa đông, tôi và Phán Hắc vừa đến Sở làm việc chưa kịp ngồi đã thấy ông Cảnh-sát-Trưởng hấp tấp đi đến, vẻ mặt tư lự, kéo chúng tôi ra cửa nói nhỏ :

Hai cậu bỏ hết việc cả đó, sửa soạn đi ... chạy thi, cuộc đua này hào hứng đáo để, chỉ có 2 cậu mới đủ khả năng đi dự cuộc, tớ chấm rồi đấy .

— Thi đua cái gì hả cụ ?

— Thi đua tìm xác chết ! Vụ này rắc rối lắm, bí mật lắm ! Phiền nhất là ta lại chạy thi với 2 anh chàng dài cẳng, dai sức hơn mình đủ mọi thứ. Vì danh dự, vì tiền thưởng nên họ hăng lắm !

— Sao biết là xác chết mà còn phải tìm ? Xác ai ?

— Xác một thiếu phụ, giàu, đẹp, vợ một thương gia ngoại kiều ở đây. Sở Liêm phóng báo cho biết là vừa mất tích trong ngày hôm qua. Đáng lý là tìm người mất tích nhưng Sở Liêm Phóng lại thông báo và yêu cầu: tìm xác vì có bằng cớ là bà ta đã ... chết rồi, không rõ xác ở đâu. Sở Liêm Phóng, Phòng Nhì, Ty Hiến Bình đều dốc toàn lực ra để tranh giành kết quả ; chúng ta tuy kém phương tiện nhưng cũng quyết ăn thua tỷ thí vì có Phán Hắc là con « thiên lý mã », ta có hy vọng tới đích trước.

Nghe xong, tôi và Hắc giao hết công việc cho bạn đồng sự, sửa soạn nhảy vào « vòng chiến » một cách thận trọng vì đã biết đối thủ đều là những tay lành nghề và can phạm chắc cũng là tên sừng sỏ lắm.

CUỘC SƯU TẦM TÀI LIỆU.

Vốn là tay có bản lãnh, Phán Hắc tỏ ra rất điềm đạm, bình tĩnh trước những cuộc thử thách gay go. Sau khi tắm rửa, ăn uống no đủ cho lại sức, Hắc cải trang vận một bộ đồ « Xường xám » phì phèo điếu thuốc lá bảo trông đúng là một tài phú hạng bảnh mới từ Hương Cảng tới. Anh và tôi đứng đỉnh vào Sở Liêm Phóng để thu thập tài liệu, tin tức về vụ này.

Theo đơn trình của đương sự thì vợ ông, tên Si Mon, 25 tuổi, nội trợ, người lai Âu Á, mới thành hôn với ông được 6 tháng, ít đi chơi đâu một mình, ít bè bạn, chưa có con. Nhà có bếp bếp nên không hay đi chợ. Si Mon có vốn riêng 10 vạn đồng, mỗi khi đi chơi thường đem nhiều tiền, không đeo nữ trang, thích giải trí bằng cách chơi mạt chược với mấy người bạn Trung Hoa ở phố Đông kinh, tính nết đứng đắn, thủy mị,

Sáng thứ bảy ngày 15-11-1949, khi ông đi làm, bà Si Mon còn ngủ. Hồi 12 giờ trưa về, không thấy vợ đâu, hỏi bồi bếp được biết vợ ông đi ra phố mua sắm đồ vật từ hồi 9 giờ. Tìm kiếm khắp nơi, hỏi các nhà quen thuộc đều không ai rõ gì cả. Chờ đến tối vẫn không thấy vợ về, ông liền đi trình nhà chức trách.

Do tình hình bất an ninh hồi đó, nhà chuyên trách đã dự đoán việc chẳng lành có thể đã xảy ra cho thiếu phụ nên đã báo các nơi và tổ chức cuộc tìm kiếm rất gắt. Báo cáo các ban truy tìm đều ghi : không có tin tức hoặc dấu vết gì của thiếu phụ. Đến 18 giờ ngày 16-11-49, đội tuần giang vớt được cái ví tay bằng da màu trắng troi rơi tại cửa sông Tam-Bạc, trong ví không có đồ vật giấy tờ gì. Dem về sở Liêm Phóng Trung Ương, ông LA-BÔ (chồng nạn nhân) đến xem xét và nhận đích đó là cái ví của vợ ông. Đến 20 giờ đêm, đội tuần giang này lại vớt được cái áo măng tô gói giấy nhật trình, trôi giạt vào chân cầu Hạ-Lý, trong gói có lẫn những mảnh giấy vụn. Chồng của nạn nhân cho biết đó là cái áo mà vợ ông đã vận khi ra phố hồi sáng hôm qua. Với những đồ vật kể trên, nhà chuyên trách tạm kết luận : nạn nhân đã chết không phải chết vì tai nạn mà có thể là bị bắt cóc, bị hãm hiếp, bị giết rồi ! Xác nạn nhân có lẽ đã bị vớt xuống sông. Cuộc tìm kiếm chú trọng vào các sông ngòi lân cận để vớt lấy xác khi nổi lên, đồng thời cho truy tìm thủ-phạm và kiểm nguyên do.

Chồng nạn nhân có cho treo một giải thưởng 50 ngàn đồng cho ai tìm kiếm ra thiếu phụ này hoặc sống hoặc đã chết. Các cơ quan an ninh cũng như chính trị đều được động viên toàn lực để tìm kiếm, điều-tra, cuộc thi đua tìm xác chết đã bắt đầu.

PHÁN HẮC NHẢY VÀO... TỶ THÍ

Sau khi ghi chép các tin tức, chi tiết về vụ này xong, Hắc và tôi kéo nhau ra sân quần làm một chầu cà-phê Dưỡng-Cầm ; ly là-phê pha bơ thơm ngát, Hắc thần nhiên thương thức và rung đùi... « ngâm thơ » coi như không có việc gì đáng bận tâm cả ! Tôi sốt ruột, quát vào tai anh :

— Vô công rồi nghề hay sao hả, cụ Đồ Bùn ? Tính thế nào đi chứ ?

Hắc vẫn ăm ứ ngâm Đường thi ! Thấy tôi phát cáu lên, Hắc mới ồm ồm đáp :

— Yên trí ! Yên trí ! Đâu có đó ! Bây giờ đi đâu, hỏi ai ? Rõn cứ bụng này, ở trong còn lắm điều hay, xin tôn huynh cứ an như Thái-Sơn !

Tối hôm đó, Hắc mời tôi đi ăn cơm Tàu, ăn chè phục linh. Đến đâu Hắc cũng dùng toàn tiếng Quảng-Đông, cử chỉ đúng như Tàu thật ! Thế rồi, sau khi no say, anh lại kéo tôi xuống quán Bà Mâu đập trống ! Tôi bức quá bỏ ra về. Đi đến đâu tôi cũng gặp nhân-viên của hai cơ quan bạn, cuộc chạy đua đang diễn ra thực sôi nổi, nghĩ đến tác phong của Hắc tôi giận vô cùng.

Sáng hôm sau, vào độ 8 giờ 30, tôi đến nhà ông LA-BÔ, hỏi qua loa các người giúp việc trong nhà về mấy chi tiết cần thiết, lúc ra cửa thấy ba cái xe xích lô đậu ở vỉa đường, một người phu xe nhanh nhẩu đẩy xe lại tranh hai người kia để mời tôi, tôi mặc cả giá xe về Quận Cảnh-sát, người này trả lời : « Tùy thầy, bao nhiêu cũng được ». Nghe giọng nói lơ lơ giống người Trung-Hoa, tôi quay lại nhìn, không có gì đáng lưu ý, tôi lên xe. Bỗng thấy xe đi thẳng ra phía cầu Hạ-Lý, tôi vội quát : « Đi đâu thế này ? Không biết lối về Quận Cảnh-Sát à ? »

— Về Quận làm cái thá gì ! Người phu xe trả lời.

Tôi nhảy xuống định cho y một bài học, thì y nhoèn cười, lúc đó tôi nhận kỹ mới rõ đó là... Phán Hắc !

Tôi ghét hấn quá nên vội bỏ đi. Hắc vội nói khe :

— Ấy... chết, chết ! đừng có « lóng » thế. Từ 3 giờ đêm đến giờ em chưa ăn ngủ, chờ đại ca lâu quá đấy. Làm ơn ngồi lên đây em đưa anh đến



đầu cầu Hạ-Lý... chơi mát cho nó « lại con người », mau lên !

Biết là Hắc đang thi hành công tác nên tôi phải nghe theo. Ra đến bên kia cầu, Hắc dừng xe bảo tôi xuống chân cầu đi tiểu tiện và đồng thời ước chừng từ mặt bãi bùn lên đến gần nước ở chân cầu xem cao độ bao nhiêu. Tôi làm theo và cho Hắc biết : từ bãi bùn lên đến gần nước cao nhất ở chân cầu là 1 thước 2 phân. Hắc cảm ơn rồi lại đạp xe chở tôi sang phía cầu sở Xi-măng, vòng con đường qua sở Phật-Phật dọc theo bờ sông Tam-Bạc để đến xem từ phía chợ Sắt đến cửa sông có bao nhiêu bến đò ngang. Hắc bảo tôi ghi mực nước lên, số bến đò ngang, xem địa thế rồi kéo nhau vào ăn phở. Sau đó han đạp xe đi đâu không rõ.

MỤC TIÊU THEO DÕI

Hắc và tôi đến Phòng Tư Pháp Sở Liên-Bang đòi được xem lại gói áo và cái ví của nạn nhân. Hắc đem vào Phòng bên cạnh, ngồi tỳ-mỷ gói lại gói áo y như lúc mới vớt ở sông lên (theo lời của nhân-viên Đội Tuần Giang) và xem xét kỹ dấu nước ở hai món tang vật đó. Máy bạn đồng nghiệp ở sở này qua lại mỉm cười, có lẽ họ cho Hắc làm những việc thừa và non nớt. Xem xét khá lâu, biên chép các điều cần thiết xong, tôi và anh ra về. Bắt đầu từ tối hôm đó, Hắc bắt tôi ra bờ sông ngồi câu cá với anh từ 5g30 cho tới 11 giờ đêm, lúc ở bến đò ngang này, lúc ở bến kia suốt dọc bờ sông từ cầu Hạ-Lý lên tới ngã ba sông. Tam-Bạc sau chợ Sắt. Trong khi ngồi câu cá, anh để ý đến chiều nước lên xuống, anh đếm từ chuyển đò ngang và nhận xét từ người khách, qua đò, ghi chép giờ phút và mọi sự mọi cử động của họ. Ban ngày thì anh lang thang khắp các khu phố từ nhà nạn nhân đến phố Ba Ty, Phố Khách, đường Đông-Kinh. Ban đêm thì ra bờ sông câu cá. Cứ đều đặn như vậy đến 15 bữa.

Đến tối hôm ấy, trong khi ngồi câu với tôi, Hắc lăm lăm tính toán chiều nước lên xuống, xem lại mực nước sức chảy của con nước rồi kéo tôi lại gần và nói :

— Xong rồi đại ca ơi ! Mục tiêu của chúng ta đã có rồi ! Cái ví của nạn nhân do một kẻ vô danh đã liệng xuống sông này từ bến đò thứ 2 tức bến ở đầu phố Bắc-Ninh sang bến Vĩnh - Xương Hạ-Lý. Còn cái gói áo có lẽ được « hạ thủy » từ cái cống bờ sông sau phố Ba-Ty. Căn cứ vào vết nước ngấm ở 2 món đồ, căn cứ theo chiều nước xuống và sức nước chảy thì bài toán của tôi không sai « một ly ông cụ » ! Như vậy, án mạng đã xảy ra ở khu này. Đến nay mà chưa thấy xác nạn nhân nổi lên tức là xác đó không có ở

dưới sông. Có thể nạn nhân còn sống và bị giam cầm ở gần đây, hoặc đã chết thì xác đã chôn giấu không xa lắm. Từ nay ta « đóng đô » ở khu này cho vui.

Tôi nghe hợp lý vì sẵn tin ở tài của Hắc nên tỏ ra đồng ý. Từ hôm đó tôi và anh chỉ câu cá ở nơi bến đò Vĩnh-Xương và chỗ gần cửa cống.

Thời gian trôi mau, chốc đã hơn một tháng. Tại ba cơ quan bạn, các tay thám tử lành nghề đối thủ đáng ngại của chúng tôi đều đã bỏ cuộc hoặc thở « hắt ra » vì không thu được kết quả gì khả dĩ đáng « đồng tiền bát gạo » !

CON CHUỘT BẮT ĐẦU.. THÒ ĐUÔI !

Trong khi các cơ quan bạn thi nhau bắt bớ, tra hỏi các tên lưu manh du-đăng trộm cắp, thổ phỉ ở khắp miền Duyên Hải và cuối cùng... xếp hồ sơ rắc rối đó vào một xó thì Hắc và tôi vẫn kiên nhẫn làm cái việc của ông cụ Khương-Tử-Nha thời Phong-Thần, buông câu ở sông Vị Thủy. Chúng tôi không vớ vẩn câu tầm phơ như cụ Khương Thượng mà câu thực sự với hai mục đích : câu cá úc về om với lẩu-xì và tìm dấu vết của hung thủ để kiểm xác nạn nhân.

Tối lại, mưa phùn gió bắc nên mới độ 6 giờ mà trời đã tối đen. Nhìn đám người đứng chờ đò ngang sang bến Vĩnh-Xương, Hắc hắt hàm bảo tôi :

— Này, cậu có để ý đến cái anh chàng vận quần nâu màu gạch non, áo vét màu xanh « ve bu-tây », đầu chải bóng như phết mỡ, tóc mai rậm và nhọn hoắt kia không ? Trông có vẻ là thợ cạo lắm ! Cậu nhìn kỹ, lần nào xuống đò hẳn cũng ngồi phía sau cô lái và thò tay xuống nước, luôn trông về phía nước chảy xuôi xuống cửa sông.

Tôi chú ý, khi đò nhỏ sào thì cái anh chàng có vẻ thợ cạo ấy đã có những động tác đúng như lời Hắc nói ! Rồi bao nhiêu ngày sau, theo dõi vẫn thấy hắn vẫn có cử chỉ ấy, tôi nghĩ thầm : ngồi thế kia mà khê thả cái ví xuống sông thì không ai trông thấy được. Tôi hỏi rõ dự đoán của Hắc, anh cười và đáp :

— Không phải thủ phạm đâu ! Hắn chỉ là vai phụ, hắn sẽ dẫn đường cho ta đến phạm trường. Tôi đã rõ, hắn làm thợ uốn tóc ở hiệu Hoa Nhân ở phố Khách đấy ! Tiệm này vừa hót tóc đàn ông vừa uốn tóc phụ-nữ, có tín nhiệm với nhiều khách sạn ở khu này. Ngoài nghề hót tóc và uốn tóc, tiệm này còn là nơi chứa bạc, chuyên đánh mặt - chược trên gác, ăn thua lớn.

— Vậy có gì liên hệ đến vụ này ? Tôi hỏi. Không lẽ đối tượng của ta lại là cái tiệm hót tóc ?

— Hân là thế, còn có lẽ gì nữa. Tôi có đủ bằng chứng là nạn nhân đã ở tiệm uốn tóc Hoa Nhân đó vào buổi sáng hôm ấy.

Nghe Hắc nói tôi cũng biết vậy, thực ra tôi chưa hiểu lý do. Tôi chỉ ước đoán rằng Hắc đã căn cứ vào tính thích mặt-chuộc của nạn nhân mà cho rằng nạn nhân đã đánh bạc ở đây và có lẽ đã bị bọn thổ-phỉ thủ-tiêu để cướp số bạc nạn nhân mang theo.

Chúng tôi vẫn tiếp tục câu cá tại khu bờ sông này và chú trọng đến mọi người, mọi hoạt động quanh đó.

Một tối nọ vào độ 2 giờ, Hắc ngồi xích lại gần tôi và chỉ :

— Cậu coi, cái anh chàng đẩy xe rác kia làm việc rất đúng giờ, tối nào cũng vậy, cứ giờ này là y đem rác ra đổ ở cửa cống, mà lần nào cũng thế, cái số rác đổ ra cũng nhiều và phần lớn là giấy vụn. Tôi đã biết y làm công trong tiệm uốn tóc, làm gì mà nhiều giấy vụn thế ! Tôi đã khám xét kỹ đồng rác đó mỗi khi y đổ xong ra về song chả có gì khác. Hôm nay đến phiên cậu, hể hân đẩy cái xe bò 2 càng kia về thì cậu lợi ven kè đá này, đến xem xét coi may ra vớ được cái bàn tay, cái đùi hay cái đầu của nạn nhân thì... thì ăn hát một đêm !

Theo lời hân, tôi chờ cho anh đẩy xe bò quay về và nhất là chờ cái ông Cảnh-Bình đứng gác gần đó đi khỏi, tôi vội men bờ sông đến cửa cống. Đồng giấy đổ xuống cửa cống một phần lớn đã trôi theo giòng nước, còn số ít vương trên bùn. Cầm cái gậy có móc sắt quơ xuống giòng nước cống đen xì, không có gì lạ, tôi nhặt một nắm giấy lớn đem lên coi, thấy đều là giấy nhật trình cũ và giấy bản hạng xấu, có

mảnh thì cắt bằng kéo, có mảnh xé, không có miếng nào lớn quá hay nhỏ quá, sần sần đều cỡ như nhau, xem kỹ thấy không có dấu vết gì chứng tỏ là giấy gói đồ hay lau chùi gì.

Tối hôm sau cũng vào giờ ấy, anh chàng xe rác lại thông thả đẩy xe qua mặt viên Cảnh-Bình đem ra dốc mạnh rác xuống giòng nước cống. Hoạt động này có lẽ vẫn xảy ra từ lâu nên viên Cảnh-Bình cũng coi thường, chả thèm để ý. Tôi lần mò đến, lượm một nắm giấy đem về định đưa đến phân chất. Hắc cười và nói :

— Rõ vớ vẩn, có khi khô gì mà giáo nghiêm, anh làm ơn coi kỹ hộ tôi xem có những mảnh giấy giống với giấy đã lẫn vào gói áo của nạn nhân mà người ta đã vớt được ở sông không.

Tôi sức nhớ và so sánh, thấy cùng một loại, cùng một cỡ với mấy mảnh giấy lẫn vào gói áo của Si-mon trôi ở gần cầu. Phán Hắc chỉ cười ha hả, vỗ vai tôi mà nói như ca vọng cổ :

— Trời đất ơi ! thế là cái đuôi chuột đã bắt đầu thò ra khỏi hang rồi ! !

CÁI XÁC ƯỚP KHÓ ĐIỀU QUA MẶT CẢNH BÌNH,

Đêm nay Lễ Giáng-Sinh. Đêm Nô-En ở miền Bắc thật là vui vẻ đầm ấm, thiên hạ tấp nập qua lại, nhà nhà đều treo đèn kết hoa đón mừng Chúa Hải-Đông giáng thế. Trong khi mọi người nhớn nhoe quần lành áo tốt tùm năm tùm ba lủ lượt trên các nẻo phố phường thì trong một con thuyền nát trên sông Tam-Bạc có hai kẻ áo toai nón lá cặm cụi quần lượt rết run lập cập dưới làn mưa phùn nhẹ hạt ! Hai ngư phủ ấy chính là tôi và Phán Hắc.

Tại sao lại thay hình đổi dạng như vậy. Xin thưa : chúng tôi bị lộ vì mấy tay «cóm chùng» bên Sở Liên Bang đã để ý theo dõi chúng tôi. Nếu để họ bắt thì hỏng mất kế hoạch và có khi họ phỗng tay trên mất con mồi mà chúng tôi săn được từ 45 ngày nay.

Đợi đúng đêm lễ Giáng-Sinh này, tôi và Hắc định lên vào tiệm Hoa-Nhân để giải thoát cho nạn nhân nếu còn sống và bị sinh cầm, hoặc thu thập bằng chứng để thanh toán vụ này trước khi Sở Liên-Phóng đánh hơi thấy.

Chúng tôi đã xếp đặt, cử hai nhơn-viên giả dạng bán đậu phụng rang và tài phó ở hai đầu phố gần tiệm uốn tóc, chờ khi tên xe rác ra thì lên vào nhà làm nội ứng. Khi chúng tôi lên vào được thì họ ở ngoài «cản» hay



bắc vệ chúng tôi lúc rút lui. Có một điều rất bức mình là tại bót gác ở bờ sông mọi tối chỉ có một viên Cảnh-Binh, tối nay lại tăng cường lên 4 người ngồi cần hạt dưa và tán chuyện vui như Tết. Cái chương ngại vật này cần phải tạm thời di chuyển đi một giờ, chúng tôi lấy thêm người, cho tổ chức một cuộc ấu đã ở đầu phố để «thối» 4 Cảnh-Binh ấy cho được việc. Cuộc đại náo này được giao cho «Chín Sừng», một điểm chỉ viên. Theo kế hoạch thì khi nào anh chàng đẩy xe chở rác từ sân sau tiệm Hoa-Nhân ra đường hẻm để tới bờ sông thì anh «hán đậu phụng» sẽ rao lớn và thổi một bài tiêu thật mùi. Nghe hiệu lệnh đó, Chín-Sừng sẽ khởi cuộc ấu đã tại đầu phố trên, Cảnh-Binh kéo nhau đi can thiệp là tôi ghé xuống vào cho Hắc lén đột nhập vào tiệm uốn tóc (Nên biết: bót gác cố định của Cảnh-Sát tại bến đò chỉ cách tiệm uốn tóc đó chừng 30 thước).

Chuyện đời lắm lúc thật oái oăm, mình tính một đường nó lại biến ra một nẻo! Cái rủi nhiều lúc lại hóa ra may y như chuyện «Tái ông mất ngựa» vậy.

Sắp đặt như thế tưởng là chu đáo lắm rồi, nào ngờ chỉ vì sự kém khôn ngoan của một nhân-viên phụ lục, anh đóng vai bán đậu phụng rang lớn quá thể nào lại bị xe tuần tiểu của Sở Liên-Bang tóm cổ lôi đi mất! Chúng tôi biết mà đành chịu. Chín Sừng chờ mặt hiệu mãi mà không thấy gì, cho anh em giải tán và chúng tôi cũng thở dài định ra về. Một điều mà chúng tôi thắc mắc là không rõ vì lẽ gì mà tối nay không thấy xe chở rác ra đổ như mọi tối, Hắc cho rằng đã bị lộ nên chúng tôi đổi chiến lược.

Chuông nhà thờ đổ liên hồi báo hiệu giờ Rê-vây-ông đã tới, đường phố ít người qua lại vì giờ ấy đều tựu lại các nhà thờ. Chúng tôi đứng lên đẩy xuống sấp vào bờ thì bỗng thấy tiếng rít của cánh cửa sắt từ phía sau tiệm Hoa-Nhân phát ra, rồi tiếng lộc cộc của bánh xe bò nghe rất quen thuộc! Hắc mừng quá nói nhỏ:

— Còn hy vọng, hay quá, cho thuyền sang phía bên này để tôi liệu cách lên vào may ra «lọt» đấy!

Tôi nhìn lên bến đò thấy 4 Cảnh-Binh vẫn ngồi trước chòi canh và vẫn cười nói vui vẻ tỏ ra chưa ngủ gật.

Dưới ánh đèn đường vàng vọt, chúng tôi nhìn rõ cái xe bò đang từ phố Ba-Ty ra phía bờ sông, Hắc ngạc nhiên nhìn tôi vì thấy có thêm một người đẩy xe phía sau. Khi qua chòi canh của Cảnh-Binh, anh chàng kéo xe phía trước vẫn cười chào mấy thầy Cảnh-Binh, như mọi lần, hần xuyết xoa kêu rết! Các thầy

Cảnh-Binh đang vui chuyện nên chẳng đáp lại. Đêm nay rét thật, có lẽ vì thế mà cái xe lăn có vẻ chậm chạp hình như có vẻ nặng nề hơn mọi khi.

Do tình hình đặc biệt của hồi đó nên vấn đề vệ sinh trong thành phố không được chú trọng, mấy đường nhỏ, hai bên bờ sông là nơi tự do phóng uế và đổ rác, chỗ nào cũng có đồng rác cao như dãy đồi, liên tiếp dọc theo bờ sông. Cũng như mọi đêm anh xe rác không bao giờ chịu đổ ở mấy đồng rác gần chòi canh, có lẽ y sợ mất lòng mấy thầy đội xếp luôn luôn có mặt tại đó, nên y kéo xe ra gần miệng cống cái và đổ thật mạnh cho rác tung xuống nước chảy tuốt ra sông.

Đêm nay anh chàng xe rác này sợ rét nên làm việc rất mau lẹ, tới miệng cống y vòng thật nhanh và lùi lại cho thùng xe sát kề đá, y mở tấm ván phía sau và chạy vội ra phía trước phụ lực với anh kia cầm càng xe giờ lên thật mạnh, rác và giấy trong xe đổ tuốt xuống giòng nước cống đang chảy xiết! Xe rác vừa đổ xong là hai anh này vội vã kéo xe chạy về rất mau.

Hắc quay lại hỏi tôi;

— Cậu có thấy gì lạ không? Có vật gì nặng từ trong xe rơi xuống nước theo với đồng rác và giấy, cậu không thấy nước bắn tung lên đó à? Muốn ăn «bít tết» thì cho xuống sang miệng cống mau lên!

Xuống vừa lách vào luồng nước từ cống chảy ra Hắc lấy cuộn giấy có 3 cái móc sắt quăng sát vào miệng cống rồi từ từ kéo sát vào mạn xuống, kéo được nửa chừng, Hắc kêu khẽ:

— Đứng rồi cậu ơi, cái gì mà nặng quá, không lẽ... xác người à?

Tôi từ đằng lái nhảy lại phía mũi xuống, cầm cái móc bằng cây sào chọc xuống phía 3 dây móc rồi cùng từ từ kéo lên. Bỗng nhiên tôi dựng tóc gáy, một xác người đen thui lộ trên mặt nước sát mạn xuống, tôi sợ quá loạng choạng ngã phịch xuống sập làm cho cái xuống trông tránh gần úp sấp!! Hắc nghiêng răng máng tôi: con khỉ! Đám thuyền bây giờ! cầm lấy chân nó, mau không tụt xuống sông thì... bỏ ai mò được!!!

Mặc cho Hắc máng, chửi, tôi ngồi run lên như phát sốt, không cử động được nữa.

Hắc nhẹ nhàng cầm cái giây đánh thông lọng quăng vào cổ cái xác rồi cột vào mạn xuống. Tôi cho xuống vào sát bờ, cầm sào thật chặt tại đó.

Lúc này trên đường vắng tanh, mấy thầy Cảnh-Binh có lẽ cũng đi uống cà-phê ở trong phố. Tôi chiếu đèn, Hắc thò tay xuống sông lần lần cầm chân xác chết kéo lên! Hắc xem từ đầu tới chân xác rồi bảo tôi:



— Này, cậu sờ mà xem ! Xác phôi khô à ? đen thui và rắn như... đùi thịt dăm-bông ấy cậu ạ ! Đúng nạn nhân rồi !

Lúc này tôi đã lấy lại bình tĩnh và xem kỹ, thấy đó là xác người đàn bà tóc ngắn, quần trong cái màn màu nâu, toàn thân đen thui nên không nhận diện được. Sờ vào xác thấy rắn chắc như con sâm Cao Ly vĩ đại !

Xem xét xong Hắc mới thở dài đứng lên rút thuốc lá ra hút và giơng giạc ra lệnh :

— Bây giờ thì hết bí mật rồi, ta công khai thanh toán và sắp sửa lãnh thưởng rồi đi nghỉ phép cho nó « lại người ». Anh ở đây coi giữ xác. . khô này, tôi lên đồn Cảnh-Bình gọi về Sở để vây bắt cái đàn chuột sát nhân này, chắc đông lắm.

Hắc ra chòi canh của Cảnh-Bình gác bên đò vẫn còn đủ mặt 4 người lúc này. Hắc hỏi :

— Xin lỗi các thầy vừa đưa đám xong mà chưa về ư ? Có lẽ còn chờ hạ huyệt, lễ tất mới giải tán.

Mấy viên Cảnh-Bình tròn xoe mắt hỏi :

— Anh này điên à ? Ai đưa đám hồi nào ? Điên thật hay vờ đấy ? Có giấy thông hành không ? Đưa xem !

Hắc lúc đó mới móc thẻ hành sự đưa ra, cời áo tơi bỏ nón lá và cười hề hề trước sự ngạc nhiên của 4 thầy đội xếp ! Hắc ra lệnh :

— Trong khi chờ nhân-viên đến, nhờ 2 thầy lập tức ra chỗ gần cổng ở bờ sông kia, canh chừng giúp cái xác đó tới sáng. Lúc này nó « điếu » qua 8 con mắt của các thầy mà không là đi đưa đám thì còn là gì ?

MỘT VỤ NGỘ SÁT HY - HỮU MỘT CÁCH THỦ TIÊU XÁC KHÔ CÔNG PHU

Sau khi bao vây căn tiệm Hoa-Nhân và bắt cả chủ lẫn thợ trong nhà này đến trên 10 người lúc họ đang sửa soạn hành lý để về quê... ăn Tết sớm — sự thực thì họ tưởng là đã thủ tiêu xong cái xác khô kia rồi thì mạnh ai nấy trốn, mượn cớ là về ăn Tết — cuộc điều tra rất dễ dàng, mau chóng và đây là sự thực về vụ án :

— Tôi là chủ tiệm này đã lâu năm (lời khai của Đỗ Hoa Nhân chánh phạm).

Trong nhà tôi có 4 thợ hớt tóc, 4 thợ uốn tóc phụ nữ, 2 cô gái tập sự, vợ và 2 con tôi, 2 người em họ nấu ăn, một lái xe hơi (tài xế).

Tiệm tôi rất đông khách. Các bà các cô sang trọng uốn tóc, mỗi người ở một căn buồng nhỏ riêng che vải kín.

Sáng ngày 15.11.49, độ 9 giờ 15, tôi vừa ngủ dậy thì vợ tôi cho biết là khách đông quá, thợ đều mắc bận, có bà khách lạ mới tới lần đầu, muốn được uốn tóc theo kiểu tối tân, làm gấp độ 1 giờ phải xong để bà còn đi sắm đồ !

Tôi thay áo nghề xuống làm việc. Bà khách này còn trẻ đẹp, có vẻ sang trọng, giàu và khó tánh. Tôi mời bà vào cái buồng uốn tóc thứ 6 ở cuối dãy gần lối xuống bếp. Các máy uốn và sấy tóc của tôi đều tốt tuy đã có loại đã cổ rồi, song loại ấy dùng khi làm gấp lại rất tiện, đó là loại « máy dây » (1) cứ cặp thẳng vào tóc của khách, bấm nút cho điện chạy, chỉ độ 2 phút là được, vì nóng mau. Sau khi chia, cuốn tóc cho bà ta xong, cô thợ phụ cặp máy vào tóc, tôi soát lại đằng hoàng mới thò tay bấm nút cho điện chạy, bấm xong tôi quay ra cầm lấy ly cà phê mà anh bếp đang cầm chờ sẵn. Cô thợ phụ đang cúi húi cạo sửa la-va-bô.

Tôi uống 3 ngụm cà phê, quay vào buồng uốn tóc thấy... ánh điện xanh xẹt từ cái đầu dây ra, biết là bị hồ điện « mát », tôi vội tắt máy, quay lại nhìn mặt bà khách thì... trời ơi ! mặt bà trợn lên, nước da mặt xám đen, không còn cử động nữa ! Bà ta đã bị điện giật mà chết ngay tại chỗ không kêu một tiếng ! Cái máy dây cổ điển khốn nạn đó nó làm hại tôi đáng lý phải vứt nó vào thùng rác từ lâu rồi, tại mấy cô thợ lười biếng kia cố giữ nó là tiện lợi khi làm gấp ! !

(1) Loại « máy dây » này tiện dụng, nhưng rất nguy hiểm nên từ lâu nay các tiệm uốn tóc không dùng nữa và tai nạn không hề xảy ra.

Việc này thiệt là vô phúc cho cả chủ lẫn khách, tôi sợ quá không còn biết làm gì nữa. Lúc ấy không dám kêu, không dám nói lớn sợ các bà khách ở buồng bên cạnh nghe thấy. Tôi đang lúng túng thì có anh Mưu thợ bốt tóc từ ngoài đi vào, rõ tự sự liền bàn rằng : hãy vác bà khách này xuống bếp, lấy chân phủ kín, sau sẽ liệu. Nếu hô hoán lên lúc này thì cả nhà bị tù, mất cả dịp làm Tết. Tôi quần trí nghe theo. Cả nhà tôi, chủ cũng như thợ đều sợ tái mặt, không ai dám quyết định ; trình báo cũng chết mà không trình thì hóa ra tội nặng và rồi làm sao mà vớt được cái xác này đi cho êm thấm !!

Tôi như mất trí ; có tên Mưu này vốn là tay «anh chị» đã quen với chém giết nên nó tỏ ra bình tĩnh, nó bàn rằng : hãy tạm để cái xác chết lên trên ống khói phía trên bếp lò, như vậy nó không chường phình, lâu mới thúi ; chờ mấy bữa nếu yên thì sẽ tính việc vớt xác xuống sông, tôi nghe theo.

Nhà tôi có cái bếp lò đốt bằng than đá hoặc than luyện bùn, rất lớn, cháy suốt ngày vì cần có nước nóng cho khách gội đầu và tắm, phía trên bếp là cái giàn dùng để sấy đồ khi trời mưa, lúc nào cũng nóng và khói. Cá xác để lên đó vừa vụn, nếu không chú ý thì ít người trông thấy. Nhà tôi thường chứa khách đánh bài mạt-chược, họ xuống cầu tiêu ở cạnh bếp luôn luôn, tôi sợ có mùi hôi nên mua thật nhiều cá khô, tôm khô treo trên giàn bếp, xác chết phủ bằng bao tải, vào bếp chỉ thấy mùi cá khô.

Qua 3 ngày, không thấy ai dò hỏi gì về nạn nhân, tôi hơi yên tâm, nhưng cái bụng xác lại chường lên, có nước vàng chảy ra, tôi cho mua giấy bản về lót, mỗi ngày mấy thùng giấy. Cứ đến đêm thì tên Mo em tôi, phải dùng xe ba gác chở giấy ra đổ ở bờ sông chỗ cống nước chảy mạnh.

Đêm hôm thứ tư, tên Mưu mổ bụng nạn nhân lấy hết ruột gan bỏ vào cái thùng dầu hỏa, gắn kín, lột hết quần áo nạn nhân ra, bọc xác bằng mấy cái bao bố cho khói dễ ám và sấy xác chống khô. Tối hôm đầu khi xảy ra tai nạn này, tên Mo đã gói cái áo măng tô của nạn nhân, để vào xe rác, phủ giấy xé vụn đem ra đổ ở cống. Còn cái ví của bà ta, tôi không để ý nên không rõ có những gì, mãi sau mới biết là chính tên Mưu đã giữ, và lấy hết tiền rồi vớt ví đó xuống sông Tam Bạc khi hắn đi dò ngang về nhà vào đêm hôm xảy ra vụ này.

Xác chết khô dần song vẫn có mùi hôi. Một hôm ngồi đánh mạt-chược nghe một người Tàu nói về cách làm dăm bông và lạp xường, cần có món bạch diêm xát thoa vào thịt thì không bao giờ thối. Tôi biết thế vội cho mua



KINH, THƯỢNG MỘT NHÀ

N ƯỚC non một nước non nhà,
Đồng-bào Kinh-Thượng đều là công-dân.

Nắm tay siết chặt tình thân,
Cùng trong Ninh-thuận bạn gần đâu ta !

Từ lâu sản-phẩm lại qua,
Bà-râu, Tân.Mỹ, Sông-pha chợ trời.

Đã từng quen biết nhau rồi,
Mặt ong mang xuống, mắt mồi đem lên.

Thù chung Phong, Thực há quên,
Đã làm ly-gián bạn hiền đôi ta...

Ngày nay Chính-thể Cộng-hòa,
Đây Kinh, đó Thượng, con nhà Việt-Nam

H. S. T. (Phanrang)

thật nhiều bạch diêm rắc vào trong bụng nạn nhân, quả nhiên bớt mùi thối và không chảy nước nữa.

Để bịt miệng thợ trong nhà tôi họp chúng lại, cho chúng mỗi người hai tháng lương và phải đe dọa rằng : nếu nói lộ ra thì ở tù cả lũ, có khi bị bắn nữa. Vậy mọi người phải kín miệng cứ đi làm ăn như thường. Ai túng thiếu cứ việc đến hỏi tôi sẽ chu cấp đầy đủ, khi nào vớt được cái xác đó đi xong xuôi, tôi sẽ bán tiệm và giải tán. Thế là êm chuyện.

Từ đó, tôi bị phá sản vì bọn thợ này, chúng mè nheo luôn, bao nhiêu tiền tôi cũng phải đưa đủ số. Khách hàng thưa dần, thu ít tiêu nhiều nên sạt nghiệp.

Việc thủ tiêu xác gặp nhiều trở ngại, chỉ có cách chặt ra từng mảnh rồi cho vào xe rác vớt dần xuống sông. Nhưng nhà tôi lại gần đồn Cảnh Binh canh gác suốt ngày đêm. Để che mắt mấy thầy này, tôi cho mua thật nhiều giấy báo cũ, giấy bản cắt xén vụn ra trộn lẫn với rác lấy ở các nhà bên cạnh, đêm đêm sai tên Mo chở ra đổ ở miệng cống cái, bờ sông. Mấy lần đầu các Cảnh-Binh gác ở

đó có khám xét, nhưng từ sau trở đi họ quen mặt nên không nghi kị và khám xét gì nữa.

Hai tuần sau tôi cho vớt được cái thùng đựng ruột gan của nạn nhân xuống sông, còn cái xác tuy đã khô song nặng quá rất khó tính toán. Khi chúng tôi định để xác vào đồ xuống cống thì tên Mưu cho biết: Có 2 người rất khả nghi đêm nào cũng ngồi câu cá ở khu gần cống, tôi sợ nên còn chần chờ chưa làm ngay. Sau khi bàn định kỹ, tôi lợi dụng đêm Nô-En này, người ta ăn chơi ít để ý, sẽ dễ bề thực hiện.

Mấy đêm nay, tên Mưu đã dò la cẩn thận không thấy 2 người câu cá mọi khi, tôi đặt xác vào xe, trên phủ rác và giấy, định cho xe đi từ 10 giờ đêm song thấy tên bán đậu phụng rang cứ lờn vờn ở cửa, tôi sợ không dám làm. Đến khi xe tuần tiểu của Sở Mật-thám bắt tên bán đậu phụng đi rồi, chúng tôi mới yên tâm, chờ lúc có chuông nhà thờ, phố xá vắng, tôi mới cho xe ra.

Việc làm được trôi chảy mau chóng, tưởng đã êm rồi, định tâm sáng hôm sau bọn thợ và tôi sửa soạn va-ly về quê, vợ tôi ở lại bán tiệm sẽ về sau, nào ngờ lại bị bắt, thế ra các ông theo dõi tiệm tôi từ lâu mà chúng tôi không biết! Việc này thực là một tai nạn do sự vô ý của chúng tôi mà thôi, tôi không hề cố ý giết bà ta để đoạt tiền!

Sau khi nghe tin chúng tôi đã bắt được thủ phạm, kiếm được xác nạn nhân, hai cơ quan bạn đều sang chứng kiến, tỏ lòng thần phục tài độ thám, trí xét đoán và lòng kiên nhẫn của Hắc. Họ chịu thua cuộc thi đua song đòi dự một châu khao bằng số tiền thưởng. Tối hôm dự tiệc « khao quân » mừng sự đắc thắng, tôi hỏi Hắc, anh cho biết:

— Có gì là kỳ diệu đâu, đập xe mấy ngày là biết rõ bà ta (nạn nhân) đã đi xích-lô từ nhà đến trước khách sạn Paris, rồi từ đó tới phố Ba-Ty và vào tiệm uốn tóc, về điểm này thì do bọn « móc túi » cung khai, vì chính bọn Tám Sứt đã theo bà ta định giết vì tiền nhưng không « trúng biểu », sợ Cảnh-Bình ở bót bờ sông. Đã biết được thế thì sự định hướng của phạm trường đâu có khó, nhất là đã đoán được 2 món đồ của nạn nhân trôi từ đâu tới. Có một điểm mà ta đoán sai là: Ta yên trí bà ấy bị bắt cóc tại sông mật chược, ai ngờ bà ta lại bị chết vì điện giật, kể ra mình còn « dẫn » lầm lẫn!

Lời tác giả.— Địa danh, tên người và mọi tình tiết trong câu chuyện này đều hoàn toàn tưởng tượng, nếu có điểm nào trùng đồng là ngoài ý muốn của tác giả.

NGUU-LANG

SẢN - PHẨM NHỰA HÓA - HỌC

VIETNAM INDUSTRIAL CORPORATION

VIỆT - NAM CÔNG - NGHIỆP CÔNG - TY

Xưởng :

57, đường Lê-Quốc-Hưng
Khánh-Hội — Saigon
Đ. T. 611 Sg.

Văn phòng

117, đại-lộ Lê-Lợi
Saigon
Đ. T. 20.652

CHUYÊN SẢN - XUẤT :

POLYETHYLENE BAG
FLEXIBLE PIPE
VINYLON
VINAFILM
POLYFILM

Bao kiến dẻo (Túi Nylon)
Ống dẫn nước loại đen
Giấy cước Nylon Monofilament
Vải áo mưa P. V. C.
Vải kiến dẻo Polyethylene

Những sản-phẩm này, đã được sự tín nhiệm của khách hàng trong nước.

(Tiếp theo)

Ngòi lửa chiến - tranh thứ 3 ?

giữa Tây Bá-Linh và bên ngoài đều bị gián đoạn. Nhà cầm quyền quân sự Nga-Sô đã nêu ra lý do « khó khăn kỹ thuật ». Từ đó chỉ còn phương tiện duy nhất là đường hàng không để tiếp tế cho hơn 2 triệu dân chúng của Tây Bá-Linh : chúng ta đã chứng kiến một trường hợp tàn nhẫn dùng sự đói rét làm áp lực chính trị của Nga cũng như một cây cầu hàng không khổng lồ để đối phó của Đồng minh Anh, Pháp và Hoa-Kỳ. Ngoài ra nhất là tinh thần của dân chúng Tây Bá-Linh còn làm cho cả thế giới thán phục,

Trong lúc cuộc phong tỏa đang tiếp diễn, các Đồng minh Tây phương vẫn không ngừng tranh đấu ngoại giao và đến năm 1949 với các cuộc tiếp xúc không chính thức giữa các đại diện Nga và Hoa-Kỳ tại Liên Hiệp Quốc, Nga Sô thỏa thuận chấm dứt cuộc phong tỏa. Đó cũng là vì nhận thấy cuộc phong tỏa không gây được áp lực chính trị nào đối với các nước Đồng-Minh Tây phương cũng như đối với dân chúng Tây Bá-Linh mà chỉ làm cho tình hình thế giới thêm căng thẳng mà Staline phải ra lệnh chấm dứt nó vào ngày 12 tháng 5 năm 1949.

Từ ngày chấm dứt cuộc phong tỏa đến năm 1958 tình hình Bá-Linh có một ổn định tuy vẫn còn những vụ khiêu khích, rồi rầm lạt vật do nhà cầm quyền Đông Đức gây ra. Trong Hội-nghị Tứ cường ngày 25 tháng 1 năm 1954, Nga có đưa đề nghị đòi các nước Đồng minh Tây phương phải rút lui quân lực ra khỏi Đức và cấm nước này không được gia nhập liên minh quân sự nào, để cho hai chính phủ Đông và Tây Đức trực tiếp thương thuyết về vấn đề thống nhất. Đề nghị này là dĩ nhiên bị tam cường bác bỏ. Tuy nhiên tình hình Bá-Linh vẫn chưa đi đến chỗ quá gây căng vì Nga đang bận tâm về các vấn đề nội bộ : Staline chết ngày 5 tháng 3 năm 1953, các cuộc tranh chấp quyền bính, chiến cuộc Cao Ly, gây ảnh hưởng tại các nước Á-Phi và Nam Mỹ.

Nhưng đến tháng 11 năm 1958. Khrustchev lại tuyên bố tại Ba-Lan : « Nga-sô sẵn sàng chấm dứt việc chiếm đóng Bá-Linh và ký kết hòa ước với Đông Đức », Lời tuyên bố này có nghĩa là sự kiểm soát ra vào Tây Bá-Linh sẽ do nhà cầm quyền Đông-Đức đảm nhiệm và vì không bị ràng buộc bởi một hiệp ước nào với Tây Phương, Đông Đức có quyền đòi hỏi chủ quyền về lãnh thổ Tây Đức.

Trong thời gian này, chúng ta cũng cần nhắc lại là Tây Đức được gia nhập vào tổ chức « Bắc Đại Tây Dương » và Đông Đức vào tổ chức « Varsovie ».

Theo quan điểm của Nga, cách giải quyết hợp lý nhất là sát nhập khu Tây Bá-Linh vào Chính-phủ Cộng-Hòa Dân-chủ Đông Đức vì nó nằm trong lãnh thổ của Chính phủ này. Tuy vậy cũng cần có giai đoạn chuyển tiếp và Nga đề nghị tạo Tây Bá-Linh thành một « thành phố tự do » phi quân sự, có một quy chế chính trị độc lập, không có sự can thiệp của một quốc gia nào khác kể cả Tây lẫn Đông Đức.

Ngày 10 tháng 1 năm 1959, Nga-sô lại lập lại đề nghị trên và nhấn mạnh rằng các Đồng-minh chiến thắng Đức quốc không thể nại quyền chiếm đóng để duy trì sự hiện diện của lực lượng mình tại Bá-Linh và chỉ có những nước muốn dùng Tây Bá-Linh làm bàn đạp để

QUÁI VẬT ĐÃ GÂY KHỦNG-HOÃNG Ở BÁ-LINH



tấn công chống Liên-sô và Chính phủ Cộng-Hòa Dân Chủ Đông Đức mới tiếp tục duy trì tình trạng hiện tại ở Bá-Linh. Duy trì tình trạng ấy có nghĩa là cố ý biến cuộc chiến tranh lạnh thành cuộc thế giới chiến tranh thứ ba thật sự. Nga sô vẫn cố gắng giải quyết vấn đề Bá-Linh bằng đường lối thương thuyết hòa bình với các nước có trách nhiệm và tin tưởng rằng Tây Bá-Linh nếu trở thành một « thành phố tự do » thì hoà bình ở Âu-Châu mới tồn tại lâu dài được.

Trước yêu sách của Nga-sô để sửa đổi quy chế Bá-Linh nhằm hất chân các lực lượng Đồng-Minh Tây-Phương ra khỏi thành phố này, phản ứng của Tây Phương là tăng cường quân lực đồn trú tại Tây Bá-Linh.

Tháng năm năm 1959, các Ngoại-trưởng Tư Cường lại họp tại Genève về vấn đề Bá-Linh. Tại Hội-nghị này, mặc dù các Đồng-Minh Tây-Phương tỏ ra nhượng bộ về việc giảm quân số đồn trú tại Tây Bá-Linh và các vấn đề do thám và tuyên truyền chống Cộng nhưng Nga-sô cho rằng những nhượng bộ ấy không giải quyết được vấn đề Bá-Linh. Cuộc tiếp xúc riêng giữa hai Lãnh tụ Hoa Kỳ và Nga tại trại David ngày 27 tháng 9 năm 1959, mặc dù Tổng Thống Eisenhower và Krustchev đã thỏa thuận nguyên tắc thương thuyết của vấn đề Bá-Linh, nhưng cũng không đưa đến kết quả nào cụ thể. Trong lúc ấy, mầm chia rẽ giữa các nước Đồng Minh Tây Phương bắt đầu bằng sự phản kháng của Tổng Thống De Gaulle và Thủ Tướng Adenauer cho rằng cuộc thương thuyết với Nga sô về vấn đề Bá-Linh trong hoàn cảnh hiện nay chỉ đưa đến sự nhượng bộ vì Tây Âu chưa đủ lực lượng và sức mạnh để tham dự cuộc thương thuyết với Nga sô trên căn bản bình đẳng cũng như vẫn còn tùy thuộc sự che chở của Hoa Kỳ.

Nhưng sang năm 1960, thái độ của Hoa Kỳ trở lại cứng rắn và các nước Đồng Minh Tây Phương lại thỏa thuận nguyên tắc không nhượng bộ trong vấn đề Bá-Linh nữa mặc dù vẫn nhận mọi cuộc thương thuyết với Nga sô về vấn đề này. Tình hình Bá-Linh càng căng thẳng trở lại. Hội nghị tối cao giữa Tư cường tại Ba Lê hồi tháng 5 vì vụ U2 của Hoa Kỳ, lại thất bại.

Kịp đến ngày Chính phủ Kennedy lên cầm quyền tại Hoa Kỳ, chính sách của nước này nhằm nỗ lực thắt chặt sự đoàn kết giữa các nước Đồng Minh Tây Phương và củng cố khối Bắc Đại Tây Dương, do đấy mà cuộc gặp gỡ tại Vienne giữa Kennedy và Krustchev về vấn đề Bá-Linh không đưa đến một sự thỏa thuận nào làm giảm tình trạng căng thẳng giữa Đông và Tây. Ngày 25 tháng 7 năm 1961, Tổng Thống Kennedy tuyên

bổ cương quyết bảo vệ Bá-Linh và xin áp dụng các biện pháp : tăng ngân sách quân lực, tăng cường quân số lực quân từ 875.000 đến một triệu, tăng cường quân số hải quân thêm 29.000 người và không quân thêm 63.000 người. Trong một thông điệp ngày 18 tháng 7 gửi cho Krustchev, Hoa Thịnh Đốn đã nêu rõ quan điểm của Chính phủ Hoa Kỳ như sau : « Hòa bình không thể tự nhiên có được với một « hòa ước ». Hòa bình vẫn được duy trì hiện nay tại nước Đức mặc dù tình trạng nước này « bất thường ». Một « hòa ước » mà xâm phạm vào sinh mạng và quyền lợi của hàng triệu người không thể mang lại hòa bình được. Một « hòa ước » xâm phạm vào những sự giao kết long trọng của 3 cường quốc cũng không mang lại được hòa bình. Một thành phố được tự do không phải vì người ta gọi nó là « thành phố tự do ». Với một thành phố cũng như với một dân tộc, tự do không có nghĩa là người ta cho nó có cơ hội chọn lựa và sống một đời sống riêng, không có áp lực kinh tế, chính trị hay cảnh sát. Dân chúng Tây Bá-Linh hiện đang hưởng thứ tự do ấy và mục tiêu của chính sách chúng tôi là tiếp tục cho họ hưởng thứ tự do ấy ».

Vào đầu năm nay trong một diễn văn đọc tại Câu lạc bộ báo chí, Đại sứ Nga tại Hoa Thịnh Đốn là Menchikov lại bày tỏ lập trường của Nga về vấn đề Bá-Linh.

Lập trường ấy có thể tóm tắt như sau :

— Nếu trong cuộc thương nghị với Mạc-tư-khoa, Tây phương dự định vận động xác nhận quyền chiếm đóng của họ tại Bá-Linh thì sẽ không có một căn bản thương thuyết nào cả.

— Nếu không thỏa hiệp với Tây phương, Nga sẽ đơn phương ký hòa ước với Đông Đức.

— Bá-Linh là một thành phố tự do, có thể có một quy chế quốc tế bằng cách lập liên lạc với Liên-hiệp-quốc và nếu cần có bộ đội tượng trưng tại đây thì nên có lực lượng của Liên-hiệp-quốc hơn là lực lượng Tư Cường.

— Không thể chấp nhận được ý niệm xem Tây Bá-Linh và Tây Đức là một thực thể.

Lẽ dĩ nhiên lập trường này của Nga bị Ngoại trưởng Hoa-Kỳ Dean Rusk bác bỏ, nhưng vẫn tuyên bố duy trì mọi liên lạc. Ông nhấn mạnh rằng chiến tranh có thể xảy ra dễ lắm nếu Nga tin rằng các nước Tây phương không sẵn sàng đối phó, các nước Tây phương cần tỏ ra cứng rắn và quả quyết, áp lực mà Nga gây ra tại Bá-Linh chỉ là một phương tiện hành động như nhiều phương tiện khác đã dùng ở Trung-Đông và Đông Nam Á ; Tây phương có lẽ không bao giờ muốn nhìn nhận

Đông Đức mặc dù Nga sẽ ký kết hòa ước riêng với Chính phủ này,

Như vậy, lập trường của hai đối phương hoàn toàn trái ngược nhau. Hội nghị Bermudes giữa Kennedy và Mac Millan cho biết là hai chính khách đồng ý để Đại sứ Mỹ ở Mạc-tư-khoa tiếp xúc với nhà cầm quyền Nga hầu tìm những căn bản cho một cuộc thương thuyết về vấn đề Bá-Linh.

Trong lúc ấy Tổng Thống De Gaulle đã tỏ ý phản đối vận động của Anh và Hoa-kỳ. Ông cho rằng chủ trương thương thuyết của Anh và Hoa-kỳ sẽ đưa đến sự nhân nhượng, mà lẽ nhân nhượng là làm suy yếu toàn bộ lập trường của Tây phương tại Bá-Linh và Trung-Âu. Thương thuyết hay không, là một vấn đề quan trọng mà hiện nay chưa biết De Gaulle và Adenauer có đi đến một thỏa thuận nào chưa? Riêng các nước khác trong khối Bắc Đại-Tây-Dương đều nghĩ rằng có hy vọng đi đến một sự thỏa thuận đáng kể với Nga bằng cuộc thương thuyết.

Trên thực tế các nước Đồng-Minh Tây Phương gần như đồng ý, trừ Pháp, cần phải thương thuyết. Đó là mầm chia rẽ giữa các nước Tây Phương mà có lẽ Nga không bỏ qua cơ hội để khai thác.

Qua sự phân tích tình hình ta nhận thấy những điểm sau đây:

— Khối Tây phương chưa thống nhất chính sách chung trong việc giải quyết vấn đề Bá-Linh và Đức Quốc.

— Hoa-Kỳ với tư cách lãnh đạo khối này vẫn cương quyết chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi cuộc khủng hoảng ở Tây Bá-Linh.

— Nhưng trong lúc ấy Hoa-Kỳ cũng không từ bỏ ý định tiếp tục thương thuyết để tìm một giải pháp thích hợp cho cả Đông lẫn Tây.



QUA sự phân tích tình hình và lập trường đôi bên, chúng ta nhận thấy rất khó mà có thể đi đến một giải pháp có lợi cho cả hai phe. Tướng De Gaulle không phải không có lý mà chống lại mọi cuộc thương thuyết với Nga về vấn đề này vì lẽ, đối với nó, các nước Tây Phương đang ở vào một thế vô cùng bất lợi, do đó mà mọi cuộc thương thuyết sẽ dẫn đến sự nhượng bộ dù ít dù nhiều.

Nga và Đông Đức bất cứ lúc nào có thể ra lệnh phong tỏa Bá-Linh và cuộc phong tỏa lần này chưa chắc các nước Tây Phương có thể chống lại bằng cây cầu

không vận vì dân số Tây Bá-Linh tăng lên quá đông đảo, kỹ nghệ Tây Bá-Linh lại bành trướng gấp bội đối với năm 1948, do đấy mà nhu cầu tiếp tế của Tây Bá-Linh có thể đạt đến mức mà không cầu không vận nào có thể thi hành được, đó là chưa kể đến những khó khăn khác mà Nga và Đông Đức sẽ gây ra cho cầu không vận sau này bằng phi cơ hay bằng các phương tiện điện tử khác.

Nhưng, dù vậy chúng ta phải công nhận rằng cả Nga lẫn Hoa-Kỳ đều có ý muốn giải quyết vấn đề Bá-Linh và Đức Quốc. Vậy chúng ta thử đoán các giải pháp tương đối mà có thể hai phe sẽ thỏa thuận để tránh cho thế giới khỏi phải lâm vào vòng khói lửa và tiêu diệt.

Trước hết chúng ta thử đặt vấn đề thống nhất nước Đức vì nếu thống nhất được nước Đức, vấn đề Bá-Linh không cần đặt nữa. Nếu Nga và Hoa-kỳ đồng ý phải thống nhất nước Đức thì ngược lại không đồng quan điểm về phương pháp thi hành. Nga muốn thành lập Bang-liên giữa Đông và Tây Đức trước khi đi đến sự thống nhất nhưng Bang-liên thế nào trong lúc dân số Tây Đức gấp hơn ba lần dân số Đông Đức và hai chế độ chính trị, kinh tế, xã hội khác nhau một trời một vực và đối nghịch nhau sâu sắc? Nếu để hai chính phủ Đức thu xếp với nhau để thi hành cuộc trưng cầu dân ý hay cuộc tuyển cử tự do trong hai vùng thì kết quả được kể như đã biết trước, và dân chúng Đông Đức chỉ chờ cơ hội này để lật đổ chế độ Pankow. Nhiều người cho rằng cả Nga lẫn Hoa-kỳ và nhiều nước Trung Âu và miền Ba-nhĩ-cán đều ngại một nước Đức thống nhất và hùng cường. Sự lo ngại này chỉ căn cứ vào dĩ vãng nhưng sau thế chiến thứ II đã cho ta thấy các nước trên thế giới đã cố kết thành hai khối càng chặt chẽ, một nước Đức dù hùng cường cũng không thể đối đầu với một trong hai khối. Chỉ có Nga rất lo ngại một nước Đức thống nhất mà theo khối Tây phương.

Như vậy giải pháp của vấn đề Bá-Linh trong giai đoạn hiện nay không thể tìm thấy trong giải pháp thống nhất Đức Quốc.

Giải pháp thứ hai chúng ta nghĩ đến là giải pháp cũng do Nga-sô đề nghị là «Tự do hóa» và «Phi quân sự hóa» thành phố Bá-Linh. Với giải pháp này, lực lượng Tứ-Cường sẽ phải triệt thoái khỏi Bá-Linh và như vậy có nghĩa là giao thành phố này cho Đông Đức, mặc dù Nga cũng đề nghị thay thế lực lượng Tứ Cường bằng lực lượng Liên-Hiệp-Quốc. Kinh nghiệm cho ta thấy các thành phố tự do như Dantzig và Trieste là đầu mối, nguyên nhân gây chiến tranh.

(xem tiếp trang 64)

Chiến tranh Ấn Độ Trung Cộng : Ấn Độ vô cùng sôi nổi.

Cuộc xâm lăng của Trung Cộng vào lãnh thổ Ấn-độ càng ngày càng gây sôi nổi trong dư luận nhân dân và chính phủ Ấn.

Quốc Hội Ấn đã họp phiên bất thường để quyết định thái độ trong khi hàng vạn nhân dân Ấn biểu tình chống Trung Cộng.

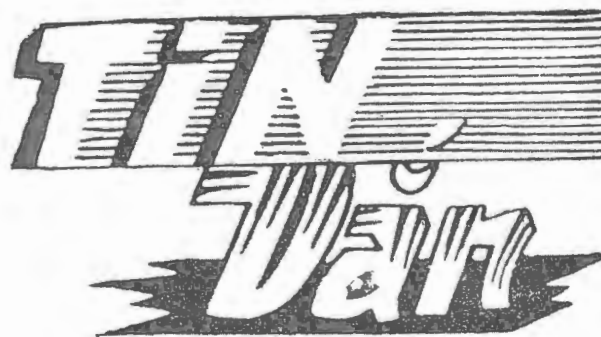
Trước Quốc Hội, ông Nehru nói : Những người thường tự nhận là chống đế quốc, nay lại theo chính sách đế quốc, Trung Cộng đã theo lối xâm lược đế quốc của thế kỷ 18. Chúng tôi uất hận và căm thù cuộc xâm lăng tàn bạo này, nhưng chúng tôi nhận sự thách đố và tất cả hậu quả có thể xảy ra ». Ông nói tiếp : « Tình hình hiện nay là một khúc quanh không những cho Ấn độ mà cho cả Á Châu và thế giới ».

Hội thân hữu Ấn Hoa giải tán

Hội thân hữu Ấn độ — Trung Cộng đã giải tán. Trong một tuyên ngôn công bố tại Tân Đê Li, bà Uma Nehru, chủ tịch, và bác sĩ Tarchand, phó chủ tịch hội này xác nhận rằng một khi Trung Cộng còn ở trên đất Ấn bằng võ lực thì không thể nào nghĩ tới tình thân hữu giữa hai nước được.

Ấn Độ đề phòng bị đội bom

Thủ Tướng Nehru cảnh cáo nhân dân Ấn rằng : Trung Cộng có thể dùng phi cơ tấn công các thành phố Ấn như Tân Delhi, Calcutta và Bombay, nhưng dù chuyện gì xảy ra, thì Ấn Độ cũng sẽ không đầu hàng được.



Thị trường thành phố Tân Delhi loan báo sẽ thành lập những ủy ban phòng thủ thụ động.

Mỹ tiếp tục phong tỏa Cuba

Một yếu nhân cao cấp Hoa Kỳ cho biết là Nga Sô đã triệt hồi 42 phi đạn ra khỏi Cuba, nhưng hiện không có một sự đảm bảo nào rằng tất cả các phi đạn của Sô Viết vừa được dời ra khỏi Cuba.

Ông Gilpatric thứ trưởng Quốc phòng Mỹ có nói : « chỉ khi nào chúng ta có được điều gọi là kiểm soát tại chỗ, bằng không thì chúng ta sẽ không khi nào tin chắc được ». Ông nói thêm là những lời cam kết của Hoa Kỳ có liên quan đến Cuba sẽ chỉ có hiệu lực khi nào Nga Sô đã hoàn toàn thực hành những sự cam kết của họ, mà hiện nay Nga Sô chỉ thi hành có một phần cam kết của họ mà thôi.

Sự thất bại của sứ mạng của phó Thủ Tướng Nga Mikoyan có lẽ khiến Tổng Thống Kennedy quyết định duy trì cuộc phong tỏa Cuba.

Hạm đội Liên Mỹ góp sức

Hải quân Mỹ loan báo đã tổ chức một lực lượng Liên Mỹ tiếp tục phong tỏa Cuba gồm có các chiến hạm của Mỹ, A.Căn-Đinh và Cộng hòa Saint Domingue để giúp vào việc kiểm soát các tàu bè vào Cuba. Cả lực lượng này đặt dưới quyền chỉ huy của đệ nhị hạm đội Mỹ.

TIN VIỆT CỘNG

Việt Cộng đào mả thi sĩ Tân-Đà

Theo tin báo chí Việt Cộng xuất bản tại Hà Nội (Tuần báo Văn Học số 217 ra ngày 21-9-1962) thì vào ngày 12 tháng 9-1962 vừa qua, Việt Cộng đã cho đào mả Thi sĩ Tân Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu rời đi nơi khác.

Hành động dã man bạo ngược này của Việt Cộng nhằm mục đích thực hiện kế hoạch bứng tận gốc nền văn hóa dân tộc trong khuôn khổ chương trình triệt hạ thanh thế uy tín và ảnh hưởng của các văn nghệ sĩ « không Cộng Sản », có danh vọng tên tuổi và có ảnh hưởng lớn trong đại chúng.

Việt Cộng trước kia trong những vụ án « Nhân văn giai phẩm », vụ án « gián điệp giả tạo » Thụy An, Nguyễn-Hữu-Đặng, vụ tù đầy 304 văn nghệ sĩ trí thức, vụ bức tử Phan Khôi, đều nhằm mục đích sát hại, tê liệt hóa, và cùm xích các nhà văn sống không chung một quan niệm văn hóa với Cộng Sản, thì nay Việt Cộng lại bắt đầu triệt hạ cả những nhà văn, nhà thơ đã quá vãng vì chúng thấy rằng ảnh hưởng của các vị này vẫn còn mạnh mẽ trong dân chúng. Nhất

là hiện nay, tại miền Bắc, do chính sách nô dịch văn hóa, Việt cộng đã làm tàn lụi tất cả mọi ngành tự do sáng tác, không khí văn nghệ trở nên tiêu điều buồn tẻ, nhân dân không có gì hứng khởi để đọc nữa, thường vẫn truyền lén cho nhau đọc những sáng tác cũ của các nhà văn nhà thơ ngày xưa mà Việt Cộng đã liệt vào những loại sáng tác tư sản, phản động và Việt Cộng đã cấm dân đọc.

Trong vụ đào mả Thi sĩ Tân Đà Việt Cộng đã bắt buộc gia đình thi sĩ đứng ra tổ chức lễ đưa di hài nhà thơ về vùng Hương Sơn, xưa kia vốn là một thắng tích, nhưng ngày nay đã trở nên hoang vu, vắng vẻ, ít có người qua lại, vì những chùa chiền ở vùng này đã bị Việt Cộng triệt hạ từ lâu.

Lúc đào mả thi sĩ Tân Đà, Việt Cộng cho một số « cán bộ văn hóa nô dịch » là Chế Lan Viên, Huyền Kiều, Nam Trân và Trương Văn Thiết là Trưởng Ty Văn Hóa Hà Đông đến tận nơi kiểm sát.

Chúng ta biết rằng mộ Thi sĩ Tân Đà trước đây được xây cất ở Làng Thanh Xuân, Hà Đông kề cận ngay Hà Nội. Trong những ngày giỗ kỷ niệm thi sĩ Tân Đà, các văn nghệ sĩ Thủ Đô thường lấy cớ ra viếng mộ thi sĩ để hội họp cổ vũ quyền tự do văn hóa, ca tụng nền văn hóa truyền thống dân tộc, kịch liệt chống đối nền văn hóa nô dịch ngoại lai một chiều.

Để chặn đứng phong trào chống đối của các nhà văn tự do, Việt Cộng đã không từ một hành vi bạo ngược nào có thể làm được mà chúng không làm, việc đào mả Tân Đà chỉ là một trong những hành động vô đạo đã man trong « chiến dịch » bưng gổc văn hóa của Việt Cộng.

TRONG NƯỚC

Chánh phủ Việt-Nam đóng cửa sứ quán Vietnam ở Lào.

Sau khi được tin Quốc-Vương Ai-Lao đã nhận ủy nhiệm thư của đại-sứ Bắc-Việt Cộng-sản, ngày 8-11-1962, Chánh phủ Việt Nam Cộng-Hòa đã quyết định đóng cửa Sứ-quán Việt-Nam tại Vạn-Tượng.

Dưới đây là Thông Cáo của Bộ Ngoại Giao V. N. C. H. về việc Việt-Cộng đặt một sứ quán ở Vạn-Tượng :

Trong bản tuyên ngôn ngày 20-9-1962, Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đã định rõ lập-trường về vấn đề bang-giao Lào-Việt sau khi Chánh phủ Liên-Hiệp Lào quyết định trao đổi sứ thần với chế độ Việt-Cộng. Trong bản tuyên ngôn đó, Chính phủ Việt Nam Cộng-Hòa đã ghi rõ những lý do thiết yếu khiến Việt nam không thể có hai vị Đại sứ tại cùng một quốc-gia.

Một mặt khác, Chánh phủ Hoàng gia Lào cũng đã được chính thức thông báo về lập trường của Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa, nêu nền bang giao giữa Lào và Việt-Cộng được thiết lập bằng cách trao đổi Đại-sứ.

Do đó, Chánh-phủ Việt Nam Cộng Hòa rất lấy làm tiếc nhận được tin Quốc-Vương Savang-Vat-thana ngày 8-11-1962, đã nhận ủy-nhiệm thư của Đại-sứ Việt Cộng.

Trong tình thế này, và chiếu theo các nguyên-tắc bất di dịch ghi trong bản tuyên ngôn ngày 20-9-1962, Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa tự thấy bắt buộc phải đóng cửa Sứ quán Việt Nam Cộng Hòa ở Vientiane kể từ ngày 8-11-1962,

mặc dầu vẫn giữ tình thân hữu đối với dân tộc Lào.

Saigon, ngày 8 tháng 11-1962

Nhật-Bản sẽ đảm nhiệm quyền lợi của Việt Nam ở Ai-Lao

Theo nguồn tin hữu quyền cho biết, thể theo lời yêu cầu của Chách phủ Việt Nam-Cộng-Hòa, Nhật-Bản đã chấp thuận đảm nhiệm quyền lợi của Việt Nam ở Ai-Lao sau khi Tòa Đại-sứ Việt - Nam ở Vientiane đóng cửa.

Lễ bàn giao quyền chỉ huy chiến dịch xây dựng nông thôn và chiến dịch Bình Minh

Sáng ngày 8-11-62, lễ bàn giao quyền chỉ huy Chiến dịch Xây dựng Nông thôn và Chiến dịch Bình Minh giữa Thiếu Tướng Văn-thành-Cao, Đại biểu Chánh phủ tại miền Đông Nam Phần và Đại Tá Nguyễn-đức-Thắng, Tư lệnh khu Chiến thuật 31 đã cử hành trang trọng tại Tòa Đại biểu Chánh phủ tại Miền Đông Nam Phần ở tỉnh lỵ Biên Hòa, dưới quyền chủ tọa của ông Ngô Đình Nhu, Cố Vấn Chính trị tại Phủ Tổng Thống.

Trong dịp này, Ông Cố Vấn chính trị tại Phủ Tổng Thống đã ngô lời hiệu thị với các cấp cán bộ trong chiến dịch : « Chuyển giao hai chiến dịch về cho Đại Tá Chủ tịch Ủy ban khu chiến để thi hành một sắc lệnh của Tổng Thống V.N.C.H, chủ trương của Chánh phủ là phối hợp phần vụ hành quân và dân sự, cả hai cần đi đôi nhau, yểm trợ nhau cho Dân Quân được nhứt trí. Do đó, hai thắng lợi chánh trị và quân sự phải cùng một lúc đánh Đứng đánh Mau và đánh Mạnh để diệt địch ».



ĐÔNG ĐỨC, TÂY ĐỨC, BÁ-LINH :

NGÒI LỬA CHIẾN TRANH THỨ III ?

(Tiếp theo trang 61)

Với giải pháp này, nếu Tây-Phương và nhất là Hoa-Kỳ tìm được mọi bảo đảm cần thiết và hữu hiệu để Tây Bá-Linh duy trì được sự giao thông liên lạc, mật dịch với Tây Đức và khối Tự-do, cũng như bảo vệ quyền tự do dân chủ cho dân chúng Tây Bá-Linh thì may ra có thể có sự thỏa thuận giữa đôi bên. Nhưng theo thiện ý, chúng tôi, không thể nào có được những bảo đảm ấy mà bảo đảm là gì nếu không phải là lực lượng quân sự? Vậy giải pháp này cũng không hy vọng đạt được mục đích.

Nếu loại ra ngoài giải pháp vô lực, vì chúng tôi cho rằng vô lực không phải là một giải pháp, thì chúng ta chỉ còn giải pháp chót là giữ nguyên hiện trạng (Statu-quo). Muốn giữ nguyên hiện trạng nghĩa là buộc Nga rút lại mọi yêu sách về vấn đề Bá-Linh và Đức Quốc, các nước Tây phương phải có những điều kiện sau đây :

1) — Thống nhất được quan điểm về vấn đề Bá-Linh và Đức Quốc.

2) — Sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc có thể xảy đến kể cả chiến tranh với khối Cộng-sản, mặc dù không nên có lúc nào tỏ ra chủ chiến.

3) Trong lúc ấy gây thế lực cho Khối Tây Âu để sau này đủ mạnh đối phó với các nước Cộng-sản nếu các nước này gây rối.

Quan điểm này có thể là quan điểm của Tổng Thống De Gaulle và Thủ-Tướng Adenauer nhưng không được hai phe Anh và Hoa-Kỳ tán thành.

Có người cho là giải pháp triệt thoái quân đội Tây Phương và tản cư dân chúng khỏi Tây Bá-Linh, nhưng chúng tôi cho đó là giải pháp đầu hàng rõ rệt, một giải pháp mà hiện nay dân chúng Tây Bá-Linh cho là một sự phản bội, một tấn Munich. Chúng ta chưa tưởng tượng được phản ứng của dân chúng Tây Bá-Linh nếu các nước Tây Phương áp dụng giải pháp này, nhưng chúng ta nhận thấy hiện nay dân chúng Đức đã tỏ ra phản đối các lực lượng Tây phương cố tình làm ngơ trước một thanh niên Đức bị bắn tử thương bỏ nằm dưới bức tường ô-nhục mà không có một cử chỉ tiếp cứu.



NĂNG MÙA DUYÊN

TÔI muốn sống với cuộc đời lạnh nhạt
Không thương yêu, không mơ mộng hảo huyền
Không buồn đau trong những bước truân chuyên
Hay khoai lạc trong cung đàn muôn điệu.
Tôi nói vậy là khi tâm hồn không suy nghĩ
Nông nổi vì, đời tôi sớm lao lung.
Chuyện trần gian tôi biết nói sao cùng
Tôi mượn lời thơ bắt cầu thông cảm
Mượn cảnh đẹp thiên nhiên mở phòng triển lãm
Đề mời tất cả người tuổi trẻ đến chơi
Họ đến đây giữa những tiếng vui cười.
Ôi sung sướng, trần gian đầy thơ mộng !
Họ đến đây giữa muôn ngàn tiếng vọng
Của những người trai trẻ đáng hiên ngang
Của những nàng tiên sinh-nữ đẹp dịu dàng
Và tất cả những người yêu đời chan chứa
Với những kẻ xứng đôi vừa lứa
Bước nhịp nhàng như ngày hội tiên nga
Muôn chim trời trời khúc nhạc vui hòa
Như chào đón cảnh tượng bừng nào nhiệt.

KHÁI-LINH

Vậy thì giải pháp nào có thể áp dụng được để giải quyết vấn đề Bá-Linh và Đức Quốc? Liệu Tây phương còn có giải pháp nào khác không? — Một giải pháp không phản lại dân tộc Đức, không phản lại các nước Đồng Minh của mình và cũng không gây ra một chiến tranh thứ ba mà không ai ngờ được hậu quả.

N. V.

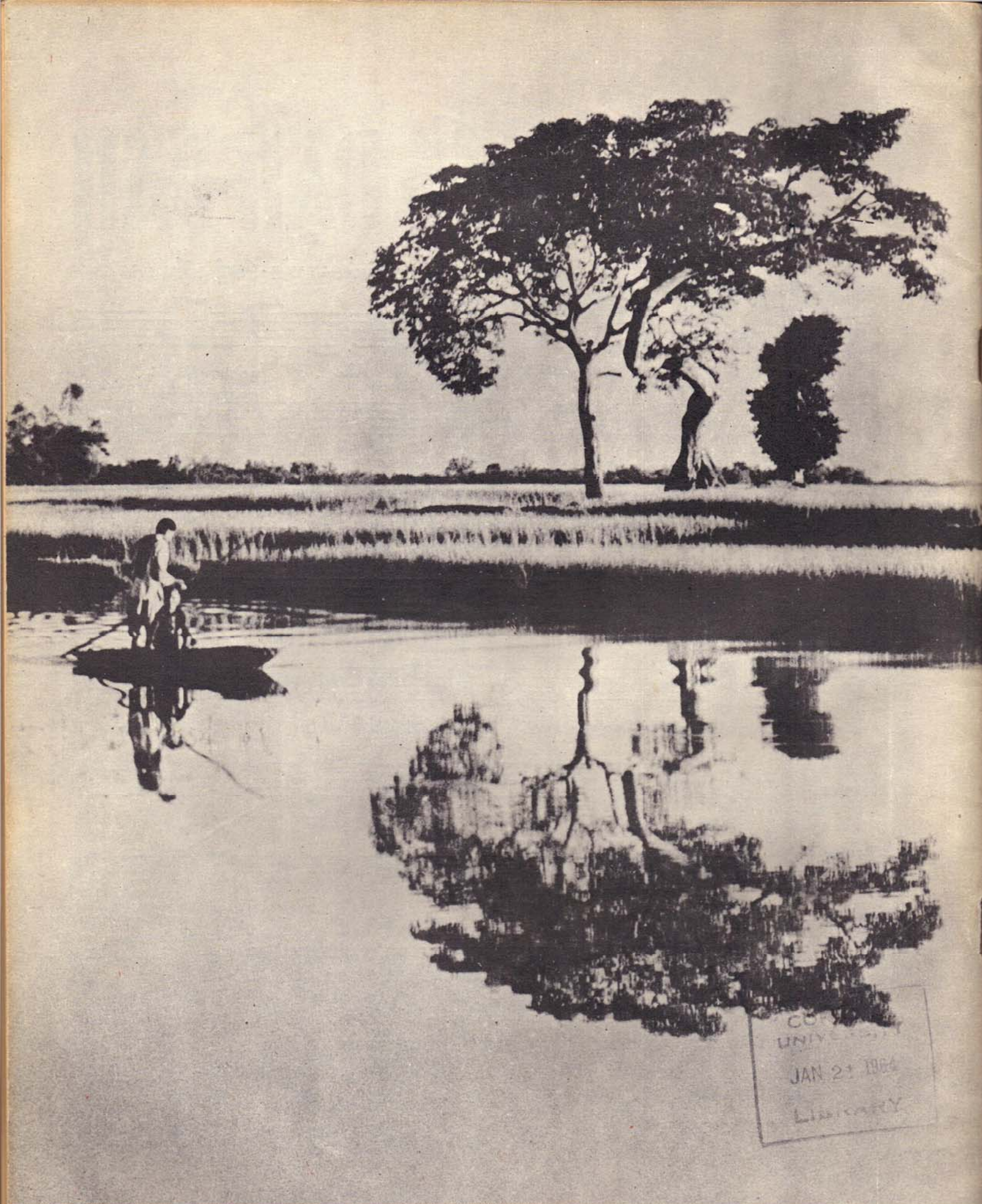
Khúc Ca BẠN DÂN

CỦA BAN VĂN - NGHỆ TỔNG NHÀ CSQG.

Nhịp hùng mạnh, G.

The musical score is written on ten staves. The first staff begins with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 2/4 time signature. The melody is composed of eighth and quarter notes, with some rests. The lyrics are written below the staves, aligned with the notes. The score ends with a double bar line and a repeat sign.

Cảnh. Sát Quốc - Gia nguyện một lòng giúp dân . Tạo nguồn vui
sông khắp nơi nơi hát mừng . Tuổi sáng thay ngày mới , ngày ngọt say
men đời Cảnh. Sát Quốc - Gia luôn luôn là bạn dân Thế quyết tâm đồng một lòng
yêu Quốc - Gia . Giữ lo an ninh khắp nơi nơi thái hòa . Câu hát vang
rộn rã , hương nắng trên muôn nhà Cảnh. Sát Quốc - Gia là bạn của dân muôn
đời . Mai này ngày vui sông núi Cảnh hoa Nhân
Vị nở ngát hương kết đoàn dựng xây tương lai Khúc hoan ca mừng
Lộc - Hồ bốn phương. Cảnh. Sát Quốc - Gia được toàn dân mến thương. Bạn dân ta
nhớ sông với dân hết lòng . Không quên chi cuộc sông Ngục hiem ta
không sờn CẢNH - SÁT QUỐC - GIA CỘNG - HÒA VIỆT - NAM



CORVALLIS
UNIVERSITY
JAN 23 1984
LIBRARY